

CÔNG TY TNHH YURO VINA



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA “NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI PHỤ TÙNG, ĐỘNG CƠ
CỦA CÁC LOẠI XE”**

(CÔNG SUẤT 36.000.000 SP/NĂM)

**Địa điểm: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T.
Bình Dương**

Bình Dương, tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH YURO VINA



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA “NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI PHỤ TÙNG, ĐỘNG CƠ
CỦA CÁC LOẠI XE”**

(CÔNG SUẤT 36.000.000 SP/NĂM)

**Địa điểm: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, TP. Tân Uyên, T.
Bình Dương**

**CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH YURO VINA**



YOU YOUNG ROCK

Bình Dương, tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH VẼ.....	vi
Chương I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	1
1.1. Thông tin về chủ cơ sở:	1
1.2. Thông tin về cơ sở:	1
1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	2
1.3.1. Công suất của cơ sở: công suất của công ty là 36.000.000 SP/năm (các loại phụ tùng của động cơ các loại xe).	2
1.3.2. Công nghệ sản xuất:.....	2
1.3.3. Sản phẩm của Công ty:	15
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:.....	15
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, phế liệu:	15
1.4.2. Nhu cầu sử dụng hóa chất:.....	16
1.4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:	16
1.4.4. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng điện năng:	16
1.4.5. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước:.....	17
1.4.6. Lưu lượng xả thải của Công ty:	19
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	19
1.5.1. Thông tin về tình hình đầu tư các hạng mục công trình của Công ty:	19
1.5.2. Nhu cầu sử dụng lao động	21
Chương II.....	22
SỰ PHÙ HỢP CỦA CÔNG TY VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	22
2.1. Sự phù hợp của công ty với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	22
2.2. Sự phù hợp của công ty đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải:	22
Chương III.....	27
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	27
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	27
3.1.1. Thu gom và thoát nước mưa:.....	27
3.1.2. Thu gom và thoát nước thải:.....	27
3.1.3. Xử lý nước thải:	27
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	37

3.2.1. Đối với bụi từ quá trình tiện làm sạch bề mặt ống thủy tinh	37
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:	42
3.3.1. Công trình lưu giữ, biện pháp xử lý CTRCN thông thường:	42
3.4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	43
3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:	43
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	44
3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối các HTXL nước thải:	44
3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:	45
3.6.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:	48
3.6.4. Biện pháp an toàn lao động:	51
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:	52
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường:	53
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	55
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	55
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	56
1.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	57
1.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với CTRCN thông thường và chất thải nguy hại	57
Chương V	59
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	59
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:	59
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:	61
6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	64
6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	64
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:	65
Chương VII	66
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	66
6.1. Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường	66
6.2. Cam kết thực hiện tuân thủ các tiêu chuẩn/quy chuẩn môi trường	66
PHỤ LỤC	68
PHỤ LỤC I: HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN	68
PHỤ LỤC II: CÁC BẢN VẼ CỦA CÔNG TY	69

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ATLD	:	An toàn lao động
BCT	:	Bộ Công Thương
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
BXD	:	Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
CTRCN	:	Chất thải rắn công nghiệp
CTRCNTT	:	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
GPXD	:	Giấy phép xây dựng
KCN	:	Khu công nghiệp
KPH	:	Không phát hiện
LOQ	:	Giới hạn định lượng của phương pháp
MDL	:	Giới hạn phát hiện của phương pháp
NĐ-CP	:	Nghị định Chính phủ
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	:	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
SS	:	Chất rắn lơ lửng
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	:	Ủy ban nhân dân
WHO	:	Tổ chức Y tế Thế giới

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Danh mục máy móc thiết bị của công ty	14
Bảng 1. 2. Tổng hợp khối lượng sản phẩm của Công ty	15
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của công ty	15
Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng hóa chất của Công ty	16
Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, dầu thủy lực của Công ty	16
Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng điện tháng 12 năm 2023 và tháng 1, 2 năm 2024	17
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước tháng 12 năm 2023 và tháng 1, 2 năm 2024	17
Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước của công ty	17
Bảng 1. 9. Lưu lượng nước thải phát sinh tại Công ty	19
Bảng 1. 10. Các hạng mục công trình đã được đầu tư tại Công ty	19
Bảng 1. 11. Nhu cầu sử dụng lao động	21
Bảng 2. 1. Kết quả quan trắc tự động nước thải sau xử lý của trạm XLNT tập trung CCN Thành Phố Đẹp từ 01/12/2023 đến 29/02/2024	23
Bảng 2. 2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh khu vực dự án	25
Bảng 2. 3. Bảng kết quả đo đặc môi trường không khí xung quanh tại Công ty được thực hiện từ năm 2021 đến tháng 6/2022	26
Bảng 3.1. Hạng mục công trình của HTXLNT sinh hoạt (công suất 20 m ³ /ngày)	31
Bảng 3. 2. Danh mục máy móc thiết bị của HTXLNT sinh hoạt	32
Bảng 3. 3. Kích thước hạng mục công trình của HTXLNT sản xuất	35
Bảng 3. 4. Danh mục máy móc thiết bị của HTXLNT sản xuất	36
Bảng 3. 5. Định mức và nhu cầu sử dụng hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải sản xuất	37
Bảng 3.7. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường	42
Bảng 3. 8. Khối lượng và thành phần chất thải nguy hại của Công ty	43
Bảng 3. 9. Bảng phân công trách nhiệm từng bộ phận	46
Bảng 3. 10. Bảng liệt kê trang thiết bị phương tiện sử dụng ứng phó sự cố hóa chất	47
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải tại hồ ga trước khi đầu nối vào Cụm công nghiệp (gồm cả nước thải sản xuất và sinh hoạt)	59
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt sau HTXL nước thải sinh hoạt	59
Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí lao động xưởng sản xuất	61
Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh	61
Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại hồ ga tập trung trước khi đầu nối vào cụm công nghiệp	62

Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt sau HTXL nước thải sinh hoạt	63
Bảng 5. 7. Kết quả quan trắc môi trường không khí lao động	63
Bảng 5. 8. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh	63
Bảng 5. 9. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm đối với khí thải, nước thải	65

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1. 1. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm vòng tiếp điện (Slip Ring).....	3
Hình 1.2. Quy trình sản xuất vòng đai cố định bằng thủy tinh (sản phẩm GLASS RING).....	11
Hình 3. 1. Quy trình công nghệ HTXL nước thải sinh hoạt $20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$	28
Hình 3. 2. Hình ảnh HTXL nước thải sinh hoạt	31
Hình 3. 3. Công nghệ HTXL nước thải sản xuất.....	34
Hình 3. 4. Hình ảnh thực tế HTXL nước thải sản xuất	35
Hình 3. 5. Hình ảnh máy tiện kèm thiết bị xử lý bụi	38
Hình 3. 6. Hình ảnh thiết bị xử lý bụi công đoạn chà đầu ống thủy tinh	39
Hình 3. 7. Hình ảnh máy cắt ống thủy tinh kèm thiết bị xử lý bụi bằng cách phun nước..	40
Hình 3. 10. Sơ đồ tổ chức Ban ứng phó sự cố tại Công ty	46
Hình 3. 11. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.....	50

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1.1. Thông tin về chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH YURO VINA
- Địa chỉ văn phòng: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật:
 - + Người đại diện pháp luật: Ông YOU YOUNG ROCK, chức vụ: Tổng Giám đốc
 - + Sinh ngày: 05/11/1973, quốc tịch: Hàn Quốc
 - + Số hộ chiếu nước ngoài: M95062614 ngày cấp 27/02/2019, nơi cấp: Đại Sứ Quán Hàn Quốc.
 - + Nơi thường trú: 48-12, Namsan-dong, Geumjeong-gu, Busan, Korea, Hàn Quốc.
 - + Chỗ ở hiện nay: Đường DT747B, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Điện thoại: 0274.3648125, Fax: 0274.3648450
- Giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 461023000643 do ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 01/06/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 21/05/2014 cho Công ty TNHH YURO VINA.
- Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên mã số doanh nghiệp 3700635882 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 01/06/2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 22/08/2022 cho Công ty TNHH YURO VINA.

1.2. Thông tin về cơ sở:

- Tên cơ sở: “Nhà máy sản xuất các loại phụ tùng động cơ của các loại xe - công suất 36.000.000 SP/năm”.
- Địa điểm cơ sở: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, loại giấy phép có liên quan đến môi trường:
 - + Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 6/01/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình nhà xưởng sản xuất các loại phụ tùng động cơ các loại xe của Công ty TNHH Yuro Vina.
 - + Giấy phép xây dựng số 1497/GPXD-SXD ngày 13/3/2015 của Sở Xây Dựng.
 - + Biên bản kiểm tra hồ sơ nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng ngày 17/09/2007.
 - + Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số 74000.549T ngày 08/10/2009.
 - + Giấy thẩm duyệt PCCC số 490/TD-PCCC ngày 29/09/2005.

+ Giấy thẩm duyệt hệ thống PCCC số 483/TD-PCCC ngày 21/07/2015 của Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương (nhà xưởng, công trình phụ trợ giai đoạn 2).

+ Giấy nghiệm thu hệ thống PCCC số 189/PCCC ngày 27/7/2007 của Công an tỉnh Bình Dương (hạng mục văn phòng, nhà xưởng, nhà ăn, ký túc xá, công trình phụ trợ giai đoạn 1).

+ Văn bản số 42/CSPC&CC-S5 ngày 28/01/2016 của cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy (nhà xưởng, công trình phụ trợ giai đoạn 2).

– Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 656/QĐ-STNMT ngày 17/8/2010 của Nhà máy sản xuất các loại phụ tùng động cơ cho các loại xe, công suất 36.000.000 SP/năm.

– Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 212/CN-SHCT ngày 16/11/2003 của UBND tỉnh Bình Dương.

– Quy mô của cơ sở: Tổng vốn đầu tư của dự án là 3.500.000 đô la Mỹ (tương đương khoảng 91.000.000 VNĐ) nên thuộc nhóm B (Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Dự án thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

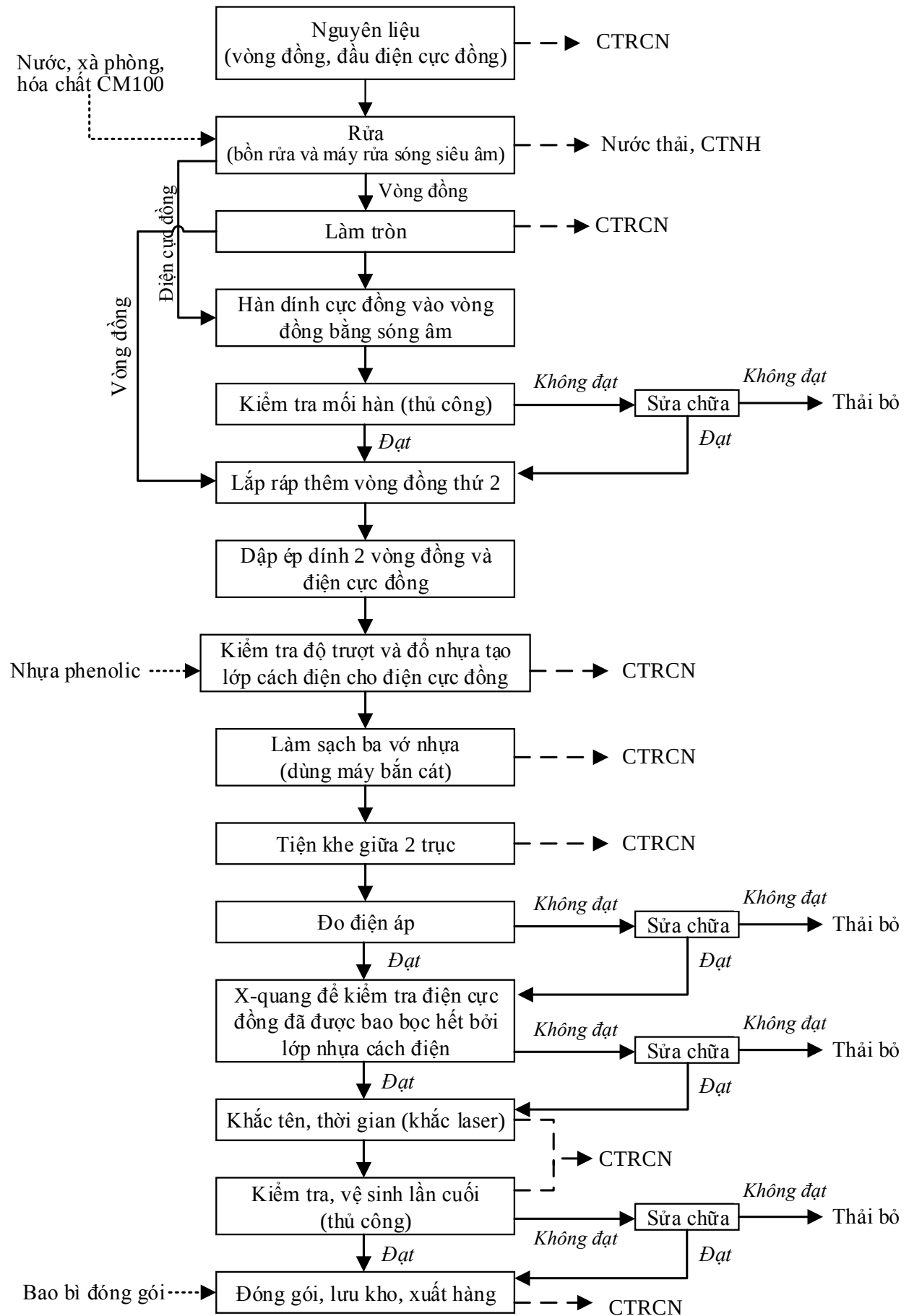
1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất của cơ sở: công suất của công ty là 36.000.000 SP/năm (các loại phụ tùng của động cơ các loại xe).

1.3.2. Công nghệ sản xuất:

1.3.2.1. Quy trình công nghệ sản xuất của Công ty:

a. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm vòng tiếp điện (Slip ring)



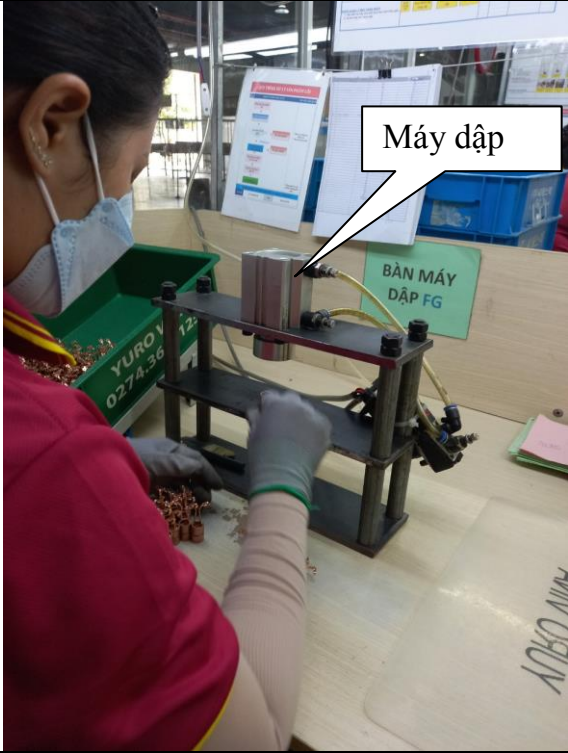
Hình 1. 1. Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm vòng tiếp điện (Slip Ring)

Thuyết minh quy trình sản xuất:

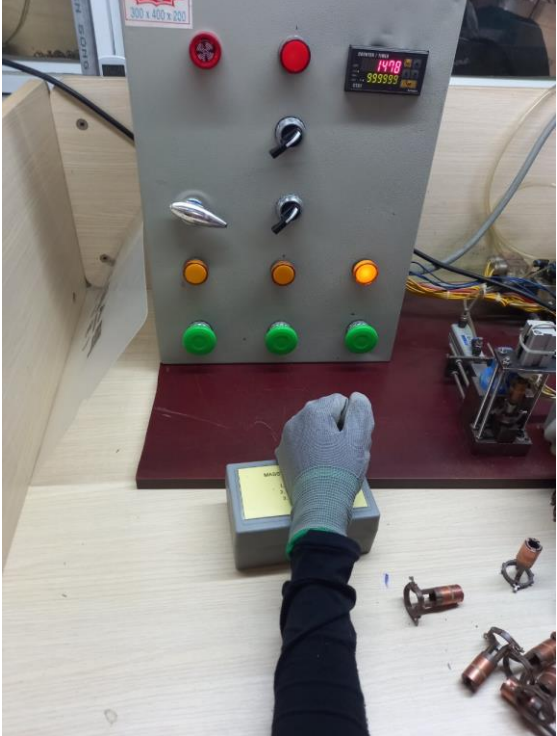
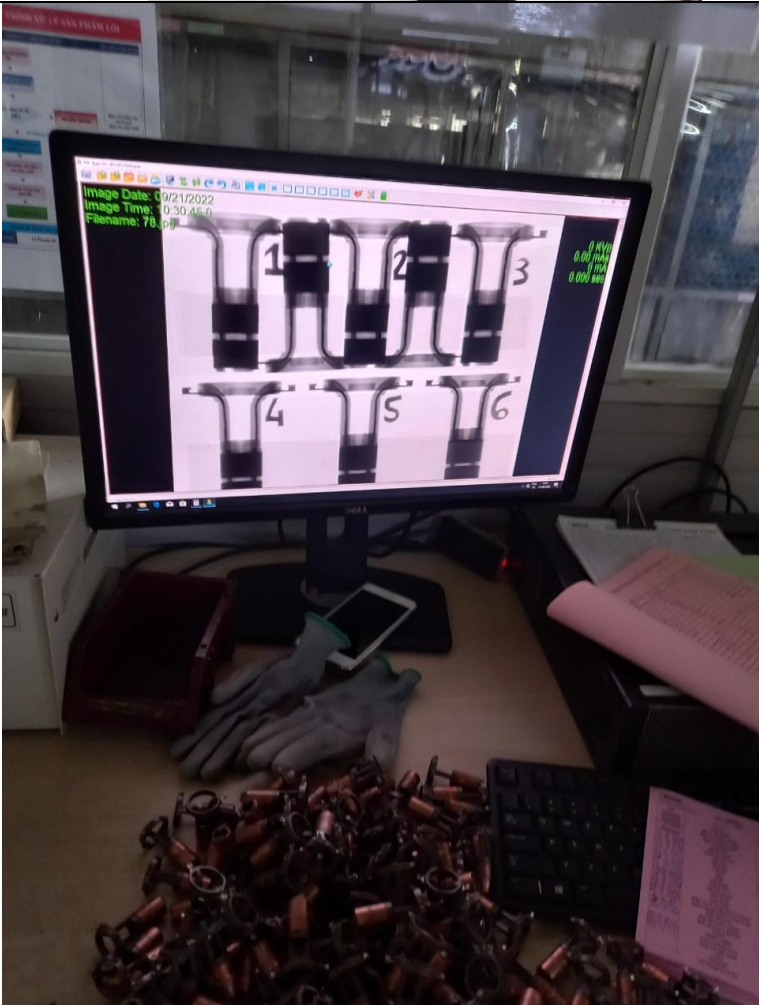
Nguyên liệu nhập về Công ty là vòng đồng và điện cực đồng. Nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất phải qua công đoạn rửa sạch.	 Cực điện bằng đồngVòng bằng đồng
Rửa: Có 2 công đoạn rửa. Bước 1: Rửa bằng nước và xà phòng trong cối rửa được quay với vận tốc lớn. Trung bình 1 cối rửa được 5.000 chi tiết/lần kết hợp với 50g xà phòng và 120lit nước. Công ty trang bị 6 cối rửa nguyên liệu cho công đoạn này. Bước 2: Sau khi rửa bằng nước xà phòng, nguyên liệu được tiếp tục rửa bằng máy dùng sóng siêu âm. Dung dịch rửa gồm nước pha với hóa chất CM100 ở nồng độ khoảng 0,06%. Lượng nước sử dụng cho 1 máy rửa bằng sóng siêu âm khoảng 50-80lit. Công ty trang bị 4 máy rửa sóng siêu âm cho công đoạn này. Nước thải tại công đoạn rửa được dẫn theo đường ống gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty trước khi dẫn đầu nối về trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp thành phố đẹp. Nguyên liệu sau khi	 Công đoạn rửa bằng nước và bột giặt xà phòng  Máy rửa bằng sóng siêu âm Rửa bằng máy siêu âm

làm sạch được để khô tự nhiên trước khi chuyển qua công đoạn sản xuất chính.	
Làm tròn vòng đồng: Các vòng đồng đưa qua máy nén ép để tạo độ tròn tuyệt đối. Máy nén chỉ dùng cơ học. Trong quá trình nén làm phát sinh mạt đồng, thu gom tập trung vào thùng chứa cuối ngày chuyển đến kho chứa CTRCN.	 Máy làm tròn vòng đồng
Hàn (sóng âm): Công ty sử dụng máy hàn sóng âm để kết nối vòng đồng thứ 1 với điện cực bằng đồng.	 Hàn sóng âm  Bán thành phẩm sau hàn

Kiểm tra bằng mắt. Nhân viên trực tiếp kiểm tra bằng mắt mỗi hàn giữa vòng đồng thứ 1 và điện cực đồng. Nếu bán thành phẩm đạt yêu cầu thì chuyển sang công đoạn kế tiếp, nếu bán thành phẩm ko đạt yêu cầu thì khắc phục, sửa chữa. Nếu sau khi sửa chữa đạt chất lượng thì chuyển sang công đoạn sản xuất tiếp theo. Nếu sau sửa chữa không đạt chất lượng thì thải bỏ.	
Ráp thêm vòng đồng thứ 2: Quá trình lắp ráp thêm vòng đồng thứ 2 được thực hiện thủ công.	 Công nhân lắp ráp Bán thành phẩm sau khi lắp ráp thêm vòng đồng thứ 2

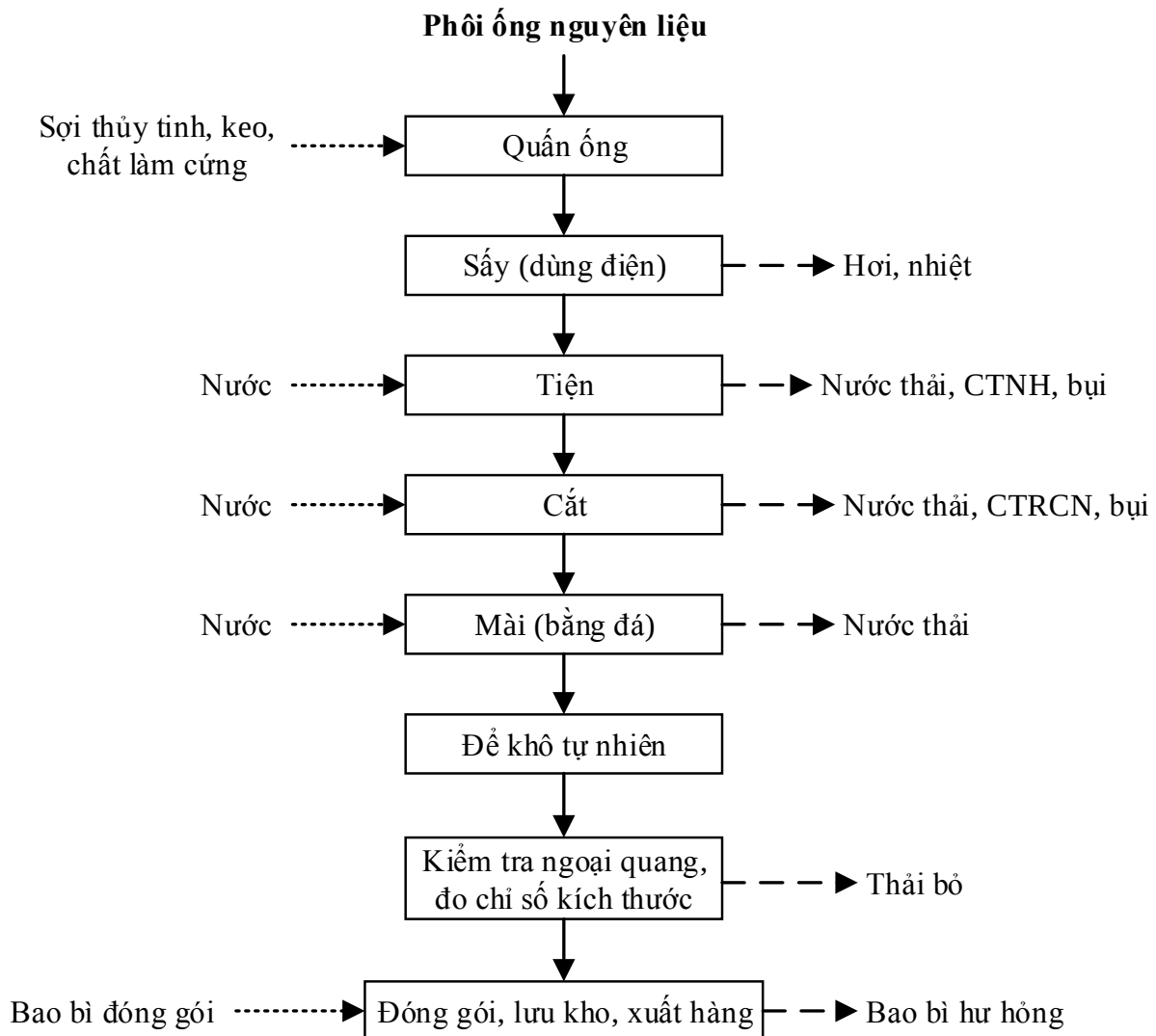
Dập (ép dính 2 vòng đồng): Máy dập làm nhiệm vụ ép 2 vòng đồng dính chặt vào nhau.	 Máy dập BÀN MÁY DẬP FG YUROV 0274.36
Kiểm tra độ trượt và đổ nhựa cho điện cực: Việc kiểm tra độ trượt của vòng đồng được thực hiện bằng máy và kết quả hiển thị qua màn hình. Điện cực bằng đồng cần được bao bọc bởi lớp nhựa bên ngoài tạo lớp cách điện. Hạt nhựa phenolic cho vào máy ép đùn bằng điện. Sau khi ép nhựa chảy vào khuôn tạo lớp vỏ cách điện cho điện cực đồng.	

Làm sạch ba vớ: Sau khi đổ nhựa tạo vỏ cách điện cho điện cực bằng đồng sẽ có những phần nhựa dư xung quanh điện cực. Do vậy cần được làm sạch phần nhựa dư này. Việc loại bỏ nhựa dư được thực hiện bằng máy bắn cát. Máy bắn cát trong thùng kín nên không làm phát sinh bụi ra bên ngoài. Vòng tiếp điện di chuyển vào và ra khỏi phòng máy bắn cát theo băng chuyền tự động.	 Vòng tiếp điện Đầu phun cát
Tiện khe giữa 2 trục	 Máy tiện khe giữa 2 trục

Đo điện áp:	
Siêu âm: Chiếu X-Quang là công đoạn để công nhân nhìn và kiểm tra xem lớp nhựa cách điện có bao bọc hết lõi điện cực bằng đồng không, nếu sản phẩm nào có lớp nhựa chưa phủ kín bên ngoài thì tiến hành khắc phục sửa chữa, nếu không khắc phục sửa chữa được thì thải bỏ. Sản phẩm sau công đoạn này được chuyển qua công đoạn đo điện áp.	

Khắc tên thương hiệu và thời gian: Sử dụng công nghệ khắc tên laser	
Kiểm tra, vệ sinh: Công nhân kiểm tra thủ công	
Đóng gói	

b) Quy trình công nghệ sản xuất vòng đai cố định bằng thủy tinh (sản phẩm GLASS RING)



Hình 1.2. Quy trình sản xuất vòng đai cố định bằng thủy tinh (sản phẩm GLASS RING)

Thuyết minh quy trình sản xuất sản phẩm Glass Ring:

Stt	Công đoạn sản xuất	Hình ảnh minh họa
	Quấn ống: Nguyên liệu chính cho quá trình sản xuất sản phẩm Glass Ring là sợi thủy tinh, keo, chất tạo màu, chất làm cứng. Keo, chất làm cứng, chất tạo màu phối trộn theo tỷ lệ nhất định tạo thành dung dịch (1). Sợi thủy tinh sử dụng ở dạng sợi mảnh, dài, màu trắng đục. Sợi thủy tinh nhúng qua dung dịch (1) sau đó quấn lên phôi ống (nhằm mục đích giúp ống cứng hơn, dễ dàng trong quá trình cắt ống, tạo độ chính xác cao).	 

	Phôi ống sau khi quấn sợi thủy tinh và dung dịch (1) được chuyển qua công đoạn sấy.	
	Sấy: Nhằm làm khô dung dịch keo, chất làm cứng và chất tạo màu, giúp ống cứng hơn. Nhiệt độ buồng sấy duy trì từ 160-170°C, thời gian sấy 12h/mẻ. Lò sấy bằng điện, quá trình gia nhiệt bằng điện trở. Tại công ty trang bị 6 buồng sấy.	
	Tiện: Tiện là quá trình cắt bỏ lớp keo làm sạch mặt ngoài của ống. Trong quá trình tiện làm phát sinh bụi, công ty nhập đồng bộ thiết bị đính kèm máy tiện để xử lý bụi, phương pháp xử lý bằng phun nước. Ngoài 8 máy tiện thân ống, công ty còn đầu tư 1 máy tiện đầu ống. Tại máy tiện đầu ống có lắp đặt thiết bị xử lý bụi bằng phương pháp lọc màng.	 Màng lọc bụi trong quá trình chà đầu ống

Cắt: Tạo ra những vòng sản phẩm theo quy cách đơn đặt hàng. Trong quá trình cắt phát sinh bụi, tại mỗi máy cắt có lắp đặt hệ thống màng nước phun lên lưỡi dao để thu gom bụi, hạn chế không cho bụi phát tán ra môi trường.	
Mài: Vòng thủy tinh sau khi cắt thì bề mặt tiếp xúc với lưỡi dao chưa nhẵn, do đó cần mài để tạo bề mặt nhẵn bóng hơn. Phương pháp mài mà công ty sử dụng là cho vòng thủy tinh quay tốc độ nhanh trong đá mài. Khi quay với vận tốc lớn thì đá mài mà sát với vòng thủy tinh làm cho bề mặt vòng thủy tinh nhẵn bóng hơn. Trong quá trình mài, nước được cho vào cối mài để rửa sạch bụi. Nước thải được xả về bể lắng lọc trước khi đưa về trạm xử lý nước thải sản xuất của công ty.	
Làm khô: Sản phẩm sau mài được chuyển qua công đoạn làm khô. Sản phẩm được để khô tự nhiên.	

Kiểm tra ngoại quang, đo kích thước: Sau khi hoàn thành các bước sản xuất, công đoạn cuối cùng cần thực hiện trước khi đóng gói sản phẩm là kiểm tra ngoại quang, đo kích thước của vòng thủy tinh. Công đoạn kiểm tra hoàn toàn bằng thủ công. Quá trình kiểm tra nếu phát hiện vòng thủy tinh nào không đáp ứng quy định thì sửa chữa đến khi đạt yêu cầu, trường hợp sản phẩm nào không thể chỉnh sửa thì thải bỏ, theo dạng CTNH.	
---	--

1.3.2.2. Danh mục máy móc thiết bị của Công ty:

Bảng 1.1. Danh mục máy móc thiết bị của công ty

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Công suất
A	MÁY SẢN XUẤT VÒNG TIẾP ĐIỆN		
1	Máy dập table	02	5,5Kw
2	Máy hàn sóng âm	2	2Kw
3	Máy dập tạo hình	5	5,5Kw
4	Máy làm thẳng dây đồng	1	0,5Kw
5	Máy lột vỏ dây đồng	1	0,5Kw
6	Máy thử nghiệm điện áp	4	0,5Kw
7	Máy ép nhựa	3	13,5Kw
8	Máy barrel	4	3,5Kw
9	Máy thử nghiệm độ bền vòng	1	0,75Kw
10	Máy kiểm tra kích cỡ vòng	2	0,5Kw
11	Máy ráp sản phẩm	1	0,5Kw
12	Máy dập sản phẩm	3	5,5Kw
13	Máy cắt rãnh/tiện/cắt/làm sạch	38	1,5Kw
14	Máy hút bụi	1	3,75kw
15	Máy thử độ chịu lực của sản phẩm	1	0,5Kw
16	Máy thử sức chịu nhiệt	1	0,5Kw
B	THIẾT BỊ SẢN XUẤT VÒNG THỦY TINH		
1	Máy sấy	6	5,5 Kw
2	Máy tiện	1	3,5Kw
3	Máy phay	1	3,5Kw
4	Máy cưa	1	1,5Kw
5	Máy mài	1	1,5Kw
6	Máy làm mát	1	0,75Kw
7	Máy mở khuôn	1	0,5Kw
8	Máy cắt vòng	6	3,5Kw
9	Máy cuộn	3	3,5Kw
10	Máy tiện vòng	6	3,75Kw
11	Máy tách ống	2	3,5Kw

12	Máy kiểm tra độ cân bằng của SP	1	0,5Kw
13	Máy đo kích thước chi tiết của SP	1	0,5Kw
14	Máy kiểm tra độ tròn đều của SP	1	0,5Kw
C	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG		
1	Máy nén khí	3	2 cái 25,5Kw và 1 cái 37,5kw
2	Máy làm khô khí	1	0,75Kw
3	Máy phát điện dự phòng	1	500 KVA
4	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	1	20 m ³ /ngày
5	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	1	10 m ³ /ngày

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

1.3.3. Sản phẩm của Công ty:

Bảng 1. 2. Tổng hợp khối lượng sản phẩm của Công ty

Stt	Tên sản phẩm	ĐVT	Theo đề án đã duyệt	Công suất	
				Hiện hữu	Xin cấp phép môi trường
1	Vòng tiếp điện (Slip Ring)	Cái	10.000.000	10.000.000	12.000.000
2	Vòng đai cố định bằng thủy tinh (sản phẩm Glass Ring)	Cái	21.000.000	21.000.000	24.000.000
3	Bộ chuyển mạch điện – Commutator	Cái	2.000.000	0	0
4	Chụp cách điện bằng nhựa (sản phẩm MOLD)	Cái	3.000.000	0	0
	Tổng cộng	Cái	36.000.000	31.000.000	36.000.000

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Nhận xét: So với báo cáo đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 565/QĐ-CTNMT ngày 17/8/2010 (về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường nhà máy sản xuất các loại phụ tùng động cơ của các loại xe nâng công suất 36.000.000 SP/năm gồm: Vòng tiếp điện (Slip Ring): 10.000.000 SP/năm; Vòng đai cố định bằng thủy tinh (sản phẩm Glass Ring): 21.000.000 Sp/năm); Mold: 3.000.000 SP/năm; Commutator: 2.000.000 SP/năm. Tuy nhiên, do 2 loại sản phẩm bộ chuyển mạch điện – Commutator và sản phẩm chụp cách điện bằng nhựa (sản phẩm MOLD) không có đơn hàng, từ ngày thành lập đến nay công ty cũng chưa trang bị máy móc để sản xuất 2 dòng sản phẩm này nên trong hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường lần này Công ty **không đăng ký cho 2 dòng sản phẩm Mold và Commutator**.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án:

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, phế liệu:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của công ty

STT	Nguyên liệu	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng	
			Hiện tại	Tối đa xin cấp phép môi trường
A	NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÒNG TIẾP ĐIỆN			
1	Nhựa phenolic	kg/tháng	4.895	5.874
2	Vòng đồng	pcs/tháng	262.154	314.584
3	Đầu cực điện bằng đồng	pcs/tháng	234.782	281.738
4	Dây điện bọc nhựa	m/tháng	14.000	16.800

5	Dây đồng	m/tháng	1.200	1.440
6	Ống nhựa	m/tháng	2.500	3.000
7	Giăng cắt điện	m/tháng	20.000	24.000
8	Thanh đồng	pcs/tháng	787.232	944.678
9	Vòng nhựa	pcs/tháng	3.000	3.600
B	NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT VÒNG THỦY TINH			
10	Lõi trục cố định bằng thép	pcs/tháng	31.140	35.588
11	Nhựa epoxy	kg/tháng	5.546	6.338
12	Sợi thủy tinh	kg/tháng	9.382	10.722

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng hóa chất:

Bảng 1. 4. Nhu cầu sử dụng hóa chất của Công ty

Stt	Tên hóa chất	Đơn vị	Nhu cầu sử dụng		Mục đích sử dụng
			Hiện tại	Tối đa xin cấp phép môi trường	
1	Xà phòng	kg/tháng	83	100	Vệ sinh vòng tiếp điện
2	Hóa chất CM100	kg/tháng	3,2	3,8	
3	Keo epoxy	kg/tháng	300	343	Sản xuất vòng thủy tinh
4	Chất tạo màu	kg/tháng	200	229	
5	Chất làm cứng	kg/tháng	150	172	
6	NaOH (32%) (0,08 kg/m ³)	kg/tháng	12,90	15,6	Xử lý nước thải
7	Polymer (0,004 kg/m ³)	kg/tháng	0,65	0,78	
8	PAC (0,021 kg/m ³)	kg/tháng	3,39	4,10	
9	Clorine (0,23 kg/m ³)	kg/tháng	42	66	
10	Mật rỉ đường	kg/tháng	Lượng sử dụng không cố định, tùy thuộc vào tình hình hoạt động của vi sinh		

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:

Bảng 1. 5. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, dầu thủy lực của Công ty

Stt	Tên nhiên liệu, dầu thủy lực	Nhu cầu sử dụng	Mục đích sử dụng
1	Dầu DO	450 lit/năm	Chạy máy phát điện dự phòng
2	Dầu thủy lực AW	200 lit/năm	Bôi trơn máy móc

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

1.4.4. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng điện năng:

- Nguồn cung cấp điện: Mạng lưới điện quốc gia qua khu vực Tân Uyên.
- Nguồn điện dự phòng: Công ty đầu tư máy phát điện dự phòng công suất 500KVA.
- Nhu cầu tiêu thụ điện:

+ Hiện nay: Nhu cầu sử dụng điện dựa trên hoá đơn sử dụng tháng 12 năm 2023 VÀ tháng 1, 2 năm 2024 khoảng 88.333 kwh/tháng. Cụ thể như sau:

Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng điện tháng 12 năm 2023 và tháng 1, 2 năm 2024

Stt	Thời gian	Nhu cầu sử dụng điện (kwh/tháng)
1	Tháng 12/2023	105.080
2	Tháng 01/2024	102.480
3	Tháng 02/2024	56.440
	Trung bình	88.333

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

+ Giai đoạn ổn định: Dựa vào nhu cầu sử dụng điện hiện nay và khi hoạt động ổn định, Công ty không đầu tư thêm máy móc thiết bị (chỉ tăng thời gian hoạt động của máy) do vậy ước tính lượng điện sử dụng khoảng 100.580 kwh/tháng.

1.4.5. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước:

a. Nguồn cung cấp nước: Từ mạng lưới cấp nước của khu vực thị xã Tân Uyên thuộc Chi nhánh cấp nước Tân Uyên của Công ty Cổ phần nước Môi trường Bình Dương.

b. Nhu cầu sử dụng nước:

+ Hiện nay: Nhu cầu sử dụng nước của Công ty được dựa trên hoá đơn tiền nước sử dụng tháng 12 năm 2023 và tháng 1, 2 năm 2024 khoảng 417 m³/tháng ~ 15 m³/ngày. Cụ thể như sau:

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng nước tháng 12 năm 2023 và tháng 1, 2 năm 2024

Stt	Thời gian	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /tháng)
1	Tháng 12/2023	443
2	Tháng 01/2024	391
3	Tháng 02/2024	416
	Trung bình	417

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

+ Khi hoạt động ổn định: Tổng lượng nước sử dụng khoảng 20,5 m³/ngày, bao gồm các hạng mục sau:

Bảng 1. 8. Nhu cầu sử dụng nước của công ty

Stt	Mục đích sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ngày)		
		Theo đề án đã duyệt	Hiện tại	Tối đa xin cấp phép môi trường
1.	Sinh hoạt	13,5	7	11
2.	Sản xuất	10	7	8,5
	Nước sử dụng công đoạn rửa nguyên liệu sản xuất vòng tiếp điện	-	3,4	4,1
	Nước sử dụng công đoạn xử lý bụi trong quá trình tiện làm sạch bề mặt ngoài của ống thủy tinh	-	1,9	2,3
	Nước sử dụng công đoạn cắt ống thủy tinh thành vòng thủy tinh	-	1,2	1,5

	Nước sử dụng công đoạn mài sản phẩm vòng thủy tinh sau khi cắt	-	0,5	0,6
3.	Tưới cây, PCCC	2	1	1
	Tổng cộng	25,5	15	20,5

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Giải trình mục đích sử dụng nước:

a. Nước cấp cho sản xuất:

- Đối với công đoạn sản xuất vòng tiếp điện thì nước sử dụng cho quá trình rửa vòng đồng trước khi đưa vào sản xuất. Cụ thể như sau:

Vòng đồng khi mua về công ty cần được rửa sạch trước khi qua công đoạn sản xuất. Quá trình rửa thực hiện qua 2 bước:

Bước 1: Rửa bằng nước và xà phòng trong cối rửa được quay với vận tốc lớn. Trung bình 1 cối rửa được 500 chi tiết/lần kết hợp với 50g xà phòng và 120lit nước. Với số lượng vòng đồng sử dụng cho giai đoạn hiện nay 262.782 psc/tháng thì trung bình 1 ngày rửa khoảng 20 mẻ => lượng nước rửa khoảng 20 mẻ/ngày x 120 lit/mẻ = 2,4 m³/ngày.

Bước 2: Sau khi rửa bằng nước xà phòng, nguyên liệu được tiếp tục rửa bằng máy dùng sóng siêu âm. Dung dịch rửa gồm nước pha với hóa chất CM100 ở nồng độ khoảng 0,06%. Lượng nước sử dụng cho 1 máy rửa bằng sóng siêu âm khoảng 50 lit tương ứng cho 500 vòng/mẻ. Như vậy lượng nước sử dụng cho công đoạn rửa vòng tiếp điện là 50 lít/mẻ x 20 mẻ/ngày = 1 m³/ngày.

⇒ Vậy tổng lượng nước sử dụng công đoạn rửa vòng đồng giai đoạn hiện nay là $2,4 + 1 = 3,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Giai đoạn ổn định, số lượng vòng đồng sử dụng khoảng 314.584 pcs/tháng tương đương 24 mẻ/ngày. Vậy tổng lượng nước sử dụng cho 2 công đoạn rửa vòng đồng là $(120 + 50) \times 24 = 4,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Đối với quá trình sản xuất vòng đai cố định bằng thủy tinh:

+ Nước cấp cho quá trình tiện làm sạch bề mặt ngoài của ống thủy tinh:

Tiện là quá trình cắt bỏ lớp keo làm sạch mặt ngoài của ống thủy tinh. Khi cắt sẽ phát sinh bụi nên Công ty đã dùng nước để phun vào máy giảm thiểu phát sinh bụi. Theo số liệu hoạt động hiện nay nhu cầu sử dụng khoảng 1,9 m³/lần (cho 8 máy tiện thân ống). Khi hoạt động ổn định, ước tính lượng nước sử dụng khoảng 2,3 m³/lần.

+ Nước cấp cho công đoạn cắt ống thủy tinh thành vòng thủy tinh:

Ống thủy tinh sau khi tiện làm sạch bề mặt ngoài được cắt thành vòng có độ to, nhỏ khác nhau theo quy cách đơn hàng. Trong quá trình cắt phát sinh bụi, Công ty dùng nước phun lên lưỡi dao cắt để hạn chế bụi phát sinh. Theo số liệu thực tế từ quá trình sản xuất hiện nay cho thấy lượng nước sử dụng cho công đoạn này khoảng 1,2 m³/ngày. Khi hoạt động tối đa công suất ước tính lượng nước sử dụng khoảng 1,5 m³/ngày (với tổng 6 máy cắt vòng).

+ Nước cấp công đoạn mài sản phẩm vòng thủy tinh sau khi cắt:

Vòng thủy tinh sau khi cắt thì bề mặt tiếp xúc với lưỡi dao chưa nhẵn, dó đó cần mài để tạo bề mặt nhẵn bóng hơn. Phương pháp mài mà công ty sử dụng là cho vòng thủy tinh quay tốc độ nhanh trong đá mài. Khi quay với vận tốc lớn thì đá mài ma sát với vòng thủy

tinh làm cho bề mặt vòng thủy tinh nhẵn bóng hơn. Trong quá trình mài, nước được cho vào cối mài để rửa sạch bụi. Theo số liệu thực tế của quá trình sản xuất hiện nay cho thấy lượng nước sử dụng cho công đoạn này khoảng 0,5 m³/ngày. Khi hoạt động tối đa công suất ước tính lượng nước sử dụng khoảng 0,6 m³/ngày (có 1 máy mài vòng thủy tinh).

b. Nước thải sinh hoạt:

Theo tiêu chuẩn cấp nước thì lao động bình thường nhu cầu sử dụng nước là 45 lít/người/ca còn chuyên gia, quản lý ở lại với mức sử dụng nước 200 lít/người/ngày. Hiện nay Công ty có khoảng 138 người, trong đó có 4 chuyên gia, quản lý ở lại trong Công ty. Như vậy, lượng nước sử dụng cho quá trình sinh hoạt hiện nay là: 138*45+4*200 = 7.000 lít/ngày = 7 m³/ngày.

Giai đoạn hoạt động ổn định công ty có tổng cộng 213 người trong đó có 7 người ở lại trong công ty. Như vậy tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt là: 213*45+7*200 = 11.000 lít/ngày = 11 m³/ngày.

1.4.6. Lưu lượng xả thải của Công ty:

Hiện nay lượng nước thải của Công ty khoảng 13,2 m³/ngày, khi hoạt động ổn định lượng nước thải khoảng 18,5m³/ngày. Thành phần cụ thể như sau:

Bảng 1. 9. Lưu lượng nước thải phát sinh tại Công ty

TT	Nguồn phát sinh	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Hiện nay	Tối đa xin cấp phép môi trường	
I	Nước thải sinh hoạt	7	11	NT=100% nước cấp
II	Nước thải sản xuất	6,2	7,5	
1.	Nước thải từ công đoạn rửa nguyên liệu sản xuất vòng tiếp điện	3,1	3,7	NT=90% nước cấp
2.	Nước thải công đoạn xử lý bụi trong quá trình tiện làm sạch bề mặt ngoài của ống thủy tinh	1,5	1,8	NT=90% nước cấp
3.	Nước thải từ quá trình xử lý bụi công đoạn cắt ống thủy tinh thành vòng thủy tinh	1,1	1,4	NT=90% nước cấp
4.	Nước thải công đoạn mài sản phẩm vòng thủy tinh sau khi cắt	0,5	0,6	NT=80% nước cấp
Tổng cộng		13,2	18,5	

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

1.5.1. Thông tin về tình hình đầu tư các hạng mục công trình của Công ty:

Dựa theo giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng số 212/CN-SHCT ngày 16/11/2007 của Công ty TNHH Yuro Việt Nam (đính kèm phụ lục) và giấy phép xây dựng các giai đoạn (đính kèm phụ lục báo cáo) thì tổng diện tích đất công nghiệp 26.031,8 m² được bố trí các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1. 10. Các hạng mục công trình đã được đầu tư tại Công ty

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)		Tỷ lệ %
		Theo đề án	Hiện nay	

		BVMT		
1	Nhà xưởng 1 và văn phòng	3.440 + 640	4.048,96	15,55
2	Nhà xưởng 2	-	2.800	10,76
3	Nhà nghỉ trưa (ký túc xá chuyên gia)	-	Tầng 1: 377 Tầng 2: 363	1,45
4	Nhà nghỉ trưa công nhân	-	200	0,77
5	Nhà ăn, vệ sinh công nhân	300	262	1,01
6	Nhà vệ sinh	70	58,88	0,27
7	Nhà bảo vệ	-	21	0,08
8	Nhà xe 1	75	75	0,29
9	Nhà xe 2	-	38	0,15
10	Nhà bơm	-	24	0,09
11	Bể nước PCCC	-	6x12x3 = 216 m ³	-
12	Khu xử lý nước thải	70	70	0,27
13	Khu lưu giữ CTRCN thông thường	35	50	0,19
14	Khu lưu giữ chất thải nguy hại	-	10	0,04
15	Hệ thống xử lý bụi	-	15	0,06
16	Trạm biến áp	-	46	0,18
17	Giao thông, sân bãi	21.401,8	5.935,96	22,8
18	Cây xanh		1.200	4,61
19	Đất dự trữ phát triển		10.800	41,49
	Tổng cộng	26.031,8	26.031,8	100

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Thuyết minh mô tả các hạng mục công trình:

1. Nhà xưởng 1

- Nhà 1 tầng. Diện tích: 4.048,96 m². Chiều cao đỉnh mái 12 m.
- Móng, dầm, cột bê tông cốt thép (BTCT). Khung thép.
- Mái tôn. Nền BTCT sơn epoxy. Tường gạch phía trên vách tôn. Cửa sắt, cửa kính khung nhôm.

2. Nhà xưởng 2:

- Nhà 1 tầng. Diện tích: 2.800 m². Chiều cao đỉnh mái 12 m.
- Móng đà kiềng bằng bê tông cốt thép (BTCT). Khung cột, vì kèo bằng thép.
- Mái tôn. Nền BTCT sơn epoxy. Tường gạch phía trên vách tôn. Cửa sắt.

3. Nhà nghỉ trưa

- Nhà 2 tầng. Diện tích tầng một 377m², diện tích tầng hai 363m², tổng diện tích 740m². Chiều cao đỉnh mái 10m.
- Móng, khung, sàn, mái BTCT.
- Nền, sàn gạch ceramic. Tường gạch. Cửa pano kính.

4. Nhà ăn, vệ sinh công nhân:

- Nhà 1 tầng. Diện tích 262m². Chiều cao đỉnh mái 7,4m.
- Móng, dầm, cột BTCT. Kèo thép.
- Mái tôn. Nền gạch ceramic. Tường gạch.

5. Nhà vệ sinh:

- Nhà 1 tầng. Diện tích 58,88m². Chiều cao đỉnh mái 3,8m.
- Móng, đà kiềng, cột bằng bê tông cốt thép.
- Mái tôn, xà gồ bằng thép, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, cửa sắt kính.

6. Nhà bảo vệ:

- Nhà 1 tầng. Diện tích 21m².
- Móng, khung, mái BTCT.
- Nền gạch ceramic. Tường gạch. Cửa kính khung nhôm.

7. Nhà xe 1 và 2

- Nhà 1 tầng. Nhà xe 1 diện tích 75 m² và nhà xe 2 diện tích 38 m²
- Móng, đà kiềng BTCT. Khung thép.
- Nền bê tông. Không vách.

8. Nhà bơm, bể nước ngầm:

- Bể nước BTCT 6x12x3m.
- Nhà bơm 24m². Khung, mái BTCT. Tường gạch. Cửa nhôm kính.

1.5.2. Nhu cầu sử dụng lao động

Nhu cầu sử dụng lao động của Công ty như sau:

Bảng 1. 11. Nhu cầu sử dụng lao động

Stt	Hạng mục	Số lượng	
		Hiện hữu	Ổn định tối đa
1	Chuyên gia + Quản lý	4	7
2	Văn phòng	28	32
3	Công nhân	105	173
4	An toàn lao động + môi trường	1	1
	Tổng cộng	138	213

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Ghi chú: Hiện nay có 4 chuyên gia, quản lý ở lại trong công ty, giai đoạn ổn định dự kiến có 7 người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CÔNG TY VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của công ty với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Theo quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Dương thì ngành nghề và vị trí hoạt động của công ty phù hợp với quy hoạch của tỉnh cũng như phân vùng môi trường. Bởi vì vị trí của Công ty tọa lạc tại thành phố Tân Uyên thuộc vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, Công ty phải đầu tư các công trình bảo vệ môi trường nhằm xử lý nước thải, khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

2.2. Sự phù hợp của công ty đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải:

Để đánh giá khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của công ty chúng tôi xét đến các khía cạnh sau:

a) Về nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải của công ty sau khi xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của cụm công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT sẽ đầu nối về trạm xử lý nước thải của cụm công nghiệp Thành Phố Đẹp để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường. Do vậy để đánh giá khả năng chịu tải đối với nguồn tiếp nhận nước thải thì chúng ta đánh giá khả năng thu gom, tiếp nhận và xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải cụm công nghiệp Thành Phố Đẹp.

➤ Hệ thống thu gom nước thải:

Mạng lưới thu gom nước thải gồm hệ thống cống ngầm tự chảy, được đặt dưới lề đường, khoảng cách gần nhất so với móng nhà 3m-5m.

Khoảng cách gần nhất so với hệ thống cấp nước là 1,5m-3m theo phương ngang.

Tại chỗ giao nhau đường cống thoát nước đặt dưới hệ thống cấp nước 0,4m, độ sâu chôn cống ít nhất là 2m, sâu nhất là 6m.

Hệ thống thoát nước thải được bố trí dọc theo các tuyến đường chính, nước thải sau khi xử lý cấp 1 bằng bể tự hoại được thu gom bằng các tuyến cống Ø600 – 800 về trạm xử lý. Các tuyến cống sử dụng ống nhựa xoắn HDPE với tổng chiều dài 3.220m. Trong đó, cống HDPE Ø600 là 1.375m, cống HDPE Ø800 là 1.845m.

➤ Trạm xử lý nước thải tập trung:

Nước thải sinh hoạt tiên xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải vào trạm xử lý nước thải tập trung.

Nước thải sản xuất tiền xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn qui định của Cụm công nghiệp Thành phố Đẹp trước khi thải vào trạm xử lý nước thải tập trung.

Trạm xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp Thành phố Đẹp công suất 1.200 m³/ngày.

Cụm công nghiệp đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước Số 252/GP-STNMT ngày 16/11/2010.

Quy trình công nghệ trạm xử lý tập trung của CCN như sau: Nước thải → hồ thu gom → bể điều hòa → bể keo tụ tạo bông → bể lắng 1 → bể aerotank → bể lắng 2 → bể chứa nước trung gian → bồn lọc áp lực → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận (suối Ông Đông).

Trạm quan trắc, giám sát liên tục nguồn nước thải sau xử lý của CCN Thành Phố đẹp được lắp đặt và kết nối truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương từ tháng 4 năm 2018. Kết quả quan trắc tự động liên tục từ 01/12/2023 đến 29/02/2024 như sau:

Bảng 2. 1. Kết quả quan trắc tự động nước thải sau xử lý của trạm XLNT tập trung CCN Thành Phố Đẹp từ 01/12/2023 đến 29/02/2024

	COD (mg/L)	pH	TSS (mg/L)	Độ Màu (Pt-Co)	Nhiệt độ (°C)	Amonia (mg/L)	Q đầu ra (m ³ /h)	Q đầu vào (m ³ /h)
A	Tháng 12 năm 2023							
01/12/2023	14	6,89	6,55	23,6	30,8	0,59	8,98	9,20
02/12/2023	14	6,77	6,12	23,9	30,5	0,86	7,14	15,07
03/12/2023	14,8	7,06	6,6	26,0	29,9	0,9	6,64	4,01
04/12/2023	15,34	6,8	7,04	28,95	30,2	0,8	9,2	9,6
05/12/2023	15,7	6,9	8,36	33,02	30,4	0,85	18,6	10,2
06/12/2023	15	7,24	7,75	32,9	31,06	0,76	10,36	19,7
07/12/2023	15	7,28	8,29	31,6	31,0	0,86	13,6	16,5
08/12/2023	14,6	7,25	18,7	29,7	31,4	0,82	20,5	12
09/12/2023	15	6,8	10,8	29,3	31,2	0,74	16,9	10,4
10/12/2023	14,8	6,9	16,3	27,8	30,5	0,8	2,8	4,7
11/12/2023	16,4	6,7	6,8	28,6	30,1	0,7	8,3	13,6
12/12/2023	15,7	6,5	12,9	32,8	30,6	0,6	13,4	10,5
13/12/2023	15,1	6,8	8,6	33,2	30	0,65	2,7	11,8
14/12/2023	18,5	6,6	8,1	29	30,1	0,63	15,6	14
15/12/2023	22	6,5	6,7	23,9	30,7	0,65	6,9	11,6
16/12/2023	22	6,	8,7	25,5	30,5	0,68	14,5	11,7
17/12/2023	22	6,7	11,2	27,1	30,2	0,62	13,8	2,3
18/12/2023	22,8	6,61	20,9	28,7	30,4	0,65	16,2	10,4
19/12/2023	23	6,8	18,7	27,9	30,4	0,67	17,8	12,5
20/12/2023	23,7	6,3	26,8	31,8	30,5	0,67	18,6	10,1
21/12/2023	23,6	6,8	14,8	37,8	29,9	0,69	21,2	8,3
22/12/2023	23,2	6,9	9,8	33,8	30,2	0,7	15,3	11,5
23/12/2023	22,7	6,8	11,7	26,9	29,9	0,69	11,45	10,4
24/12/2023	22,7	7,1	8,9	25,2	29,6	0,73	8,04	9,5

Báo cáo đề xuất cấp GPMT cho “Nhà máy sản xuất các loại phụ tùng động cơ của các loại xe - công suất 36.000.000 SP/năm”

25/12/2023	23	7,3	7,1	40,9	29,5	0,7	3,9	13,5
26/12/2023	23,5	7,2	9,2	30,8	29,7	0,76	13,3	13,7
27/12/2023	23,7	6,6	14,3	26,1	30,0	0,8	10,3	11,8
28/12/2023	24	6,8	14,8	25,4	30,5	0,8	9,3	13,4
29/12/2023	23	7,1	9,5	29,4	30,8	0,75	9,2	14,7
30/12/2023	23	7,3	13,4	26,9	31,1	0,71	11	10,5
31/12/2023	23	7,3	25,8	31,5	31,1	0,79	7,2	8,1
B	Tháng 1 năm 2024							
01/01/2024	23	7,4	21,4	21,8	31,1	0,81	11,7	4,3
02/01/2024	22,8	7,4	16,4	23,3	30,7	0,87	9,3	13,5
03/01/2024	23	7,3	7,1	29,8	30,8	0,86	7,9	12,4
04/01/2024	24,3	7,8	8,7	30	30,9	0,91	11,05	11,9
05/01/2024	27,2	7,3	11,1	35,8	31,0	0,90	10,58	10,8
06/01/2024	31,8	7,1	18,2	33,1	31,2	0,81	14,9	10,0
07/01/2024	42,9	7,21	11,6	21,1	31,4	0,7	15,4	6,6
08/01/2024	28,4	7,6	16,4	20,5	31,1	0,82	11,5	12,8
09/01/2024	27	7,8	23,7	32,6	31,1	0,7	14,2	13,7
10/01/2024	28	7,6	11,1	39,2	31,5	0,65	18,8	14,8
11/01/2024	30,4	7,5	11,8	15,2	31,8	0,6	11,8	16,9
12/01/2024	43,7	7,4	23,8	27,7	31,4	0,7	6,6	14,7
13/01/2024	55,3	7,2	28,8	17,0	31,5	0,7	13,8	9,2
14/01/2024	54,8	7,1	27,4	18,9	31,1	0,78	6,2	4,58
15/01/2024	46,7	7,2	21,6	20	30,7	0,71	11,5	14,9
16/01/2024	32,5	7,3	13,2	19,1	30,9	0,83	58,1	15,7
17/01/2024	21,2	7,5	12,3	20,7	30,9	0,7	18,1	14,7
18/01/2024	21,8	7,3	8,7	25,3	31,2	0,53	15,1	13,6
19/01/2024	27,7	7,1	17,9	32,9	30,4	0,8	12	14,2
20/01/2024	35,3	7,2	17	21,1	31,6	0,66	11,2	13,6
21/01/2024	37	7,2	14,6	21,3	31,2	0,7	4,8	4,5
22/01/2024	35,2	7,2	11,3	19,1	31,2	0,56	5,3	13,7
23/01/2024	32,2	7,1	13,8	20,5	31,2	0,3	11,7	13,5
24/01/2024	28,9	7,2	14,4	21,9	31,2	0,3	13,7	12,4
25/01/2024	31,1	7,2	14,0	19,4	31,4	0,43	9,7	12,1
26/01/2024	33,3	7,2	14,7	20,6	31,3	0,76	9,8	15,8
27/01/2024	32,8	7,3	16,3	21,4	31,5	0,7	10,7	5,9
28/01/2024	31,4	7,2	17,0	23,7	31,7	0,74	9,1	8
29/01/2024	30,4	7,0	17,2	20,9	31,0	0,79	10,0	8,9
30/01/2024	30,7	7,2	17,1	20,9	31,2	0,73	12,3	13
31/01/2024	13,3	7,3	13,5	20,1	31,3	0,6	9,2	6,6
C	Tháng 2 năm 2024							
01/02/2024	51,9	7,2	23,8	37,8	31,9	1,2	23,3	27,3
02/02/2024	56,4	7,2	25,3	39,0	32,1	1,1	20	10,5
03/02/2024	51	7,2	27,8	38,1	31,9	1,1	10,7	10,2
04/02/2024	43,7	7,3	22,8	37,4	31,8	0,93	8,6	1,03
05/02/2024	37,1	7,3	24,7	40,5	31,4	0,59	10,4	9,2
06/02/2024	34,6	7,3	28,5	30,1	31,3	0,51	8,3	10,1
07/02/2024	66,3	7,3	172,6	38,0	31,1	0,4	6,9	4,9
08/02/2024	82,4	7,2	45,1	39,1	30,5	1,1	0,79	0,98
09/02/2024	37,6	7,3	15,3	36,2	30,3	1,87	2,8	0
10/02/2024	33,2	7,4	19,7	36,8	30,1	2,03	0,33	0,5

11/02/2024	31,5	7,4	15,5	36,9	30	2,5	1,83	0
12/02/2024	31,5	7,5	16,8	30,1	28,8	2,9	0,4	1,67
13/02/2024	33,7	7,5	23,5	37,1	29,3	2,8	2,4	2,8
14/02/2024	34,8	7,5	31,6	30,1	29,8	2,9	3,2	1,2
15/02/2024	36,5	7,5	22,2	36,2	30,2	2,9	3,2	5,4
16/02/2024	36,8	7,5	10,1	36,4	30,2	2,9	3,9	2,7
17/02/2024	38,2	7,4	11,8	36,9	29,9	3,0	2,8	5,2
18/02/2024	39,8	7,2	12,4	37,0	29,7	3,0	1,8	5,5
19/02/2024	37,8	6,9	11,7	36,2	30,1	2,5	2,7	7,1
20/02/2024	38,9	6,8	10	30,1	30,1	2,6	13,0	10,1
21/02/2024	41	6,9	10	35,5	30,4	0,86	13,8	13,8
22/02/2024	51,6	7,0	12,3	34,8	30,8	1,9	14,5	10,8
23/02/2024	47,8	6,8	15,8	34,8	31,3	2,2	12	9,3
24/02/2024	36,5	7,1	19,0	33,7	31,7	1,25	13,0	11,2
25/02/2024	54,4	7,1	21,3	34,2	31,8	0,72	3,7	7,6
26/02/2024	56,4	7,1	25,2	34,2	31,2	1,5	6,2	10,5
27/02/2024	47,6	7,2	22,0	33,7	32,1	1,3	12,1	10,8
28/02/2024	40,6	7,3	28,7	30,5	32,3	0,69	13,3	12,5
29/02/2024	47,2	7,3	76,6	34,9	32,2	0,63	15,4	13,4

(Nguồn: <https://quantracbinhduong.vn/vi-vn/baocao.aspx#/phut>)

Nhận xét: Như vậy, hiện nay, mỗi ngày trạm XLNT của Cụm công nghiệp tiếp nhận khoảng 281 – 928 m³/ngày.đêm để xử lý. Với công suất thiết kế là 1.200 m³/ngày, thì trạm XLNT tập trung của Cụm công nghiệp Thành phố Đẹp đảm bảo thu gom xử lý đạt quy chuẩn môi trường qui định trước khi vào nguồn tiếp nhận là suối Ông Đông.

b) Về nguồn tiếp nhận khí thải:

Để đánh giá khả năng tiếp nhận khí thải của khu vực công ty, chúng tôi sử dụng số liệu quan trắc không khí xung quanh tại trạm ĐT6 thuộc Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên do Trung tâm quan trắc kỹ thuật - Môi trường Bình Dương thực hiện. Trong tất cả các vị trí mà Trung tâm Quan trắc kỹ thuật - Môi trường Bình Dương thực hiện thì vị trí ĐT là điểm quan trắc gần vị trí công ty nhất (cách công ty khoảng 2 km về phía Đông) nên chúng tôi tham khảo số liệu tại điểm này.

Bảng 2. 2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh khu vực dự án

Thông số quan trắc	Thời gian quan trắc							
	T01-2023	T03-2023	T04-2023	T05-2023	T06-2023	T07-2023	T08-2023	T09-2023
Nhiệt độ (°C)	31,6	33,96	33,05	32,4	34,08	31,45	30,85	32,05
SO ₂ (µg/m ³)	< 10	< 10	< 11	< 12	< 13	< 14	< 15	< 16
CO (mg/Nm ³)	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500	< 2500
Độ ẩm (%)	61	57	66,78	74,82	67,05	79,3	79,28	66,15
Bụi lơ lửng (mg/Nm ³)	161,25	102,75	79,25	34	35,75	78	41,25	20,5
NO ₂ (mg/Nm ³)	24	32,5	28,5	33,5	40,25	48	21,5	29,25
Vận tốc gió (m/s)	0,65	0,53	0,6	0,43	0,7	0,47	0,38	0,78

O ₃	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10	< 10
Mức âm Lmin	57,25	58,64	60,58	56,63	56,47	55,05	54,47	54,08
Mức âm Lmax	69,5	71,45	80,7	74,2	73,35	69,5	72,28	72,45
Mức âm trung bình	64,5	65,6	68,9	64,55	64,22	64,15	62,5	62,38

(Nguồn: https://quantracbinhduong.vn/vi-vn/tramcoinh.aspx#/KhongKhi_DuLieu)

Ngoài kết quả quan trắc trên, để đánh giá khả năng tiếp nhận khí thải của công ty chúng tôi còn dựa vào kết quả đo đặc môi trường không khí xung quanh tại Công ty được thực hiện từ năm 20210 đến tháng 6/2022

Bảng 2. 3. Bảng kết quả đo đặc môi trường không khí xung quanh tại Công ty được thực hiện từ năm 2021 đến tháng 6/2022

Thời gian quan trắc	Kết quả quan trắc					
	Tiếng ồn	Bụi	NO ₂	SO ₂	CO	THC
	dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
A	Năm 2020					
Quý I/2020	60,7	0,11	0,053	0,068	5,02	KPH
Quý II/2020	60,5	0,13	0,054	0,065	4,63	KPH
Quý III/2020	59,6	0,11	0,052	0,063	4,76	KPH
Quý IV/2020	61,3	0,129	0,057	0,073	4,58	KPH
B	Năm 2021					
Quý I/2021	57,2	0,11	0,056	0,063	5,13	KPH
Quý II/2021	58	0,142	0,0478	0,05	<13,46 (4,232)	KPH
Quý III/2021	67,3	0,24	0,076	0,091	<6	KPH
Quý IV/2021	66,1	0,19	0,062	0,071	<6	KPH
C	Năm 2022					
Quý I/2022	59,5	0,11	0,058	0,06	0,062	5,25
Quý II/2022	63,6	0,12	0,056	0,062	5,45	KPH
D	Năm 2023					
Quý I/2023	63,2	0,18	0,057	0,060	5,45	KPH
Quý II/2023	64,8	0,17	0,056	0,061	5,55	KPH
Quý III/2023	65,1	0,19	0,051	0,057	5,332	KPH
QCVN 26:2010/ BTNMT	≤70	-	-	-	-	-
QCVN 05:2013/ BTNMT	-	≤0,3	≤0,2	≤0,35	≤30	-

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Nhân xét: Qua kết quả tham khảo trên cho thấy hiện nay chất lượng môi trường không khí xung quanh công ty tương đối tốt, giá trị của các thông số đặc trưng lựa chọn quan trắc đều thấp hơn nhiều so với giá trị cho phép của quy chuẩn. Do vậy, môi trường không khí xung quanh vẫn còn đảm bảo khả năng tiếp nhận khí thải sau xử lý của công ty.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Thu gom và thoát nước mưa:

Hiện nay Công ty đã hoàn thành hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa lắp đặt riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Toàn bộ nước mưa được thu gom theo đường ống BTCT đường kính D=300mm sau đó dẫn đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của Cụm công nghiệp thành phố Đẹp. Trên đường ống thu gom bố trí các hố ga có song chắn rác để giữ lại các cặn rác có kích thước lớn trước khi đi vào hệ thống thoát.

3.1.2. Thu gom và thoát nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh, khu vực các vòi rửa tay, rửa mặt cho công nhân. Nước thải sinh hoạt tại các bồn cầu được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại ba ngăn trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của công ty, sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B thì toàn bộ nước thải sinh hoạt được đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Thành Phố Đẹp.

Hiện nay Công ty có tổng cộng 4 bể tự hoại tương ứng cho 4 khu nhà vệ sinh như:

- + Khu văn phòng 1 bể tự hoại.
- + Khu căn tin 1 bể tự hoại
- + Khu vực xưởng sản xuất có 1 bể tự hoại
- + Khu nhà ở chuyên gia có 1 bể tự hoại

Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt gồm có ống uPVC Ø90mm dẫn về hố ga tập trung. Từ đây nước thải được bơm bằng máy bơm chìm công suất 3Hp theo ống PVC Ø49mm về HTXL nước thải sinh hoạt của công ty.

Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh tại các công đoạn sản xuất được dẫn theo ống uPVC Ø90mm qua bể lắng sơ bộ. Từ đây nước thải tự chảy theo đường ống uPVC Ø90mm về HTXL nước thải sản xuất.

Tổng chiều dài các tuyến công thu gom nước thải như sau:

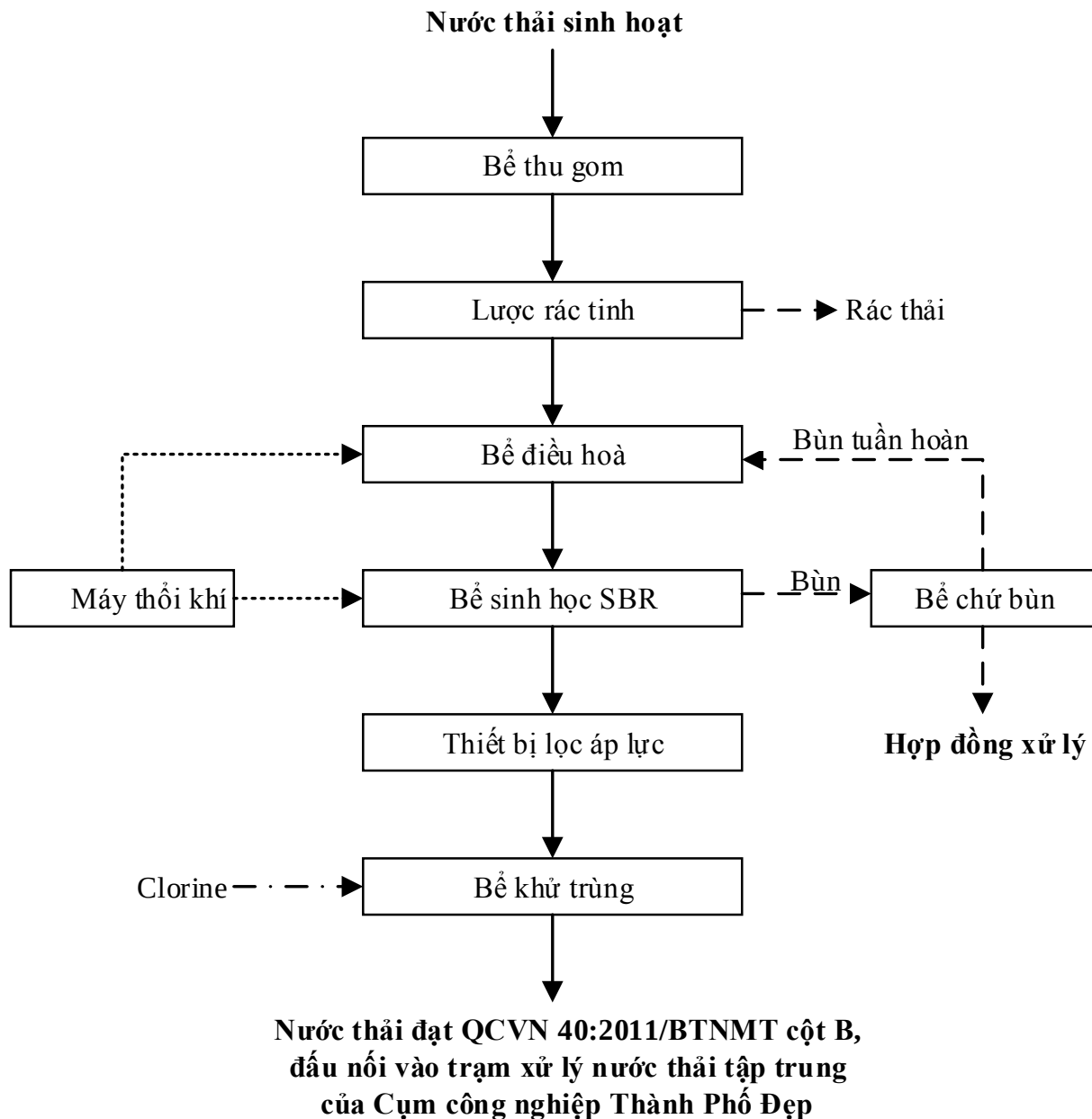
- + ống uPVC Ø34mm dài 10m
- + ống uPVC Ø90mm dài 110m
- + ống uPVC Ø49mm dài 60m
- + Bơm nước thải 3Hp

3.1.3. Xử lý nước thải:

Tại công ty đã xây dựng 2 HTXL nước thải sản xuất gồm 1 HTXL nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày.đêm và 1 HTXL nước thải sản xuất 10 m³/ngày.đêm. Cụ thể thông tin về 2 hệ thống xử lý như sau:

3.1.3.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 20 m³/ngày.đêm:

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của công ty được thiết kế và thi công xây dựng bởi: Công ty TNHH Giải pháp công nghệ Hòa Bình, Địa chỉ tại: 48L Tân Thới Hiệp 7, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau thời gian hoạt động hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng không đảm bảo khả năng xử lý nên Công ty TNHH môi trường Khôi Việt đã cải tạo, sửa chữa. Quy trình công nghệ HTXL nước thải sinh hoạt như sau:



Hình 3. 1. Quy trình công nghệ HTXL nước thải sinh hoạt 20 m³/ngày.đêm

Thuyết minh quy trình xử lý:

Hồ thu gom: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại ba ngăn được dẫn về hồ thu gom, từ đây nước thải được máy bơm chìm công suất 3Hp bơm dẫn về

HTXL nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày.đêm. Trước khi vào hố thu gom, nước thải được qua thiết bị tách mỡ và tách rác thô nhằm giữ lại các chất rắn có trong nước thải, tránh các sự cố về máy bơm (nghẹt bơm, gãy cánh bơm,...) ngăn chặn sự mài mòn động cơ bơm tại các quy trình xử lý đơn vị tiếp theo, ngăn chặn sự xâm nhập các chất lạ trong bể xử lý sinh học mà có thể tạo thành các chất rắn nổi trong bể sinh học dẫn đến hệ thống xử lý kém hiệu quả. Các chất thải rắn bị giữ lại trong song chắn rác thô được thu gom để xử lý.

Lược rác tinh: Nước thải trước khi chảy vào bể điều hòa được qua thiết bị lược rác tinh nhằm lược rác thêm một lần nữa, bỏ các cặn rắn có kích thước lớn hơn 2mm, sau đó nước thải sẽ tự chảy qua bể điều hòa.

Bể điều hòa: có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất có trong nước thải một cách ổn định trước khi đưa vào các công trình đơn vị phía sau. Bể điều hòa được bố trí hệ thống sục khí nhằm tạo sự xáo trộn tránh hiện tượng lắng cặn, đồng thời tạo môi trường đồng nhất cho dòng thải trước khi qua các bước xử lý tiếp theo. Từ bể điều hòa nước thải được bơm qua bể xử lý sinh học SBR.

Bể sinh học SBR: Bể phản ứng sinh học theo mẻ (SBR) là dạng cải biến của quá trình bùn hoạt tính. Toàn bộ các giai đoạn xử lý sinh học đều diễn ra trong cùng 1 bể xử lý. Quá trình hoạt động của bể SBR bao gồm 5 pha:

(1) Pha làm đầy: Châm nước và khuấy trộn yếm khí, nước thải được bơm vào bể xử lý trong khoảng 1-3 giờ. Trong bể phản ứng hoạt động theo mẻ nối tiếp nhau.

(2) Pha phản ứng: Châm nước và khuấy trộn hiếu khí, tiến hành sục khí cho bể xử lý để tạo phản ứng sinh hóa giữa nước thải và bùn hoạt tính, làm thoáng bề mặt để cấp oxy vào nước và khuấy trộn đều hỗn hợp. Thời gian làm thoáng khoảng 2 giờ. Trong pha phản ứng, diễn ra quá trình nitrat hóa, theo đó sẽ chuyển Nitơ từ dạng N-NH₃ sang N-NO₂ và nhanh chóng chuyển sang N-NO₃⁻.

(3) Pha lắng: Quá trình diễn ra trong môi trường tĩnh, hiệu quả thủy lực của bể đạt 100%. Thời gian lắng trong và cô đặc bùn kết thúc khoảng 2 giờ. Kết thúc pha lắng là dung dịch trong bể được chia làm 2 phần: phần nước trong bên trên còn bùn bên dưới.

(4) Pha rút nước: Phần nước trong bên trên của bể SBR được cho chảy sang bồn lọc áp lực.

(5) Pha chờ: diễn ra quá trình rút bùn, bơm bùn về bể chứa bùn và tiến hành nạp mẻ mới.

Thiết bị lọc áp lực: Nước thải từ bể SBR được đưa qua thiết bị lọc áp lực nhằm loại bỏ các chất rắn lơ lửng có kích thước nhỏ hơn mà không thể lắng được ở bể SBR.

Bể khử trùng: Phương pháp khử trùng bằng dung dịch clorin, hóa chất được đưa vào bể bằng máy bơm định lượng để tiêu diệt vi trùng gây bệnh như E. Coli; Coliform,... có trong nước thải, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp thành phố Đẹp.

Bể nén bùn: Giúp giảm thể tích và khối lượng bùn trước khi giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.



Hình 3. 2. Hình ảnh HTXL nước thải sinh hoạt

Bảng 3.1. Hạng mục công trình của HTXLNT sinh hoạt (công suất 20 m³/ngày)

Stt	Tên hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Hố thu gom	KT: LxBxH=1,5x3,0x5,0m Vật liệu: BTCT, mác 250	01
2	Bể điều hòa	KT: LxBxH=2,5x1,5x2,0m Vật liệu: BTCT, mác 250	01

3	Bể chứa bùn	KT: LxBxH=1,2x1,5x2,0m Vật liệu: BTCT, mác 250	01
4	Bể sinh học SBR	DxH = 2,3 x 3,0 m Vật liệu: Thép phủ Composite	01
5	Bể khử trùng	DxH = 0,85 x 1,3 m Vật liệu: nhựa	01

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Bảng 3. 2. Danh mục máy móc thiết bị của HTXLNT sinh hoạt

STT	Hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
I	Hồ thu gom			
1	Thùng lược rác - Kích thước: 400x400x500 - Vật liệu: Inox SS304	Việt Nam	Cái	1
2	Bơm hồ thu gom và trung chuyển nước sinh hoạt - Q=3,0m ³ /h, H=10 m - 0,5HP/220V/2P/50Hz - Phụ kiện: Xích kéo SS304	Taiwan	Cái	2
3	Bơm hồ thu gom trung chuyển nước thải nhà ăn - Q=10 m ³ /h, H=10m - 2HP/220V/2P/50Hz - Phụ kiện: Xích kéo SS304	Taiwan	Cái	1
II	Bể sinh học theo mẻ SBR			
1	Module bể xử lý sinh học (Bể SBR) - Quy cách: Thép dày 4mm phủ Composite mặt trong, sơn chống sét mặt ngoài - Thể tích hữu dụng: 12 m ³	Việt Nam	Cụm	1
2	Máy thổi khí - Q=1,5m ³ /min, H=3,0m - N= 1,1 kW, 380 V/3phase-50Hz - Linh kiện đi kèm: Ống giảm thanh, van 1 chiều	Taiwan	Cái	1
3	Bơm điều hòa - Q=2,0m ³ /h, H=12 m - 0,5HP/380V/3P/50Hz - Phụ kiện: cánh khuấy Inox	Taiwan	Cái	2
4	Hệ thống thổi khí bể Aerotank - Đĩa thổi phân phối khí D270 - Ống dẫn khí dưới nước uPVC	USA	Bộ	1
III	Bồn lọc áp lực			
1	Bơm lọc áp lực: - Q=4 m ³ /h, H=20m - 2HP/1 Phase/50Hz	Taiwan	Cái	1
2	Bồn lọc áp lực - Vật liệu: Inox - Vật liệu đi kèm: Cát lọc, van điều khiển, sỏi đỡ...	Việt Nam	Bộ	1
IV	Bể khử trùng			
1	Bồn khử trùng - V=750L - Quy cách: Bồn nhựa	Việt Nam	Cái	1

2	Bơm định lượng hóa chất: - Q=141/h, H=40m - 220V/1Phase/50Hz, N=130V	Rumani	Cái	1
3	Bồn đựng hóa chất, hóa chất trong thời gian vận hành - V=300L - Vật liệu: Nhựa cao cấp	Việt Nam	Bộ	1
V	Các hạng mục khác			
1	Hệ thống đường ống nội khu - Ống thổi khí trên cạn PPR, dưới nước uPVC - Ống dẫn nước thải uPVC - Ống dẫn hóa chất uPVC	Việt Nam	Hạng mục	1
2	Đường dây điện, linh kiện điện trong hệ thống - Dây dẫn, các phụ kiện đi kèm, đèn chiếu sáng hệ thống	Việt Nam	HT	1
3	Hệ thống điện điều khiển - Tủ điện sơn tĩnh điện - Linh kiện: cáp, đèn tín hiệu, rò le nhiệt, khởi động từ...	Việt Nam	Bộ	1

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt sau HTXL nước thải sinh hoạt

Thời gian quan trắc	Thông số quan trắc				
	TSS	COD	Amoni	Tổng N	Tổng P
	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L
A	Năm 2020				
I/2020	31	62	8,17	27,5	2,18
II/2020	53	86	13,14	26,4	2,462
III/2020	58	91	11,8	31,5	2,169
IV/2020	51	83	7,83	26,1	2,52
B	Năm 2021				
I/2021	54	72	2,1	19,6	3,42
II/2021	40	75	1,15	10,9	0,841
III/2021	46	78	6,5	19,8	3,81
IV/2021	22	24	9,1	12,6	1,56
C	6 tháng đầu năm 2022				
I/2022	85	98	4,15	7,15	0,51
II/2022	89	95	4,44	0,61	7,12
D	Năm 2023				
I/2023	27	26	1,15	12,4	1,65
II/2023	24	62	2,4	19,3	2,6
III/2023	26	73	3,48	21,5	1,36
QCVN 40:2011/BTNMT, cột B	100	150	10	40	6

(Công ty TNHH Yuro Vina)

c) Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng và định mức

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt sử dụng duy nhất hóa chất khử trùng (clorine). Theo số liệu cập nhật trong thời gian vận hành vừa qua cho thấy định mức clorine sử dụng khoảng 0,23 kg/m³ nước thải. Như vậy với lượng nước thải sinh hoạt của công ty khoảng hiện nay là 7 m³/ngày và ổn định 11 m³/ngày thì lượng hóa chất Clorine sử dụng hiện nay khoảng 42 kg/tháng, lúc ổn định là 66 kg/tháng.

d) Định mức tiêu hao năng lượng:

Dựa theo máy móc, thiết bị sử dụng điện phục vụ cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt ước tính định mức lượng điện tiêu hao để xử lý khoảng 40 Kwh/tháng, tương đương khoảng 0,05 Kwh/m³ nước thải.

e) Yêu cầu quy chuẩn nước thải đạt được sau xử lý

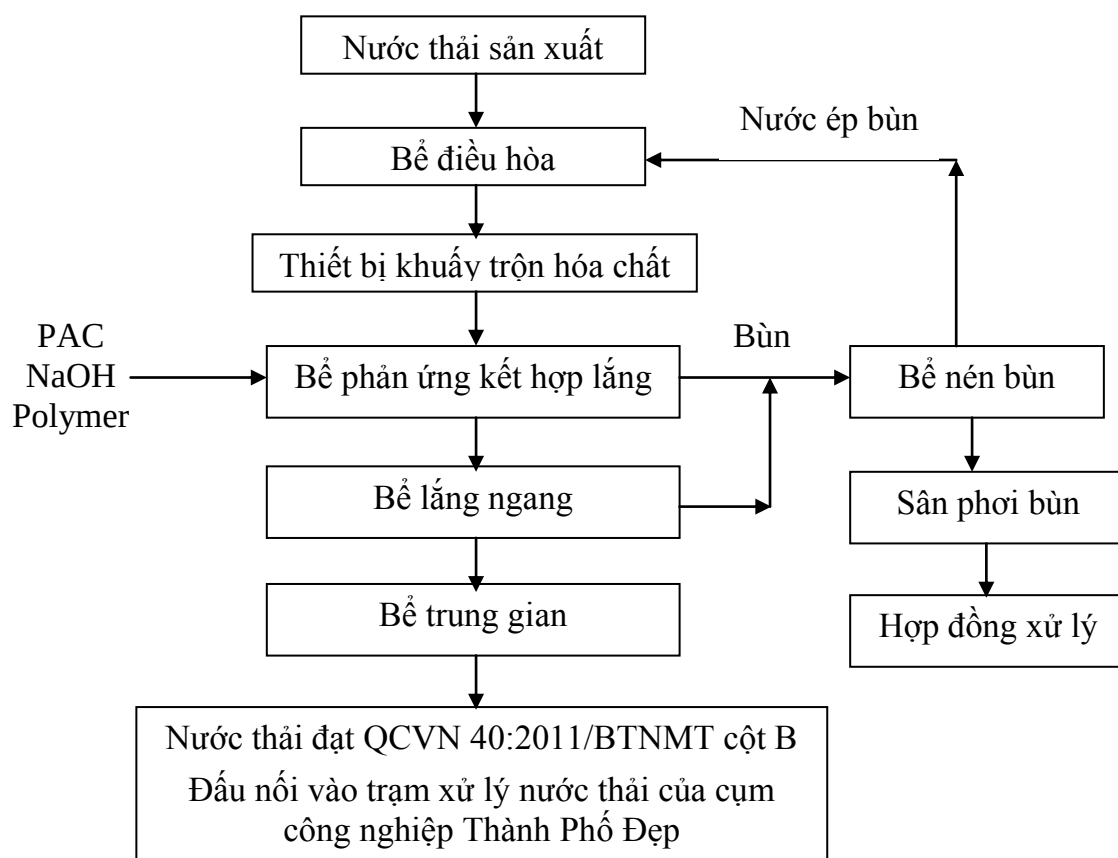
Nước thải sau xử lý của Công ty phải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của cụm công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

3.1.3.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

Đối với nước thải sản xuất được thu gom xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày.

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Công ty được thiết kế và thi công xây dựng bởi: Công ty TNHH xây dựng thương mại - dịch vụ môi trường Đông A), địa chỉ tại số 12, đường Linh Trung, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, sau thời gian hoạt động HTXL nước thải bị hư hỏng nên Công ty TNHH Môi trường Khôi Việt đã cải tạo, sửa chữa.

Quy trình công nghệ HTXL nước thải sản xuất như sau:



Hình 3. 3. Công nghệ HTXL nước thải sản xuất

Thuyết minh quy trình công nghệ XLNT vệ sinh khuôn đúc ống xy lanh:

- **Bể điều hòa:** Bể điều hòa nước thô có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và chất lượng dòng vào, tạo sự ổn định trước khi đưa vào các công trình đơn vị phía sau.

Thiết bị khuấy trộn hóa chất: Nước thải từ bể điều hòa được bơm lên thiết bị khuấy trộn, trên đường ống có châm hóa chất NaOH, PAC và Polymer. Nhờ áp lực của dòng

nước mà hóa chất được trộn đều với nước thải. Sau đó nước thải được dẫn qua bể phản ứng kết hợp lắng.

Bể phản ứng kết hợp lắng: Trong bể này xảy ra quá trình keo tụ, tạo bông và lắng. Cụ thể như sau:

(1) Quá trình keo tụ: Dưới tác dụng của những hạt ion mang điện tích trái dấu làm cho các chất bẩn trong nước liên kết lại thành những hạt tủa có kích thước lớn hơn.

(2) Quá trình tạo bông: Dưới tác dụng của một loại anion polymer với phân tử lượng lớn và cấu trúc phân tử rất dài giúp cho những hạt tủa ở quá trình keo tụ liên kết lại với nhau tạo thành những hạt to hơn và dễ dàng tách ra khỏi dung dịch trong quá trình lắng.

(3) Quá trình lắng: Dưới tác dụng của lực trọng trường, phần nước trong bên trên còn phần bùn lắng đọng bên dưới. Phần nước bên trên tràn vào máng thu và chảy vào bể xả thải, phần bùn lắng xuống và được xả vào bể nén bùn, sân phơi bùn nhằm giảm trọng lượng trước khi hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

(4) Bể lắng ngang: để tăng hiệu quả lắng sau công đoạn lắng đứng, nước thải tiếp tục qua công đoạn lắng ngang nhằm loại bỏ những cặn lơ lửng chưa lắng được ở bể lắng đứng.

(5) Bể chứa trung gian: Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của cụm công nghiệp được lưu trữ trong bể trung gian trước khi chảy vào hệ thống thu gom của cụm công nghiệp.



Hình 3. 4. Hình ảnh thực tế HTXL nước thải sản xuất

Bảng 3. 3. Kích thước hạng mục công trình của HTXLNT sản xuất

Stt	Tên hạng mục	Kích thước	Số lượng
1	Bể điều hòa	KT: LxBxH=1,5x1,3x1,8m Tường: gạch dày 200mm Đáy và nắp: BTCT 1 lớp thép	1

		Nắp hố thăm được bao V5 xung quanh	
2	Thiết bị trộn hóa chất	KT: D=0,4m, H=0,9m Vật liệu: thép phủ nhựa composite	1
3	Bể phản ứng kết hợp lắng	KT: D=1m, H=2,2m Vật liệu: thép phủ nhựa composite	1
4	Bể lắng ngang	KT: LxBxH=2,5x5,0x1,0m Vật liệu: BTCT, mác 250	1
5	Bể trung gian	KT: LxBxH=2,5x3,0x1,0m Vật liệu: BTCT, mác 250	1
6	Sân phơi bùn (bể chứa bùn và nén bùn)	KT: LxBxH=1,4x0,8x0,8m Tường: gạch dày 100mm Đáy bê tông dày 100mm	2

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Bảng 3. 4. Danh mục máy móc thiết bị của HTXLNT sản xuất

Stt	Tên máy móc thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bơm nước thải	- Q=5,0m ³ /h, H=12 m - 1,5HP/380V/3P/50Hz Phụ kiện: cánh khuấy Inox	01
2	Máy thổi khí (khuấy trộn hóa chất)	- Q=1,5m ³ /min, H=3,0m - 1,5HP/380V/3P/50Hz Phụ kiện: Ống giảm thanh, van 1 chiều	01
3	Bơm định lượng hóa chất	- Q=141/h, H=40m - Công suất: 0,5Hp, 220V/1Phase/50Hz, N=130V	1 cái
4	Máy kích để cho hóa chất (NaOH, polymer, PAC) vào thiết bị khuấy trộn	Công suất 0,5Hp, 220V/1Phase/50Hz.	3 cái

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Bảng 3. 5. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải tại hố ga trước khi đầu nối vào Cụm công nghiệp (gồm cả nước thải sản xuất và sinh hoạt)

Thời gian quan trắc	Thông số quan trắc						
	pH	TSS	COD	BOD ₅	Tổng N	Tổng P	Coliforms
	-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL
A	Năm 2020						
I/2020	7,8	37	45	23	6,47	0,75	14x10 ²
II/2020	8,93	48	69	34	10,1	2,175	15x10 ²
III/2020	7,3	5	38	17	12,8	2,08	21x10 ²
IV/2020	8,76	53	72	31	10,4	2,18	1,6x10 ³
B	Năm 2021						
I/2021	6,83	47	61	29	17,8	3,27	7.900
II/2021	6,93	43	77	30	11,6	0,993	2.500
III/2021	6,73	57	98	42	22,3	2,7	4.900
IV/2021	6,83	31	34	13	11,2	0,9	KPH

C	6 tháng đầu năm 2022						
I/2022	7,51	41	32	19	0,51	29,5	24x10 ²
II/2022	7,01	38	36	17	0,56	0,75	21x10 ²
D	Năm 2023						
I/2023	7,65	28	31	17	14,6	1,73	2.400
II/2023	6,45	26	58	22	17,7	1,18	2.100
III/2023	6,38	21	68	23	19,5	1,41	2.900
QCVN 40:2011/BTNMT cột B	5,5-9	100	150	50	40	6	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

f) Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng và định mức

Căn cứ vào lượng hóa chất xử lý nước thải trong thời gian hoạt động vừa qua, Công ty thiết lập định mức sử dụng hóa chất từ đó dự báo lượng hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải sản xuất như sau:

Bảng 3. 6. Định mức và nhu cầu sử dụng hóa chất sử dụng cho HTXL nước thải sản xuất

Stt	Tên hóa chất	Định mức sử dụng (kg/m ³)	Khối lượng sử dụng (kg/tháng)	
			Hiện nay	Xin cấp phép
1	NaOH (32%)	0,0808	12,9	15,6
2	PAC	0,021	3,39	4,10
3	Polymer	0,004	0,65	0,78
	Tổng cộng	0,0833	16,94	20,48

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

g) Định mức tiêu hao năng lượng

Dựa theo máy móc, thiết bị sử dụng điện phục vụ cho hệ thống xử lý nước thải sản xuất, thì ước tính định mức lượng điện tiêu hao trung bình khoảng 2,9 kWh/m³.

h) Yêu cầu quy chuẩn nước thải đạt được sau xử lý

Nước thải sau xử lý của Công ty phải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của cụm công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Đối với bụi từ quá trình tiện làm sạch bề mặt ống thủy tinh

Để xử lý bụi từ quá trình tiện làm sạch bề mặt ống thủy tinh Công ty có 2 loại thiết bị xử lý. Đó là:

+ Đối với máy tiện thân ông công ty dùng nước để dập bụi. Nước dập bụi được tuần hoàn trở lại sau thời gian hoạt động bị bẩn nhiều mới thay thế nước mới. Thiết bị này nhập kèm với máy. Tại công ty có tổng cộng 8 máy tiện kèm thiết bị xử lý. Hình ảnh cụ thể như sau:



Hình 3. 5. Hình ảnh máy tiện kèm thiết bị xử lý bụi

+ Đối với đầu ống thì đưa vào máy chà. Trong quá trình chà phát sinh bụi cũng được thu gom xử lý bằng phương pháp lọc qua màng lọc. Khí sau khi qua hệ thống lọc được quạt hút thải ra trong môi trường bên trong xưởng. Sau thời gian lọc (khoảng 1 tháng) thì màng lọc sẽ bị bẩn do đó Công ty vệ sinh và thu gom bụi xử lý theo dạng chất thải nguy hại. Hình ảnh thực tế hệ thống xử lý như sau:



Hình 3. 6. Hình ảnh thiết bị xử lý bụi công đoạn chà đầu ống thủy tinh

3.2.2. Biện pháp xử lý bụi công đoạn cắt ống thủy tinh:

Quá trình cắt ống thủy tinh phát sinh bụi, tại các máy cắt có thiết bị phun nước để lôi kéo bụi và trong nước. Nước sau khi phun được chảy ra bể lắng sơ bộ trước khi đưa vào

hệ thống xử lý nước thải sản xuất. Thiết bị phun nước xử lý bụi công đoạn cắt ống thủy tinh được nhập kèm cùng máy sản xuất. Hình ảnh thiết bị xử lý bụi như sau:



Hình 3. 7. Hình ảnh máy cắt ống thủy tinh kèm thiết bị xử lý bụi bằng cách phun nước

Bảng 3. 7. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí lao động xưởng sản xuất

Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc									QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
			I/2021	II/2021	III/2021	IV/2021 1	I/2022	II/2022	I/2023	II/2023	III/2023			
Khu vực đầu nhà xưởng	Tiếng ồn	dBA	68,7	73,5	71,6	60,2	61,7	67,1	73,4	78,4	78,2	≤85	-	-
	Bụi	mg/m ³	0,25	0,285	0,26	0,19	0,17	0,23	0,26	0,25	0,27	-	≤8	-
	NO ₂	mg/m ³	0,064	0,089	0,064	0,073	0,061	0,062	0,069	0,066	0,057	-	-	≤10
	SO ₂	mg/m ³	0,077	0,163	0,071	0,086	0,065	0,071	0,061	0,068	0,067	-	-	≤10
	CO	mg/m ³	<6	<13,46 (4,8)	<6	<6	0,075	6,45	5,68	5,55	5,68	-	-	≤40
	THC	mg/m ³	KPH	0,087	KPH	KPH	5,42	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	≤25
Khu vực cuối nhà xưởng	Tiếng ồn	dBA	73,1	71,7	75,2	59,8	62,1	72,5	73,9	82,4	79,9	≤85	-	-
	Bụi	mg/m ³	0,28	0,339	0,19	0,43	0,19	0,25	0,27	0,28	0,29	-	≤8	-
	NO ₂	mg/m ³	0,078	0,137	0,06	0,07	0,063	0,064	0,065	0,068	0,062	-	-	≤10
	SO ₂	mg/m ³	0,074	0,199	0,083	0,089	0,068	0,069	0,067	0,69	0,064	-	-	≤10
	CO	mg/m ³	<6	<13,46 (5,12)	<6	<6	0,075	6,23	5,72	5,61	5,73	-	-	≤40
	THC	mg/m ³	KPH	0,195	KPH	KPH	5,51	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	≤25

(Công ty TNHH Yuro Vina)

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

3.3.1. Công trình lưu giữ, biện pháp xử lý CTRCN thông thường:
Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường từ quá trình sản xuất:

Trong quá trình hoạt động, Công ty phát sinh các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có khối lượng như:

Bảng 3.8. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy vụn văn phòng	200
2	Bao bì carton thải	2.500
3	Bao bì nylon thải	800
4	Kim loại đồng	2.000
5	Phế liệu sắt thép	400
6	Bùn thải từ HTXL nước thải sinh hoạt	2.400
	Tổng cộng	8.300

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường được công ty phân loại ngay tại nguồn, thu gom lưu giữ vào kho chứa có diện tích 50 m².

Đối với chất thải có giá trị tái sử dụng công ty thu gom và bán cho đơn vị thy mua tái chế. Đối với chất thải không có giá trị tái chế được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định của pháp luật. Hiện nay công ty đang hợp đồng với Công ty Cổ phần công nghệ môi trường Trái Đất Xanh thu gom chất thải rắn công nghiệp (Hợp đồng có thời hạn đến ngày 01/02/2025, được đính kèm phụ lục báo cáo).

Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại công ty khoảng 60 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là lon chai nhựa, kim loại, nylon, thực phẩm dư thừa, hộp đựng cơm,... Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được công ty thu gom và phân loại làm 2 nhóm chính: (1) nhóm có giá trị tái sử dụng như lon chai nhựa, lon kim loại, bìa carton,.. thu gom và bán phế liệu. (2) đối với chất thải không có giá trị tái chế như: thực phẩm dư thừa, nylon, hộp đựng cơm,... được thu gom và hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ môi trường Thanh Diệu vận chuyển đi xử lý đúng quy định (Hợp đồng có thời hạn đến ngày 31/12/2024, được đính kèm phụ lục báo cáo).

3.4. Công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Trong quá trình hoạt động, khối lượng và thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại công ty như:

Bảng 3. 9. Khối lượng và thành phần chất thải nguy hại của Công ty

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	24	Rắn	16 01 06
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, keo thải	120	Rắn	18 02 01
3	Cặn dầu nhớt thải	60	Rắn	17 02 04
4	Bao bì, thùng chứa đựng dầu nhớt, dầu thủy lực, keo dán,...	3.000	Rắn	18 01 01
5	Bụi thủy tinh từ hệ thống lọc bụi công đoạn chà đầu ống thủy tinh	24	Rắn	16 01 12
6	Bụi công đoạn tiện làm sạch bề mặt ống thủy tinh	124.800	Rắn	12 01 12
7	Pin, ắc quy chì thải	12	Rắn	19 06 01
8	Hộp mực in thải	12	Rắn	08 02 04
9	Thiết bị điện, điện tử thải	24	Rắn	19 02 05
10	Bùn thải từ HTXL nước thải sản xuất	2.000	Rắn	02 05 01
	Tổng cộng	130.076		

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Chất thải nguy hại phát sinh tại mỗi công đoạn sản xuất được thu gom và phân loại đúng từng nhóm. Khi kết thúc ca làm việc, CTNH được tập kết về các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa, có nắp đậy, dán nhãn, mã số quản lý CTNH và biển cảnh báo mức độ nguy hại đã bố trí sẵn trong kho chứa CTNH. Công ty đã bố trí khu lưu giữ CTNH có diện tích 10 m².

Toàn bộ chất thải nguy hại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định của pháp luật. Hiện nay công ty đã hợp đồng với Chi nhánh xử lý chất thải thuộc Công ty cổ phần nước - môi trường Bình Dương thu gom, xử lý (*hợp đồng có thời hạn đến ngày 20/04/2024, hợp đồng đính kèm phụ lục báo cáo*).

3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển ra vào công ty, từ máy thổi khí của HTXL nước thải, quạt hút của các HTXL khí thải, các máy móc thiết bị sản xuất,... Do đó, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn như sau:

- Giảm tốc độ đối với các phương tiện vận tải ra vào công ty và quy định tắt máy trong quá trình tháo dỡ nguyên vật liệu.
- Công ty thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị, thay thế kịp thời những chi tiết, máy móc bị hư hỏng.
- Trang bị bảo hộ lao động, nút tai chống ồn cho công nhân khi cần thiết.
- Áp dụng các biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, sử dụng xe nâng để bốc dỡ.
- Các phương tiện vận chuyển định kỳ được đăng kiểm.
- Máy phát điện dự phòng được đặt cách xa khu vực văn phòng. Thân máy được đặt trên đệm cao su chống rung.
- Bố trí mặt bằng trong khuôn viên nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn:
 - + Môi trường xung quanh: QCVN 26:2010/BTNMT: từ 6 giờ đến 21 giờ (70 dBA); từ 21 giờ đến 6 giờ (55 dBA).
 - + Môi trường lao động bên trong xưởng: QCVN 24:2016/BTNMT giới hạn tối đa 85 dBA.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối các HTXL nước thải:

- Công ty vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên theo dõi giám sát hoạt động của bể sinh học SBR nhằm đảm bảo vi sinh trong các bể luôn hoạt động tốt, hóa chất trong cụm bể hóa lý đáp ứng đủ để hiệu quả keo tụ tạo bông đạt tối ưu. Trong trường hợp vi sinh trong bể có dấu hiệu bất thường thì phải có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Lập hồ sơ nhật ký vận hành để theo dõi diễn biến quá trình vận hành của các hệ thống xử lý nước thải, dự báo kịp thời các sự cố có thể xảy ra.
- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị. Định kỳ khoảng 1-2 tháng tiến hành bảo trì bảo dưỡng máy móc, thiết bị một lần.
- Các máy móc vận hành chính hầu như lắp đặt 2 cái, hoạt động theo chế độ luân phiên nhằm tăng cường tuổi thọ của máy, đồng thời trường hợp có 1 máy bị hỏng thì máy còn lại hoạt động 100% công suất, nhanh chóng khắc phục máy bị hỏng để đưa vào trạng thái hoạt động bình thường.
- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được chúng tôi tuyển chọn là công nhân đã được đào tạo chuyên ngành về môi trường, có kinh nghiệm trong vấn đề vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nhân viên quản lý môi trường tại Công ty sẽ được tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức.

– Công ty sẽ ký hợp đồng với những đơn vị có kinh nghiệm trong vấn đề xây dựng hệ thống xử lý nước thải để bảo trì, giám sát hệ thống thường xuyên, nhằm kịp thời thay thế khắc phục sự cố xảy ra giúp hệ thống xử lý nước thải luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:

a) Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu khả năng xảy ra sự cố:

Khu vực dễ xảy ra sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất là quá trình vận chuyển; kho chứa và khu vực sử dụng. Do đó chúng tôi tập trung mô tả 3 khu vực này như sau:

❖ Đối với khu vực tập kết hóa chất về kho:

– Các phương tiện vận chuyển hóa chất phải có đủ tư cách pháp nhân, cũng như đáp ứng tiêu chuẩn an toàn, kỹ thuật khi vận chuyển trên đường.

– Tuân thủ nghiêm ngặt về an toàn PCCC, cấm hút thuốc trong Công ty.

– Tại khu vực tập kết sẽ có các bảng quy định hướng dẫn cho công nhân thao tác.

– Thực hiện nghiêm ngặt qui định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất hóa chất, dầu nhớt như:

- + Các loại hóa chất được dán đầy đủ thông tin về chủng loại, độc tính nguy hiểm.
- + Tránh các va đập mạnh trong quá trình xếp dỡ nguyên hóa chất;
- + Thường xuyên kiểm tra độ kín khít của các thùng, bồn chứa chất lỏng để phát hiện kịp thời các trường hợp bị rò rỉ;

❖ Đối với hệ thống kho chứa, bảo quản hóa chất:

Công ty đã xây dựng 01 kho lưu trữ hóa chất diện tích 20m² (kho này được bố trí trong nhà xưởng 1). Ngoài kho chứa này thì tại nhà điều hành các hệ thống xử lý nước thải công ty đã bố trí khu vực nhỏ để chứa hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải. Hệ thống kho chứa hóa chất sẽ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn. Cụ thể như sau:

– Bảo quản hóa chất: Kho chứa hóa chất được phân khu vực rõ ràng cho từng loại hóa chất, được sắp xếp theo kệ, trang bị các dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm theo quy định. Hóa chất được sắp xếp ngăn nắp gọn gàng trên các pallet, bên dưới có khay hứng trong trường hợp bị tràn đổ, rò rỉ, đồng thời đánh dấu ghi rõ chủng loại và quy trình xử lý khẩn cấp khi có rò rỉ.

– Bố trí tủ xử lý khẩn cấp, trong tủ đều có găng tay, áo phòng hộ/ máy thở oxy, phin lọc độc / tủ cấp cứu v.v...

– Bố trí vòi vệ sinh khẩn cấp trong trường hợp hóa chất bị dính vào mắt.

– Thủ kho sẽ theo dõi việc xuất nhập kho các hóa chất. Thủ kho chỉ được phép xuất kho khi có giấy trình được xuất hóa chất từ cấp trên.

– Trang bị các phiếu an toàn hóa chất MSDS cho từng loại hóa chất. Các quy định về an toàn, quy trình thao tác chữa cháy tại kho.

– Trong khu vực kho sẽ trang bị hệ thống báo cháy tự động và kiểm tra thường xuyên hệ thống báo cháy.

– Các công nhân thao tác làm việc trực tiếp tại kho được đào tạo và huấn luyện đầy đủ về an toàn lao động và an toàn hóa chất.

❖ Đối với khu vực sử dụng

–Công nhân làm việc tại các công đoạn sử dụng hóa chất được huấn luyện đầy đủ về an toàn hóa chất, các thao tác thực hiện tránh trường hợp làm rơi vãi.

–Công nhân thường xuyên kiểm tra các thùng chứa hóa chất tại nơi sử dụng, để kịp thời thay thế khi có dấu hiệu hư hỏng.

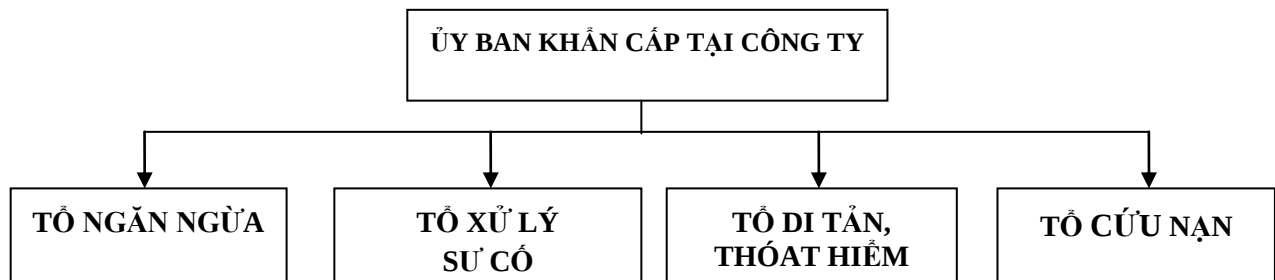
–Hóa chất được cân vừa đủ lượng sử dụng mang ra khu vực dùng.

❖ *Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn nguy cơ xảy ra sự cố:*

Để phòng ngừa và phát hiện kịp thời các nguy cơ xảy ra sự cố thì kế hoạch kiểm tra, giám sát tại kho chứa hóa chất và khu vực sử dụng hóa chất sẽ thực hiện với tần suất 3 tháng/lần. Việc thực hiện kiểm tra sẽ được phân công rõ ràng trách nhiệm cho từng người, nội dung giám sát, kiểm tra được lên kế hoạch theo quy định. Hồ sơ kết quả sau khi kiểm tra sẽ được lưu giữ cẩn thận để làm căn cứ cho các đợt kiểm tra, giám sát kế tiếp. Các khu vực dự kiến giám sát, kiểm tra của Công ty như: Khu vực kho chứa và Khu vực sử dụng hóa chất.

b) Phương án ứng phó, xử lý sự cố rò rỉ:

Công ty đã xây dựng sơ đồ tổ chức Ban ứng phó sự cố tại Công ty như sau:



Hình 3. 8. Sơ đồ tổ chức Ban ứng phó sự cố tại Công ty

Mỗi bộ phận trong sơ đồ đều có nhiệm vụ riêng. Trách nhiệm của từng bộ phận trong Ban phòng chống sự cố được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3. 10. Bảng phân công trách nhiệm từng bộ phận

BỘ PHẬN	TRÁCH NHIỆM
Ban ứng phó sự cố khẩn cấp (Tổng chỉ huy)	Do giám đốc Công ty chịu trách nhiệm Chỉ huy và lãnh đạo cao nhất trong sự cố hóa chất Ra các quyết định quan trọng trong kịch bản khẩn cấp Quan hệ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng khác có liên quan... Kiểm soát, giám sát Chỉ đạo việc thực thi, tuân thủ theo các quy định của công ty và quy định của pháp luật Đánh giá và sửa đổi các kế hoạch
Tổ ngăn ngừa	Do trưởng phòng phụ trách khu vực kho chứa chịu trách nhiệm. Kiểm tra đảm bảo các thiết bị, dụng cụ ứng phó, trong tình trạng hoạt động, vận hành tốt. Kiểm tra thường xuyên để đảm bảo cho nhân viên có cách xử lý khi có sự cố xảy ra. Xử lý ngay khi sự cố xảy ra tại khu vực mình quản lý.
Tổ xử lý sự cố	Do trưởng phòng bảo trì chịu trách nhiệm Đề nghị xây dựng các chương trình huấn luyện Ngăn ngừa và xử lý các tình trạng khẩn cấp khi đổ tràn hóa chất

	Giữ nguyên hiện trường sau sự cố để điều tra và đảm bảo an toàn cho mọi nhân viên. Trang bị các dụng cụ cá nhân chuyên dụng cho nhân viên xử lý. Ngăn chặn từ nguồn các nguyên nhân gây ra sự cố. Cô lập các khu vực chảy, đổ tràn hóa chất Xử lý các hóa chất đổ tràn bằng các phương pháp thấm bằng bao cát, mùn cưa,... Thu gom các hóa chất chảy tràn.
Tổ di tản	Do trưởng phòng Hành chánh nhân sự chịu trách nhiệm. Phụ trách di tản, hướng dẫn thoát hiểm đảm bảo an toàn Di chuyển tài sản tới các khu vực an toàn Tuyệt đối bảo vệ con người và tài sản.
Tổ cứu nạn	Do trưởng phòng hành chánh nhân sự chịu trách nhiệm Hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị cần thiết cho toàn bộ nhân viên. Giúp đỡ và đưa người bị nạn tới khu vực an toàn hay xe cứu thương để chuyển đến bệnh viện. Tổ chức cấp cứu tại chỗ Kiểm tra “Danh sách nhân viên vắng mặt” để đảm bảo mọi người đã được giải thoát,...

Ngoài việc thành lập tổ ứng phó sự cố nội bộ, Công ty còn phối hợp với hệ thống ứng phó sự cố bên ngoài trong tình trạng khẩn cấp, cụ thể:

- Đội PCCC thành phố Thủ Dầu Một và Tx Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Sở cứu hỏa tỉnh Bình Dương: (mã số quy định)+ 114 hoặc 0274 373 4509
- Sở công an tỉnh Bình Dương: (mã số quy định) +113
- Sở công thương tỉnh Bình Dương
- UBND tỉnh Bình Dương
- Bệnh viện tỉnh Bình Dương: (mã số quy định) +115

❖ *Trang bị các thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố hóa chất*

Để kịp thời ứng phó trong trường hợp xảy ra sự cố hóa chất, Công ty trang bị các thiết bị, phương tiện ứng phó phù hợp cho từng khu vực, đảm bảo khi xảy ra sự cố có thể sử dụng kịp thời. Danh sách các thiết bị phương tiện trang bị ứng phó sự cố hóa chất được trình bày tại bảng sau:

Bảng 3. 11. Bảng liệt kê trang thiết bị phương tiện sử dụng ứng phó sự cố hóa chất

STT	Thiết bị, phương tiện	Nơi bố trí	Tình huống sử dụng
1	Thùng phuy 200 lít chứa chất hấp phụ (cát, mặt cưa,...)	Bên ngoài các xưởng sản xuất; bên trong kho chứa	Dùng khi có sự cố hóa chất tràn đổ
2	Xô chứa		Dùng để hỗ trợ chống sự lan tràn của hóa chất khi tràn đổ
3	Cào bằng inox		Dùng để thu gom chất hấp phụ sau khi hấp phụ hóa chất tràn đổ
4	Gàu xúc bằng inox		Dùng để xúc chất hấp phụ sau khi hấp phụ hóa chất tràn đổ
5	Chổi		Dùng để quét chất hấp phụ còn sót lại sau khi đã thu gom

6	Dụng cụ hút rác (bằng kim loại)		Dùng để thu gom chất hấp phụ sau khi hấp thụ
7	Bao nylon		Dùng để chứa chất hấp phụ sau khi hấp phụ hóa chất
8	Dụng cụ sơ cấp cứu	Tủ đựng sơ cấp cứu	Sơ cứu khi có tai nạn do hóa chất gây ra
9	Mặt nạ phòng độc	Tủ đựng thiết bị bảo hộ lao động	Sử dụng khi tiếp xúc với các nguyên liệu, hóa chất có HSE code quy định có chứa độc tố cấp 1,4,5,7 Sử dụng khi thao tác tại công đoạn sử dụng hóa chất.
10	Găng tay chống hóa chất	Tủ đựng thiết bị khu vực chứa hóa chất, khu vực sử dụng	Khi tiếp xúc với hóa chất
11	Găng tay cao su thường		Trong mọi thao tác hoạt động
12	Găng tay vải		Khi vận chuyển, khuôn vác, bảo trì máy móc thiết bị
13	Kính bảo hộ		Khi tiếp xúc với hóa chất hoặc các công đoạn có sử dụng hóa chất
14	Quần áo bảo hộ		Sử dụng khi làm việc
15	Thiết bị rửa mắt khẩn cấp	Kho chứa hóa chất và khu vực sử dụng	Rửa mắt khi bị hóa chất bắn vào mắt
16	Thiết bị vòi hoa sen rửa toàn thân		Rửa tắm khi bị hóa chất bắn lên người
17	Bể chứa nước chữa cháy	Công ty	Dùng để dập lửa trong trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ
18	Hệ thống báo, chữa cháy tự động, các thiết bị chữa cháy mini	Kho chứa hóa chất và khu vực sản xuất	

3.6.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

a. Các văn bản về PCCC đã được cơ quan chuyên môn nhà nước cấp:

Hiện nay Công ty đã được Sở cảnh sát PCCC cấp các giấy thẩm duyệt PCCC số 483/TD-PCCC-P2 ngày 21/07/2015, số 490/TD-PCCC ngày 29/09/2005 và nghiệm thu về hệ thống PCCC số 42/CSPC&CC-S5 ngày 28/01/2016 và số 189/PCCC 27/07/2007

b. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy, nổ:

Để hạn chế các rủi ro xảy ra do sự cố cháy nổ, Chúng tôi đã có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố như sau:

–Thành lập đội PCCC tại Nhà máy, phân bố đều ở các ca làm việc. Hàng năm Công ty phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC tổ chức diễn tập PCCC và tập huấn về kiến thức an toàn phòng chống cháy nổ cũng như thực tập phương án cháy kết hợp theo quy định.

–Về cơ sở vật chất: Nhà máy đã bố trí trạm bơm, bể chứa nước phòng cháy, hòng nước chữa cháy vách tường với các cuộn vòi chữa cháy, bình PCCC các loại bố trí đều khắp các xưởng sản xuất, khu vực văn phòng, khu vực kho hóa chất,....

–Công ty tổ chức kiểm tra bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị và kiểm tra công tác an toàn PCCC theo định kỳ.

–Đối với các loại nguyên vật liệu được bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát; các hóa chất dễ cháy, hóa chất có tính ăn mòn thì bảo quản ở kho hóa chất riêng biệt.

–Bố trí hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển.... đồng thời tiếp đất các thiết bị.

–Lắp đặt hệ thống vòi chữa cháy bên trong và bên ngoài nhà xưởng.

–Hàng ngày Công ty vận hành và kiểm tra máy bơm chữa cháy theo quy định của pháp luật hiện hành.

–Sắp xếp bố trí máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc khi có cháy nổ xảy ra.

–Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu giao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn.

–Ng nghiêm cấm hút thuốc lá trong khu vực sản xuất, kho chứa nguyên liệu, kho chứa hóa chất,...

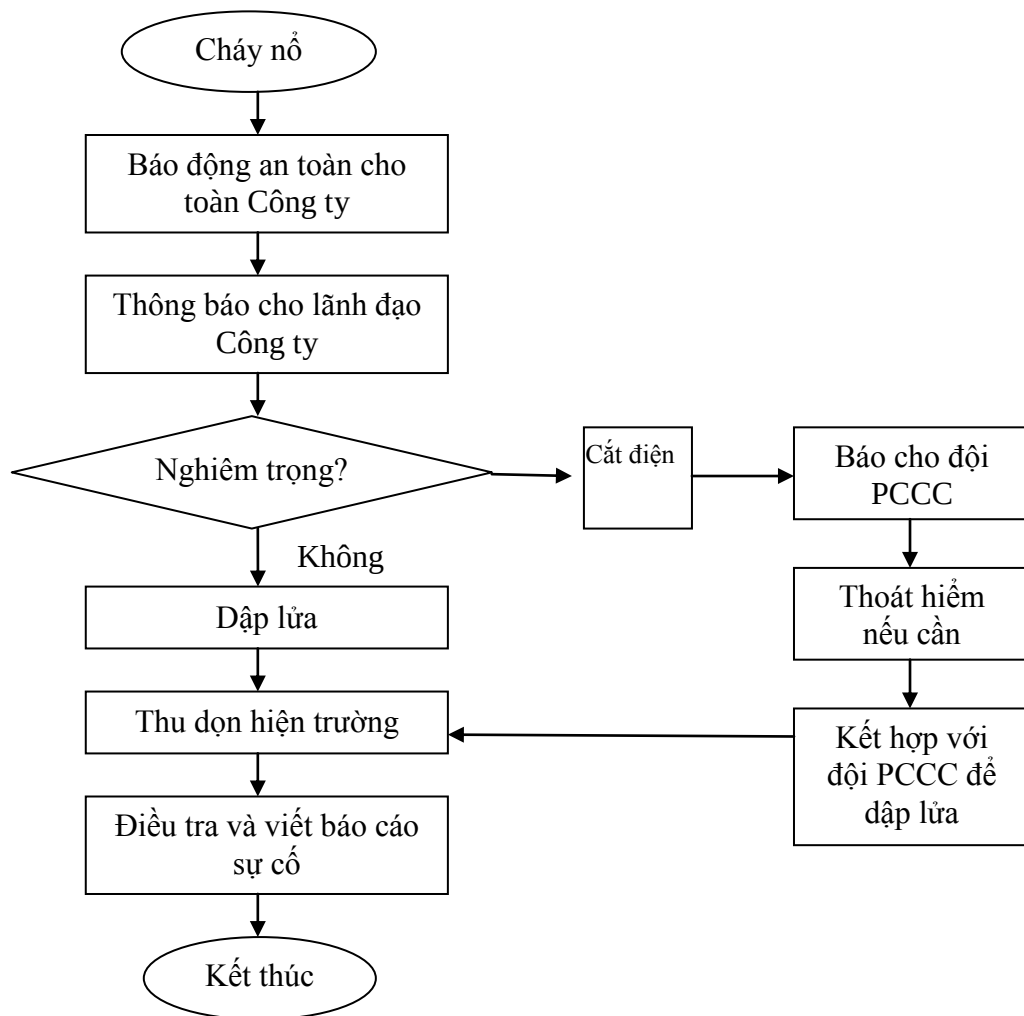
–Tuyên truyền, giáo dục ý thức PCCC cho công nhân viên bằng cách dán bảng hiệu, bảng thông báo đề phòng sự cố cháy, bảng sơ đồ liên lạc trong tình huống khẩn cấp. Huấn luyện cho toàn thể công nhân viên các biện pháp PCCC.

–Tất cả hạng mục công trình của Công ty đều được bố trí các vật liệu cứu hỏa như bình CO₂, bình bột. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp để tiện cho việc sử dụng khi xảy ra sự cố và thường xuyên kiểm tra hoạt động của các thiết bị này.

–Các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất sẽ có hồ sơ lý lịch đi kèm (nguồn gốc, thông số kỹ thuật) và thường xuyên được kiểm tra giám sát.

c. Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ:

Trong trường hợp xảy ra sự cố thì tất cả cán bộ nhân viên hay công nhân phát hiện ra đều phải khẩn trương thông báo qua điện thoại, chuông báo động hoặc trực tiếp báo cho đội PCCC tỉnh Bình Dương. Quy trình ứng phó sự cố cháy, nổ được tóm tắt qua sơ đồ sau:



Hình 3. 9. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Như vậy, theo sơ đồ quy trình nêu trên, thì khi xảy ra sự cố cháy, Công ty sẽ có các bước thực hiện ứng phó cụ thể như sau:

– Khi xảy ra sự cố cháy tại bất kỳ khu vực nào trong Công ty, tất cả nhân viên phải tuân thủ theo các bước sau đây:

+ Người phát hiện ra đám cháy đầu tiên phải báo động cho người cùng biết bằng cách hô to khẩu lệnh “Cháy, cháy, cháy”. Sau đó nhấn nút báo động khẩn và điện thoại trực tiếp với lãnh đạo → liên lạc đến bộ phận hành chánh nhân sự → liên lạc đến ban giám đốc nhà máy, đồng thời bộ phận hành chánh nhân sự liên lạc với Công an PCCC Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Những khu vực xảy ra cháy phải nhanh chóng cúp ngay cầu dao điện đồng thời sử dụng bình xịt CO₂, bình bột, nước vách tường để chữa cháy ngay ban đầu.

+ Sơ tán công nhân viên ra khỏi khu vực cháy ngay lập tức.

+ Tất cả các thành viên trong đội PCCC của ca làm việc nhanh chóng vào vị trí và triển khai đội hình chữa cháy đã được phân công.

– Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm sau khi xảy ra sự cố: Ban Chỉ huy PCCC có trách nhiệm tổ chức buổi họp sau khi xảy ra sự cố cháy nổ hoặc sau các buổi diễn tập

PCCC nhằm rút kinh nghiệm và khắc phục các sai sót (nếu có) trong suốt quá trình đáp ứng với tình huống khẩn cấp. Trong những trường hợp cần thiết, Trưởng Phòng Bảo vệ - PCCC có trách nhiệm bổ sung, sửa đổi các nội dung trong các quy trình xử lý của thủ tục. Đại diện Lãnh đạo Môi trường có trách nhiệm đảm bảo rằng việc sửa đổi các tài liệu được thực hiện đúng theo quy định trong Thủ Tục Quản Lý và Kiểm Soát Tài Liệu.

–Lưu hồ sơ: Các hồ sơ liên quan đến việc đáp ứng các tình huống khẩn cấp cháy nổ sẽ được Ban Chỉ huy PCCC hoặc các Trưởng Bộ phận liên quan ghi vào Biểu Mẫu Ghi Nhận Thông Tin và Sự không phù hợp và chuyển cho đại diện lãnh đạo phụ trách môi trường.

3.6.4. Biện pháp an toàn lao động:

An toàn lao động là mục tiêu hàng đầu trong các hoạt động của Công ty. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt nhất về an toàn lao động, ngoài các phương pháp khống chế ô nhiễm để giảm tác động tiêu cực đến sức khỏe của người công nhân, Chủ đầu tư còn áp dụng thêm những biện pháp sau:

–Ban hành những quy định về an toàn lao động tại nhà máy, các quy định về phòng ngừa tai nạn lao động trong quá trình sản xuất, bố trí hợp lý đường lộ vận chuyển và lối đi an toàn trong nội bộ công ty, ...

–Tổ chức lao động: Công ty tổ chức phân công bố trí lao động phù hợp theo tuổi và theo tình trạng sức khỏe để góp phần ngăn ngừa các rủi ro, tai nạn lao động cũng như hạn chế bệnh nghề nghiệp.

–Về giải pháp kỹ thuật: Công ty có bố trí các quạt công nghiệp để làm mát khu vực làm việc. Định kỳ Công ty có kế hoạch vệ sinh bóng đèn và thay thế các bóng bị mờ, hư để đảm bảo ánh sáng cho người lao động, thay các bóng đèn thường sang bóng đèn led nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu điện và nhiệt.

– Các máy móc, thiết bị được kiểm tra định kỳ thường xuyên theo ngày, tuần, tháng, quý, năm dựa theo tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật và hướng dẫn về vận hành của nhà sản xuất.

–Giải pháp phòng hộ cá nhân: Trang bị nút tai chống ồn, khẩu trang hoạt tính, mặt nạ phòng độc, gang tay, giày ủng,... phù hợp cho từng đối tượng lao động tại các khu vực sản xuất khác nhau.

–Kiểm soát các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động không ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân.

–Giải pháp về giám sát y tế và sức khỏe: Duy trì việc khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho công nhân, kiểm tra đo đạc chất lượng môi trường lao động.

–Giải pháp nâng cao nhận thức: Truyền đạt các kiến thức liên quan đến các tác hại của tiếng ồn, nhiệt độ, hơi dung môi,... để nâng cao nhận thức của người lao động.

–Yêu cầu công nhân viên thực hiện nghiêm ngặt các quy định về an toàn vệ sinh lao động của Công ty.

–Lập phòng y tế để giải quyết sơ cấp cứu tại chỗ khi có xảy ra tai nạn lao động, trang bị thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu.

–Huấn luyện an toàn lao động cho nhân viên mới, nhà thầu phụ khi thi công công trình. Tập huấn an toàn lao động cho công nhân định kỳ, huấn luyện nghiệp vụ an toàn lao động theo cấp độ như luật quy định.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của KCN. Bố trí các công trình xây dựng của Dự án bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường, tuân thủ QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Bảo đảm tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định của pháp luật.

Công ty phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động; chịu trách nhiệm về đền bù thiệt hại theo quy định nếu để phát sinh ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường trong quá trình hoạt động.

Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

Tuân thủ các yêu cầu về thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, ứng phó sự cố và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình hoạt động theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động đạt tiêu chuẩn đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Thành Phố Đẹp. Thu gom xử lý toàn bộ khí thải công nghiệp phát sinh đảm bảo đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định.

Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo; số liệu giám sát phải được cập nhật, lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

Lập kế hoạch và đảm bảo các điều kiện cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án. Khi xảy ra sự cố với hệ thống xử lý khí thải bất kỳ, chủ dự án phải lập tức phải ngừng công đoạn sản xuất tương ứng. Chỉ đưa vào hoạt động lại sau khi sự cố đã được khắc phục.

Thực hiện chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ đối với đội ngũ cán bộ tham gia làm việc tại dự án.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường:

Theo đề án Bảo vệ môi trường chi tiết đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 565/QĐ-STNMT ngày 17/8/2010 thì so với hiện nay Công ty triển khai hoạt động có một số điểm sai khác như sau:

Stt	Tên hạng mục	Phương án đã duyệt trong đề án bảo vệ môi trường	Thực tế hiện nay
1	Quy mô sản phẩm	Công suất 36.000.000 SP/năm, gồm: + (1) Vòng tiếp điện (Slip Ring): 10.000.000 SP/năm; + (2) Vòng đai cố định bằng thủy tinh (sản phẩm Glass Ring): 21.000.000 Sp/năm); + (3) Mold: 3.000.000 SP/năm; + (4) Commutator: 2.000.000 SP/năm)	Công suất 31.000.000 SP/năm, gồm: + (1) Vòng tiếp điện (Slip Ring): 10.000.000 SP/năm; + (2) Vòng đai cố định bằng thủy tinh (sản phẩm Glass Ring): 21.000.000 Sp/năm); + Mold và Commutator không đầu tư
2	Máy móc thiết bị	Máy dập table: 1 Máy sấy: 5 Máy nén khí: 2 cái	Máy dập table: 2 Máy sấy: 6 Máy nén khí: 3 cái
3	Hóa chất sử dụng	Không nêu	- C.M 100 - Xà phòng - Clorine - PAC - Polymer - NaOH
4	Kho chứa chất thải	Kho chất thải rắn công nghiệp: 35 m ² Kho chất thải nguy hại: Không nêu	Kho chất thải rắn công nghiệp 50 m ² Kho chất thải nguy hại 10 m ²
5	Xử lý nước thải sinh hoạt	Chỉ xử lý qua hầm tự hoại ba ngăn sau đó đầu nối vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với quy trình xử lý như: Nước thải sinh hoạt → bể thu gom → bể điều hòa → bể SBR → thiết bị lọc áp lực V thiết bị khử trùng → đầu nối vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp
6	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	Nước thải sản xuất → bể tiếp nhận + tách dầu → bể keo tụ, tạo bông → bể lắng bùn → bể lọc → đầu nối vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp	Nước thải sản xuất → bể điều hòa → Thiết bị trộn hóa chất → bể phản ứng kết hợp lắng → đầu nối vào đường thu gom nước thải của cụm công nghiệp
7	Hệ thống xử lý bụi	Không nêu giải pháp kỹ thuật, chỉ có biện pháp quản lý	- Bụi công đoạn tiện làm sạch bề mặt ống thủy tinh: xử lý bằng phương pháp dập nước. thiết bị

			nhập kèm máy sản xuất. - Bụi công đoạn tiện làm sạch đầu ống thủy tinh: Xử lý bằng màng lọc. - Bụi công đoạn cắt ống thủy tinh: xử lý bằng phương pháp đập nước. Thiết bị nhập kèm máy sản xuất.
--	--	--	---

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Nước thải của công ty sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của Cụm công nghiệp thành phố đẹp được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Thành Phố Đẹp. Vì vậy Công ty không xin cấp phép cho nguồn nước thải.

4.1.1. Nguồn phát sinh:

a) Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn → dẫn theo ống uPVC D90mm → hầm bơm (hố thu gom) → Bơm về bể điều hòa nước thải sinh hoạt → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực căn tin được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn → dẫn theo ống uPVC D90mm → hầm bơm (hố thu gom) → Bơm về bể điều hòa nước thải sinh hoạt → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà vệ sinh công nhân được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn → dẫn theo ống uPVC D90mm → hầm bơm (hố thu gom) → Bơm về bể điều hòa nước thải sinh hoạt → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực nhà ở chuyên gia được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn → dẫn theo ống uPVC D90mm → hầm bơm (hố thu gom) → Bơm về bể điều hòa nước thải sinh hoạt → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

b). Nguồn phát sinh nước thải sản xuất

- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa nguyên liệu sản xuất vòng tiếp điện được thu gom dẫn theo đường ống uPVC D90mm về HTXLNT sản xuất → Đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của cụm công nghiệp.

- Nguồn số 06: Nước thải từ quá trình xử lý bụi trong quá trình tiện làm sạch bề mặt ngoài của ống thủy tinh được thu gom dẫn theo đường ống uPVC D90mm về HTXLNT sản xuất → Đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của cụm công nghiệp.

- Nguồn số 07: Nước thải từ quá trình xử lý bụi công đoạn cắt ống thủy tinh thành vòng thủy tinh được thu gom dẫn theo đường ống uPVC D90mm về HTXLNT sản xuất → Đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của cụm công nghiệp.

- Nguồn số 08: Nước thải từ quá trình mài sản phẩm vòng thủy tinh sau khi cắt được thu gom dẫn theo đường ống uPVC D90mm về HTXLNT sản xuất → Đầu nối vào hố ga thu gom nước thải của cụm công nghiệp.

4.1.2. Dòng nước thải xả, vị trí xả thải:

a). Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sinh hoạt và sản xuất sau xử lý được nhập chung về 1 hố ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Thành Phố Đẹp, không xả ra môi trường.

b). Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp: X= 12.36.385m, Y=06.93.251m. (theo hệ VN2000 kinh tuyến 105°45’ múi chiều 3°)

c). Lưu lượng xả thải lớn nhất: 18,5 m³/ngày.đêm. Cụ thể như sau:

Bảng 5. 1. Bảng lưu lượng từng nguồn nước thải

Stt	Nguồn thải	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)
1	Nguồn số 01, 02, 03, 04	11
2	Nguồn số 05	3,7
3	Nguồn số 06	1,8
4	Nguồn số 07	1,4
5	Nguồn số 08	0,6
	Tổng cộng	18,5

– Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
– Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày, liên tục.
– Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, K_q=1, K_f=1), cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Tiêu chuẩn tiếp nhận của CCN
1.	pH	–	6-9
2.	TSS	mg/l	100
3.	COD	mg/l	150
4.	BOD ₅	mg/l	50
5.	Tổng N	mg/l	20
6.	Tổng P	mg/l	5
7.	Amoni	mg/l	0,5
8.	Chì	mg/l	0,5
9.	Đồng	mg/l	2
10.	Fe	mg/l	5
11.	Độ màu	Pt-Co	150
12.	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Tại Công ty có 2 nguồn phát sinh bụi, khí thải đó là:

- + Nguồn số 1: Bụi từ công đoạn tiện, chà ống thủy tinh:
- + Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng
- Lưu lượng xả khí thải tối đa: Lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép là 3.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải:
- + Dòng khí thải số 1: lưu lượng 2.200 m³/giờ (tương ứng với nguồn thải số 1)
- + Dòng khí thải số 2: Lưu lượng: 800 m³/giờ (tương ứng với nguồn số 2)
- Bụi sau xử lý đạt giá trị theo QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kv=0,8; Kp=1)
- Vị trí xả thải:
 - + Dòng thải số 1: X=12.26.397m; Y = 06.93.080m
 - + Dòng thải số 2: X=12.26.301m; Y = 06.93.242m
- Phương thức xả thải: Khí thải được xả cưỡng bức thông qua quạt hút và xả khi có vận hành sản xuất

1.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:
 - + Nguồn số 1: Từ các máy móc thiết bị sản xuất
 - + Nguồn số 2: Từ các máy móc vận hành hệ thống xử lý nước thải
 - + Nguồn số 3: Từ các máy móc vận hành hệ thống xử lý bụi
 - + Nguồn số 4: Từ máy phát điện dự phòng
- Tọa độ:
 - + Nguồn số 1: X=12.36.393m, Y= 06.93.078m
 - + Nguồn số 2: X=12.36.384m, Y= 06.93.247m
 - + Nguồn số 3: X=12.36.397m; Y = 06.93.080m
 - + Nguồn số 4 : X=12.36.301m; Y = 06.93.242m
- Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung:
 - + Môi trường xung quanh: QCVN 26:2010/BTNMT: từ 6 giờ đến 21 giờ (70 dBA); từ 21 giờ đến 6 giờ (55 dBA).
 - + Môi trường lao động bên trong xưởng: QCVN 24:2016/BTNMT giới hạn tối đa 85 dBA

1.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với CTRCN thông thường và chất thải nguy hại

a) Nội dung đề nghị cấp phép đối với CTRCN thông thường:

Tổng khối lượng CTRCN đề xuất cấp phép là 13.900 kg/năm. Thành phần và khối lượng cụ thể như sau:

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy vụn văn phòng	200
2	Bao bì carton thải	2.500
3	Bao bì nylon thải	2.000
4	Kim loại đồng	3.000

5	Phế liệu sắt thép	2.000
6	Dây đai	1.200
7	Bùn thải từ HTXL nước thải sinh hoạt	3.000
	Tổng cộng	13.900

b) Nội dung đề nghị cấp phép đối với CTNH:

Tổng khối lượng CTNH đề xuất cấp phép là 130.076 kg/năm. Thành phần và khối lượng cụ thể như sau:

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	24	Rắn	16 01 06
2	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, keo thải	120	Rắn	18 02 01
3	Cặn dầu nhớt thải	60	Rắn	17 02 04
4	Bao bì, thùng chứa đựng dầu nhớt, dầu thủy lực, keo dán,...	3.000	Rắn	18 01 01
5	Bụi thủy tinh từ hệ thống lọc bụi công đoạn chà đầu ống thủy tinh	24	Rắn	16 01 12
6	Bụi công đoạn tiện làm sạch bề mặt ống thủy tinh	124.800	Rắn	12 01 12
7	Pin, ắc quy chì thải	12	Rắn	19 06 01
8	Hộp mực in thải	12	Rắn	08 02 04
9	Thiết bị điện, điện tử thải	24	Rắn	19 02 05
10	Bùn thải từ HTXL nước thải sản xuất	2.000	Rắn	02 05 01
	Tổng cộng	130.076		

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Kết quả quan trắc định kỳ nước thải ssau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ năm 2020-2023 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải tại hố ga trước khi đầu nối vào Cụm công nghiệp (gồm cả nước thải sản xuất và sinh hoạt)

Thời gian quan trắc	Thông số quan trắc						
	pH	TSS	COD	BOD ₅	Tổng N	Tổng P	Coliforms
	-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL
A	Năm 2020						
I/2020	7,8	37	45	23	6,47	0,75	14x10 ²
II/2020	8,93	48	69	34	10,1	2,175	15x10 ²
III/2020	7,3	5	38	17	12,8	2,08	21x10 ²
IV/2020	8,76	53	72	31	10,4	2,18	1,6x10 ³
B	Năm 2021						
I/2021	6,83	47	61	29	17,8	3,27	7.900
II/2021	6,93	43	77	30	11,6	0,993	2.500
III/2021	6,73	57	98	42	22,3	2,7	4.900
IV/2021	6,83	31	34	13	11,2	0,9	KPH
C	6 tháng đầu năm 2022						
I/2022	7,51	41	32	19	0,51	29,5	24x10 ²
II/2022	7,01	38	36	17	0,56	0,75	21x10 ²
D	Năm 2023						
I/2023	7,65	28	31	17	14,6	1,73	2.400
II/2023	6,45	26	58	22	17,7	1,18	2.100
III/2023	6,38	21	68	23	19,5	1,41	2.900
QCVN 40:2011/BTNMT cột B	5,5-9	100	150	50	40	6	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Bảng 5. 3. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt sau HTXL nước thải sinh hoạt

Thời gian quan trắc	Thông số quan trắc				
	TSS	COD	Amoni	Tổng N	Tổng P
	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L
A	Năm 2020				
I/2020	31	62	8,17	27,5	2,18
II/2020	53	86	13,14	26,4	2,462
III/2020	58	91	11,8	31,5	2,169
IV/2020	51	83	7,83	26,1	2,52
B	Năm 2021				
I/2021	54	72	2,1	19,6	3,42
II/2021	40	75	1,15	10,9	0,841
III/2021	46	78	6,5	19,8	3,81
IV/2021	22	24	9,1	12,6	1,56
C	6 tháng đầu năm 2022				
I/2022	85	98	4,15	7,15	0,51

II/2022	89	95	4,44	0,61	7,12
D	Năm 2023				
I/2023	27	26	1,15	12,4	1,65
II/2023	24	62	2,4	19,3	2,6
III/2023	26	73	3,48	21,5	1,36
QCVN 40:2011/BTNMT, cột B	100	150	10	40	6

(Công ty TNHH Yuro Vina)

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải:

Bảng 5. 4. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí lao động xưởng sản xuất

Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Đơn vị	Kết quả quan trắc									QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
			I/2021	II/2021	III/2021	IV/2021	I/2022	II/2022	I/2023	II/2023	III/2023			
Khu vực đầu nhà xưởng	Tiếng ồn	dBA	68,7	73,5	71,6	60,2	61,7	67,1	73,4	78,4	78,2	≤85	-	-
	Bụi	mg/m ³	0,25	0,285	0,26	0,19	0,17	0,23	0,26	0,25	0,27	-	≤8	-
	NO ₂	mg/m ³	0,064	0,089	0,064	0,073	0,061	0,062	0,069	0,066	0,057	-	-	≤10
	SO ₂	mg/m ³	0,077	0,163	0,071	0,086	0,065	0,071	0,061	0,068	0,067	-	-	≤10
	CO	mg/m ³	<6	<13,46 (4,8)	<6	<6	0,075	6,45	5,68	5,55	5,68	-	-	≤40
	THC	mg/m ³	KPH	0,087	KPH	KPH	5,42	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	≤25
Khu vực cuối nhà xưởng	Tiếng ồn	dBA	73,1	71,7	75,2	59,8	62,1	72,5	73,9	82,4	79,9	≤85	-	-
	Bụi	mg/m ³	0,28	0,339	0,19	0,43	0,19	0,25	0,27	0,28	0,29	-	≤8	-
	NO ₂	mg/m ³	0,078	0,137	0,06	0,07	0,063	0,064	0,065	0,068	0,062	-	-	≤10
	SO ₂	mg/m ³	0,074	0,199	0,083	0,089	0,068	0,069	0,067	0,69	0,064	-	-	≤10
	CO	mg/m ³	<6	<13,46 (5,12)	<6	<6	0,075	6,23	5,72	5,61	5,73	-	-	≤40
	THC	mg/m ³	KPH	0,195	KPH	KPH	5,51	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-	≤25

(Công ty TNHH Yuro Vina)

Bảng 5. 5. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh

Vị trí quan	Thông số		Kết quả quan trắc	QCVN 26:2010/	QCVN 05:2013/
-------------	----------	--	-------------------	---------------	---------------

trắc	quan trắc	Đơn vị	I/2021	II/2021	III/2021	IV/2021	I/2022	II/2022	I/2023	II/2023	III/2023	BTNMT	BTNMT
Khu vực công bảo vệ	Tiếng ồn	dBA	57,2	58	67,3	66,1	59,5	63,6	63,2	64,8	65,1	≤70	-
	Bụi	mg/m ³	0,11	0,142	0,24	0,19	0,11	0,12	0,18	0,17	0,19	-	≤0,3
	NO ₂	mg/m ³	0,056	0,0478	0,076	0,062	0,058	0,056	0,057	0,056	0,051	-	≤0,2
	SO ₂	mg/m ³	0,063	0,05	0,091	0,071	0,06	0,062	0,060	0,061	0,057	-	≤0,35
	CO	mg/m ³	5,13	<13,46 (4,232)	<6	<6	5,25	5,45	5,34	5,55	5,32	-	≤30
	THC	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Yuro Vina)

Ghi chú: trong thời gian qua, do không có đơn hàng nên HTXL bụi không hoạt động, Vì vậy chúng tôi không có số liệu phân tích kết quả xử lý bụi sau HTXL bụi công đoạn mài ống đồng sản xuất bộ chuyển mạch điện – Commutator.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo:

Để đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý và chất lượng không khí khu vực công ty trong thời gian lập giấy phép, Công ty chúng tôi đã kết hợp với Công ty TNHH môi trường và an toàn lao động Sao Việt để đo đạc phân tích mẫu. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 5. 6. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại hố ga tập trung trước khi đầu nối vào cụm công nghiệp

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT cột B
1	pH	-	7,42	5,5-9
2	TSS	mg/l	43	100
3	COD	mg/l	28	150
4	BOD5	mg/l	13	50
5	Tổng P	mg/l	0,62	-
6	Tổng N	mg/l	2,16	40
7	Colifoms	MPN/100ml	2.400	5.000

Bảng 5. 7. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt sau HTXL nước thải sinh hoạt

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT cột B
1	TSS	mg/l	48	100
2	COD	mg/l	30	150
3	Amoni	mg/l	4,11	10
4	Tổng P	mg/l	0,51	-
5	Tổng N	mg/l	3,78	40

Trong thời gian lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường, hệ thống xử lý bụi không hoạt động vì không có đơn hàng sản xuất do vậy chúng tôi quan trắc môi trường không khí lao động và xung quanh. Kết quả cụ thể bên dưới:

Bảng 5. 8. Kết quả quan trắc môi trường không khí lao động

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 24:2016/BYT	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT
			Vị trí đầu xưởng	Vị trí cuối xưởng			
1	Tiếng ồn	dBA	68,1	73,3	≤ 85	-	-
2	Bụi	mg/m ³	0,25	0,26	-	≤ 8	-
3	NO2	mg/m ³	0,066	0,068	-	-	≤ 10
4	SO2	mg/m ³	0,077	0,066	-	-	≤ 10
5	CO	mg/m ³	6,87	6,98	-	-	≤ 40
6	THC	mg/m ³	KPH	KPH	-	-	≤ 25

Bảng 5. 9. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 05:2013/BTNMT
			Vị trí cổng bảo vệ		
1	Tiếng ồn	dBA	62,3	≤ 70	-
2	Bụi	mg/m ³	0,13	-	≤ 0,3
3	NO2	mg/m ³	0,059	-	≤ 0,2
4	SO2	mg/m ³	0,068	-	≤ 0,35
5	CO	mg/m ³	5,67	-	≤ 30
6	THC	mg/m ³	KPH	-	-

Nhận xét: Như vậy qua kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải, không khí lao động, không khí xung quanh cho thấy công trình xử lý của công ty đạt hiệu quả, đảm bảo tiêu chuẩn đầu nối vào cụm công nghiệp cũng như môi trường lao động của công ty.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Nghành nghề sản xuất của Công ty không thuộc phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP nên chúng tôi chọn thì thời gian vận hành thử nghiệm cho HTXL nước thải là 1 (bắt đầu vận hành thử nghiệm là sau 20 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường).

6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6. 1. Thời gian, vị trí và thông số quan trắc nước thải vận hành thử nghiệm

Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc
Lần 1: trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 5 ngày	Nước thải sản xuất trước khi vào hệ thống	TSS, BOD ₅ , COD, pH, độ màu, Cu, Fe, Pb
	Nước thải sinh hoạt trước khi vào hệ thống	TSS, BOD ₅ , COD, pH, amoni, tổng N, tổng P, coliforms
	Sau HTXL nước thải sản xuất (bể chứa trung gian)	TSS, BOD ₅ , COD, pH, độ màu, Cu, Fe, Pb
	Sau HTXL nước thải sinh hoạt (bồn lọc áp lực)	TSS, BOD ₅ , COD, pH, amoni, tổng N, tổng P, coliforms
Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 4 ngày	Sau HTXL nước thải sản xuất (bể chứa trung gian)	TSS, BOD ₅ , COD, pH, độ màu, Cu, Fe, Pb
	Sau HTXL nước thải sinh hoạt (bồn lọc áp lực)	TSS, BOD ₅ , COD, pH, amoni, tổng N, tổng P, coliforms
Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 3 ngày	Sau HTXL nước thải sản xuất (bể chứa trung gian)	TSS, BOD ₅ , COD, pH, độ màu, Cu, Fe, Pb
	Sau HTXL nước thải sinh hoạt (bồn lọc áp lực)	TSS, BOD ₅ , COD, pH, amoni, tổng N, tổng P, coliforms

6.3. Tổ chức có đủ điều kiện quan trắc môi trường dự kiến thực hiện là:

- + Công ty TNHH môi trường và an toàn lao động Sao Việt
- + Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- + Điện thoại: 0274.366.2529
- + Công ty đã được cấp chứng nhận: Vilas số 073 và chứng nhận Vimcert số 286

6.2. Chương trình quan trắc chất thải:

a) Giám sát nước thải trong giai đoạn vận hành

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga trước khi đầu nối vào cụm công nghiệp
- Thông số giám sát: pH, SS, COD, BOD₅, độ màu, tổng N, tổng P, amoni, Fe, Cu, Pb, Coliforms.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Cụm công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT cột B

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu giám sát: Đính kèm phần phụ lục báo cáo.

c) Giám sát chất thải rắn và CTNH

Vị trí giám sát: Nhà chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

Nội dung giám sát: Chủ đầu tư sẽ giám sát cả về số lượng, chủng loại và thành phần, việc phân định, phân loại và chứng từ giao nhận chất thải, hóa đơn.

Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục

Tần suất báo cáo: 1 lần/năm

–Toàn bộ chất thải rắn và CTNH được giám sát, quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:

Tạm thời kinh phí quan trắc môi trường hàng năm giai đoạn vận hành nhà máy được dự trù dựa theo quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 20/08/2018 của UBND tỉnh Bình Dương như sau:

Bảng 5. 10. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm đối với nước thải

Thông số	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
pH	2	49.200	98.400
TSS	2	176.040	352.080
COD	2	226.440	452.880
BOD5	2	198.432	396.864
Độ màu	2	88.500	177.000
Tổng N	2	349.200	698.400
Tổng P	2	301.320	602.640
Amoni	2	206.664	413.328
Cu	2	351.100	702.200
Fe	2	371.400	742.800
Pb	2	351.100	702.200
Coliforms	2	495.600	991.200
Tổng cộng			6.329.992

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực, nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH Yuro Vina cam kết sẽ thực hiện tốt chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu tại chương 6; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong giai đoạn hoạt động của dự án.

6.1. Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường

–Áp dụng tất cả các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như đầu tư lắp đặt và xây dựng các công trình kiểm soát, xử lý tác nhân gây tác động xấu do nước thải, bụi, khí thải và bố trí các thùng thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại, các biện pháp khắc phục sự cố môi trường, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường từ quá trình sinh hoạt của người lao động, chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất và chất thải nguy hại,... trong quá trình hoạt động của dự án nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam và các quy định hiện hành.

–Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế để vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình các hạng mục xử lý nước thải, khí thải. Phân công cán bộ có năng lực và chuyên môn về môi trường để quản lý môi trường cho Công ty đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

–Công ty có kế hoạch đào tạo cán bộ môi trường để theo dõi, vận hành các công trình môi trường. Hàng năm chúng tôi đã và sẽ tổ chức các chương trình, hoạt động thiết thực nhằm nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho đội ngũ nhân viên và cán bộ môi trường.

–Trong quá trình hoạt động nếu có yếu tố môi trường nào phát sinh ngoài dự đoán, chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương để kịp thời xử lý nguồn ô nhiễm này.

6.2. Cam kết thực hiện tuân thủ các tiêu chuẩn/quy chuẩn môi trường

Công ty cam kết trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép xả thải vào môi trường, bao gồm:

❖ *Môi trường khí tại nguồn:*

QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=1$; $K_v=0,8$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

❖ *Nước mưa:*

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải theo quy định.

- Nước mưa được thu gom và đầu nối trực tiếp vào hệ thống thu gom nước mưa của Cụm công nghiệp Thành phố đẹp.

❖ *Nước thải:*

–Cam kết thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh tại Công ty, xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối vào Cụm công nghiệp Thành phố đẹp.

–Công ty cam kết sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất khi HTXL nước thải gặp sự cố dẫn đến chất lượng nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đầu nối của CCN.

❖ *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

–Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên được phân loại tại nguồn và quản lý đúng theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

–Toàn bộ chất thải rắn không có giá trị tái chế được thu gom, lưu giữ sau đó ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

❖ *Chất thải nguy hại:*

Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được thu gom và lưu giữ vào kho chứa chất thải nguy hại sau đó hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I: HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

- 1) Giấy chứng nhận đầu tư và giấy phép đăng ký doanh nghiệp
- 2) Quyết định phê duyệt Đề án BVMT
- 3) Hợp đồng thuê đất
- 4) Giấy nghiệm thu PCCC và thẩm duyệt PCCC.
- 5) Biên bản nghiệm thu xây dựng nhà xưởng
- 6) Biên bản thỏa thuận đấu nối nước thải vào Cụm công nghiệp Thành phố đẹp
- 7) Văn bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng HTXLNT sinh hoạt và sản xuất.
- 8) Sổ đăng ký chủ nguồn thải
- 9) Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển thải công nghiệp thông thường và CTNH

PHỤ LỤC II: CÁC BẢN VẼ CỦA CÔNG TY

- 1) Bản vẽ mặt bằng tổng thể của Công ty
- 2) Bản vẽ mặt bằng tổng thể hệ thống đường ống thu gom, thoát nước mưa
- 3) Bản vẽ mặt bằng tổng thể hệ thống thu gom nước thải của Công ty.
- 4) Bản vẽ hệ thống xử lý nước thải.
- 5) Bản vẽ hệ thống xử lý khí thải.
- 6) Bản vẽ sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3700635882

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 06 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 22 tháng 08 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH YURO VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YURO VINA CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3648 125

Fax: 0274 3648 450

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

26.467.384.730 đồng

Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm ba mươi đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH C.S.TECH		1000-27 Daekwang-dong, Kimcheon-city, Kyungbuk, HAN QUỐC	11.452.511.403	43,300	510-81-09147	

2	KIM DONG KYUN	Hàn Quốc	#106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, Hàn Quốc	11.196.567.459	42,300	M20574272	
3	KIM HYUN JUNG	Hàn Quốc	#106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, Hàn Quốc	1.909.152.916	7,200	M35560812	
4	PARK WOOK KYU	Hàn Quốc	#106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, Hàn Quốc	1.909.152.916	7,200	M04357408	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: YOU YOUNG ROCK

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 05/11/1973

Dân tộc: Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M95062614

Ngày cấp: 27/02/2019

Nơi cấp: Đại Sứ Quán Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 48-12, Namsan-dong, Geumjeong-gu, Busan, Korea, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Đường DT747 B, Khu Phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thanh An

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 461023000643

Chứng nhận lần đầu: ngày 01 tháng 6 năm 2010

Chứng nhận thay đổi lần thứ 1: ngày 21 tháng 5 năm 2014

(Giấy phép đầu tư gốc số 412/GP-BD ngày 09/5/2005)

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 và Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 nghiệp của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư;

Xét bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ của CÔNG TY TNHH YURO VINA nộp ngày 12 tháng 5 năm 2014;

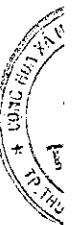
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Chứng nhận các nhà đầu tư:

1. CÔNG TY TNHH C.S.TECH; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 510-81-09147, ngày cấp 15 tháng 01 năm 2000; nơi cấp phòng Thuế quận Seongnam, Hàn Quốc; địa chỉ trụ sở chính 1000-27 Daekwang-dong, Kimcheon-City, Kyungbuk, S. Korea;

Đại diện bởi: ông PARK WOOK KYU; sinh ngày 26 tháng 4 năm 1969; quốc tịch Hàn Quốc; số hộ chiếu JR2987774; ngày cấp 10 tháng 3 năm 2005; nơi cấp Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú #106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, S. Korea; nơi ở hiện nay #106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, S. Korea;

2. Ông PARK WOOK KYU; sinh ngày 26 tháng 4 năm 1969; quốc tịch Hàn Quốc; số hộ chiếu JR2987774; ngày cấp 10 tháng 3 năm 2005; nơi cấp Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú #106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, S. Korea; nơi ở hiện nay #106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, S. Korea;



3. Bà KIM HYUN JUNG; sinh ngày 15 tháng 12 năm 1973; quốc tịch Hàn Quốc; số hộ chiếu JR2819360; ngày cấp 14 tháng 7 năm 2004; nơi cấp Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú #106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, S. Korea; nơi ở hiện nay #106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, S. Korea;

4. Ông KIM DONG KYUN; sinh ngày 16 tháng 4 năm 1942; quốc tịch Hàn Quốc; số hộ chiếu M85037718; ngày cấp 07 tháng 11 năm 2008; nơi cấp Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú #106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, S. Korea; chỗ ở hiện nay #106-1902, Raemian Apt, KeumKwang-2Dong, Jungwon-Gu, Sungnam City Kyeonggi Do, S. Korea;

Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư với nội dung như sau:

- Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và địa điểm thực hiện dự án do Nhà nước thay đổi tên gọi đơn vị hành chính.

Điều 1: Nội dung đăng ký kinh doanh:

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY TNHH YURO VINA.

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: YURO VINA CO., LTD.

Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

3. Địa chỉ trụ sở chính: khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành
01		Sản xuất các loại phụ tùng động cơ của các loại xe.

5. Vốn điều lệ: 1.650.024 (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn không trăm hai mươi bốn) đô la Mỹ. Trong đó:

1) CÔNG TY TNHH C.S.TECH góp 713.970 (bảy trăm mười ba ngàn chín trăm bảy mươi) đô la Mỹ chiếm 43,3% (bốn mươi ba phẩy ba phần trăm) vốn điều lệ;

2) Ông KIM DONG KYUN góp 698.014 (sáu trăm chín mươi tám ngàn không trăm mười bốn) đô la Mỹ chiếm 42,3% (bốn mươi hai phẩy ba phần trăm) vốn điều lệ;

3) Bà KIM HYUN JUNG góp 119.020 (một trăm mười chín ngàn không trăm hai mươi) đô la Mỹ chiếm 7,2% (bảy phẩy hai phần trăm) vốn điều lệ;

4) Ông PARK WOOK KYU góp 119.020 (một trăm mười chín ngàn không trăm hai mươi) đô la Mỹ chiếm 7,2% (bảy phẩy hai phần trăm) vốn điều lệ.

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông KWON WANG KEUN; sinh ngày 30 tháng 12 năm 1972; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số M88641094; cấp ngày 04 tháng 12 năm 2009; nơi cấp Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú 53-41, Sungdang-Dong, Dalseo-gu, Taegu-city Korea; nơi ở hiện nay 2C-6-13 Sky Garden, Phú Mỹ Hưng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; chức vụ Tổng giám đốc.

Điều 2: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT CÁC LOẠI PHỤ TÙNG ĐỘNG CƠ CỦA CÁC LOẠI XE.

2. Địa điểm thực hiện dự án: khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Diện tích đất sử dụng 30.000m².

3. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu: Sản xuất các loại phụ tùng động cơ của các loại xe.

- Quy mô của dự án: Doanh thu 900.000 đô la Mỹ/năm.

4. Tổng vốn đầu tư: 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 1.650.024 (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn không trăm hai mươi bốn) đô la Mỹ. Bao gồm:

1) CÔNG TY TNHH C.S.TECH góp 713.970 (bảy trăm mười ba ngàn chín trăm bảy mươi) đô la Mỹ chiếm 43,3% (bốn mươi ba phẩy ba phần trăm) vốn điều lệ;

2) Ông KIM DONG KYUN góp 698.014 (sáu trăm chín mươi tám ngàn không trăm mười bốn) đô la Mỹ chiếm 42,3% (bốn mươi hai phẩy ba phần trăm) vốn điều lệ;

3) Bà KIM HYUN JUNG góp 119.020 (một trăm mười chín ngàn không trăm hai mươi) đô la Mỹ chiếm 7,2% (bảy phẩy hai phần trăm) vốn điều lệ;

4) Ông PARK WOOK KYU góp 119.020 (một trăm mười chín ngàn không trăm hai mươi) đô la Mỹ chiếm 7,2% (bảy phẩy hai phần trăm) vốn điều lệ.

Tiền độ góp vốn: đã góp đủ.

5. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 09 tháng 5 năm 2005.

6. Tiến độ thực hiện dự án: đã hoạt động ổn định.

7. CÔNG TY TNHH YURO VINA thực hiện các quy định đối với dự án như sau:

a) Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

b) Nhà đầu tư phải thực hiện việc xử lý nước thải trong quá trình hoạt động, đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường sống và có phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ tại địa điểm thực hiện dự án trong quá trình hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành;

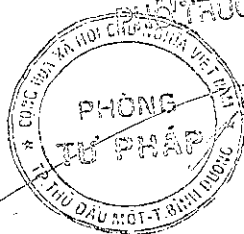
c) Mức thuế thu nhập, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

d) Doanh nghiệp được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

e) Tiền thuê đất hàng năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 3:

Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; một bản cấp cho Doanh nghiệp, một bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.



Thái Hoàng Nam

CHỦ TỊCH

Lê Thanh Cung



Số: ...565.../QĐ-STNMT

Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường

Nhà máy sản xuất các loại phụ tùng động cơ của các loại xe công suất 36.000.000 sản phẩm/năm tại ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 61/2008/QĐ-UB ngày 23 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương và Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất các loại phụ tùng động cơ của các loại xe công suất 36.000.000 sản phẩm/năm tại ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất các loại phụ tùng động cơ của các loại xe công suất 36.000.000 sản phẩm/năm tại ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina.

Điều 2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, nước thải phải được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn thải của Cụm công nghiệp và đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thành Phố Đẹp;

- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt theo TCVN 5949:1998; TCVN 6962:2001 và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT;

- Chất thải rắn các loại phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo Quy định tại khoản 1 điều 30 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại khoản 1, 2 điều 31 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

- Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, đồng thời có báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ 3 tháng/lần để kiểm tra, giám sát;

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường là 60 ngày kể từ ngày ký quyết định.

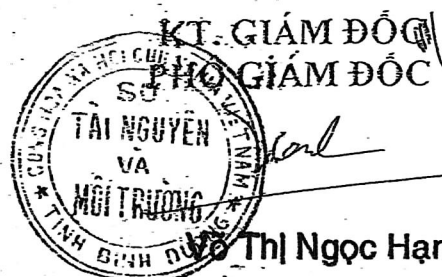
4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina phải có văn bản báo cáo cơ quan phê duyệt về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Đề án bảo vệ môi trường Nhà máy sản xuất các loại phụ tùng động cơ của các loại xe công suất 36.000.000 sản phẩm/năm và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan của Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Yuro-Vina;
- UBND huyện Tân Uyên;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT, Tuyet5.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oOo-----

Ngày 02 tháng 03 năm 2016
Date 02 Month 03 Year 2016

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

INSPECTION OF COMPLETED WORKS OR ITEMS OF WORKS
FOR HANDING OVER TO THE CLIENT

CÔNG TRÌNH/ PROJECT: YURO VINA
HẠNG MỤC ITEM : NHÀ XƯỞNG, NHÀ VỆ SINH & ĐƯỜNG NỘI BỘ
ĐỊA ĐIỂM / LOCATION : Khu phố Ông Đông – P. Tân Hiệp – TX. Tân Uyên – T. Bình Dương

1. Hội đồng tham gia nghiệm thu.

Parties joint inspection

Đại diện Chủ đầu tư : **CÔNG TY TNHH YURO VINA**
Representative of Owner

Ông / Bà : YOU YOUNG ROCK Chức vụ : TỔNG GIÁM ĐỐC
Mr / Mrs : Position.....
Ông / Bà : Chức vụ
Mr / Mrs : Position

Đại diện Nhà thầu. **CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG CA**
Representative of Contractor

Ông / Bà : YUN JANG HEE Chức vụ : TỔNG GIÁM ĐỐC.
Mr / Mrs : Position.....

2. Thời gian bắt đầu nghiệm thu:

Inspection Period

Bắt đầu : 9h00 ngày 02 tháng 03 năm 2016
Commencement

Kết thúc : 11h30 ngày 02 tháng 03 năm 2016
Completion

Tại/At: CÔNG TRÌNH YUROVINA

3. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng:

Evaluation for item of works done:

- a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu :
Documents to be referred to :

1. Biên Bản Nghiệm Thu Đưa Vào Sử Dụng
2. Bản vẽ hoàn công các hạng mục

b) Chất lượng hạng mục công trình xây dựng :
Quality of works done

(đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật)
(in comparison with design drawings, specification and instructions)

....ĐẠT YÊU CẦU

c) Các ý kiến khác nếu có.
Others

KHÔNG

4. Kết luận : Conclusion :

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình , bàn giao công trình để
đưa vào sử dụng.

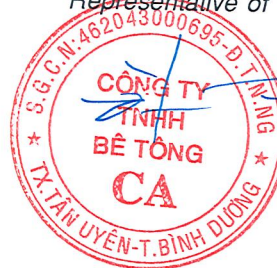
Acceptance of item of works or the whole project done for handing over to the client

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.
All parties involved in this inspection will be responsible to the law in force for their opinions on
this report.

Đại diện Chủ đầu tư
Representative of Owner



Đại diện Nhà thầu
Representative of Contractor



YUN JANG HEE

CÔNG TY TNHH YURO VINA
Số: 01/CV-YURO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

*V/v: Đề nghị xác nhận hệ thống thoát nước
mưa, nước thải trên phần diện tích đất của Công ty
TNHH Yuro Vina.*

Tân Uyên, ngày 01 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN B.B ĐẠI MINH

Tên đơn vị: Công Ty TNHH YURO VINA

MST: 3700635882

Địa chỉ: Khu phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: (0274) 3648 125

Số Fax: : (0274) 3648 450

Căn cứ Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 01/BCD-CCN ngày 10/10/2006 giữa Công ty cổ phần Thành Phố Đẹp (nay là Công ty cổ phần B.B Đại Minh) và Công ty TNHH Yuro Vina;

Nay Công Ty TNHH Yuro Vina gửi Công văn về việc đề nghị xác nhận hệ thống thoát nước mưa, nước thải trên phần diện tích đất của Công ty TNHH Yuro vina.

Lý do đề nghị xác nhận: Hoàn thiện hồ sơ xin cấp phép môi trường của công ty TNHH Yuro vina.

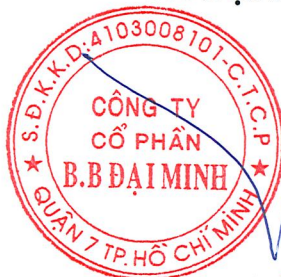
Nội dung cần xác nhận:

- Bên Công Ty Cổ Phần B.B Đại Minh có đầu tư xây dựng một phần tuyến cống thoát nước mưa và tuyến cống thoát nước thải của Quý Công ty trên phần diện tích đất của Công Ty TNHH Yuro Vina, cụ thể: 01 tuyến cống thoát nước mưa và 06 hố ga nước mưa; 01 tuyến cống thoát nước thải và 04 hố ga nước thải (đính kèm bản vẽ).

Mong quý Công ty xác nhận tạo điều kiện cho chúng tôi làm hồ sơ cấp phép môi trường.

Xin chân thành cảm ơn.

**XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
B.B ĐẠI MINH**



Cao Thị Vũ Thư

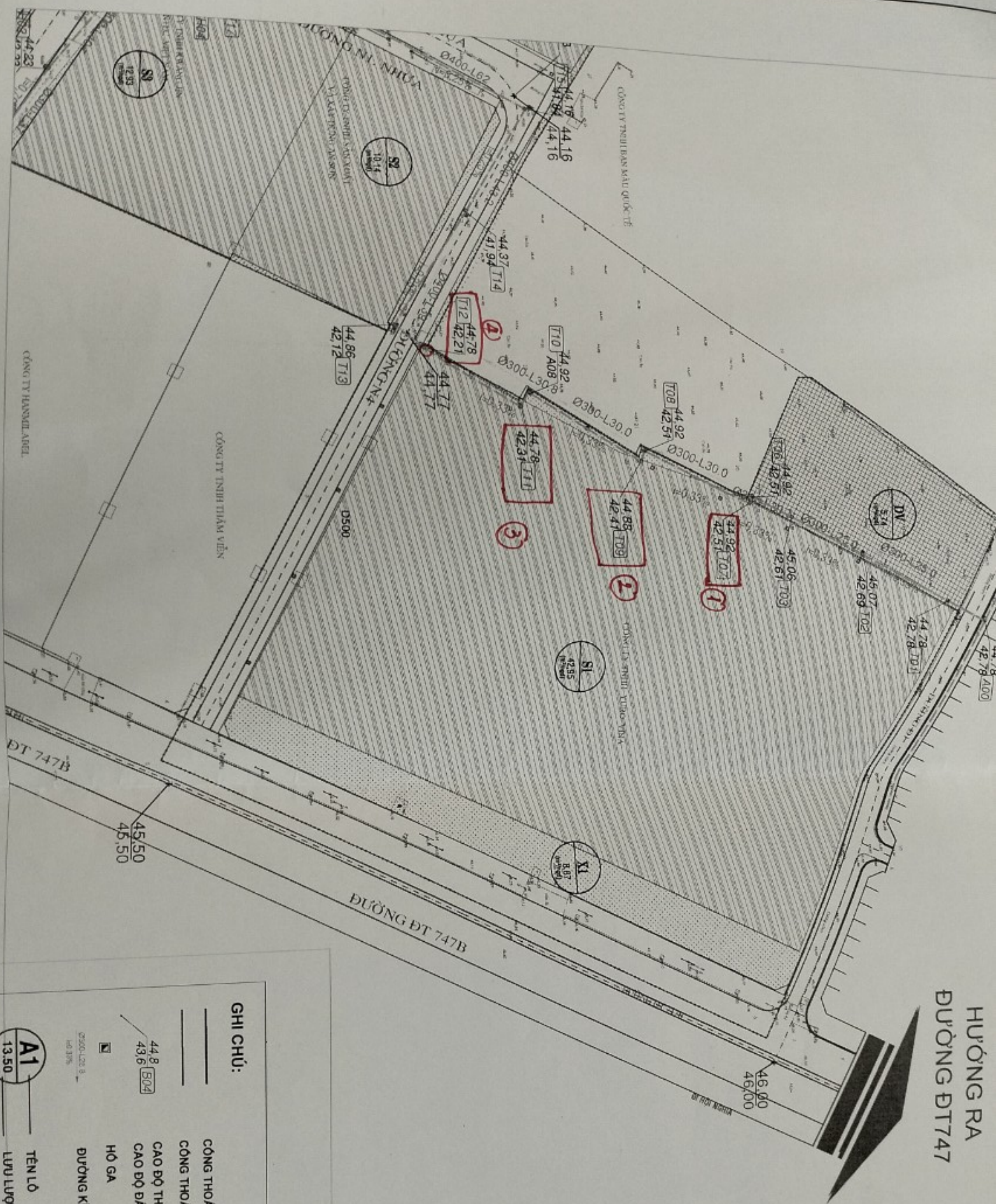
CÔNG TY TNHH YURO VINA



**GENERAL DIRECTOR
TỔNG GIÁM ĐỐC**

YOU YOUNG ROCK

HƯỚNG RA ĐƯỜNG DT747



GHI CHÚ:

- CÔNG THOÁT NƯỚC THẢI TRÊN VÍA HÈ
- CÔNG THOÁT NƯỚC THẢI DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG
- CAO ĐỘ THIẾT KẾ TÊN HỘ GA
- CAO ĐỘ ĐÁY CÔNG
- HỘ GA
- ĐƯỜNG KÍNH CÔNG (mm) - CHIỀU DÀI (m)
- BỘ ĐỐC CÔNG
- TÊN LỘ
- LƯU LƯỢNG NƯỚC

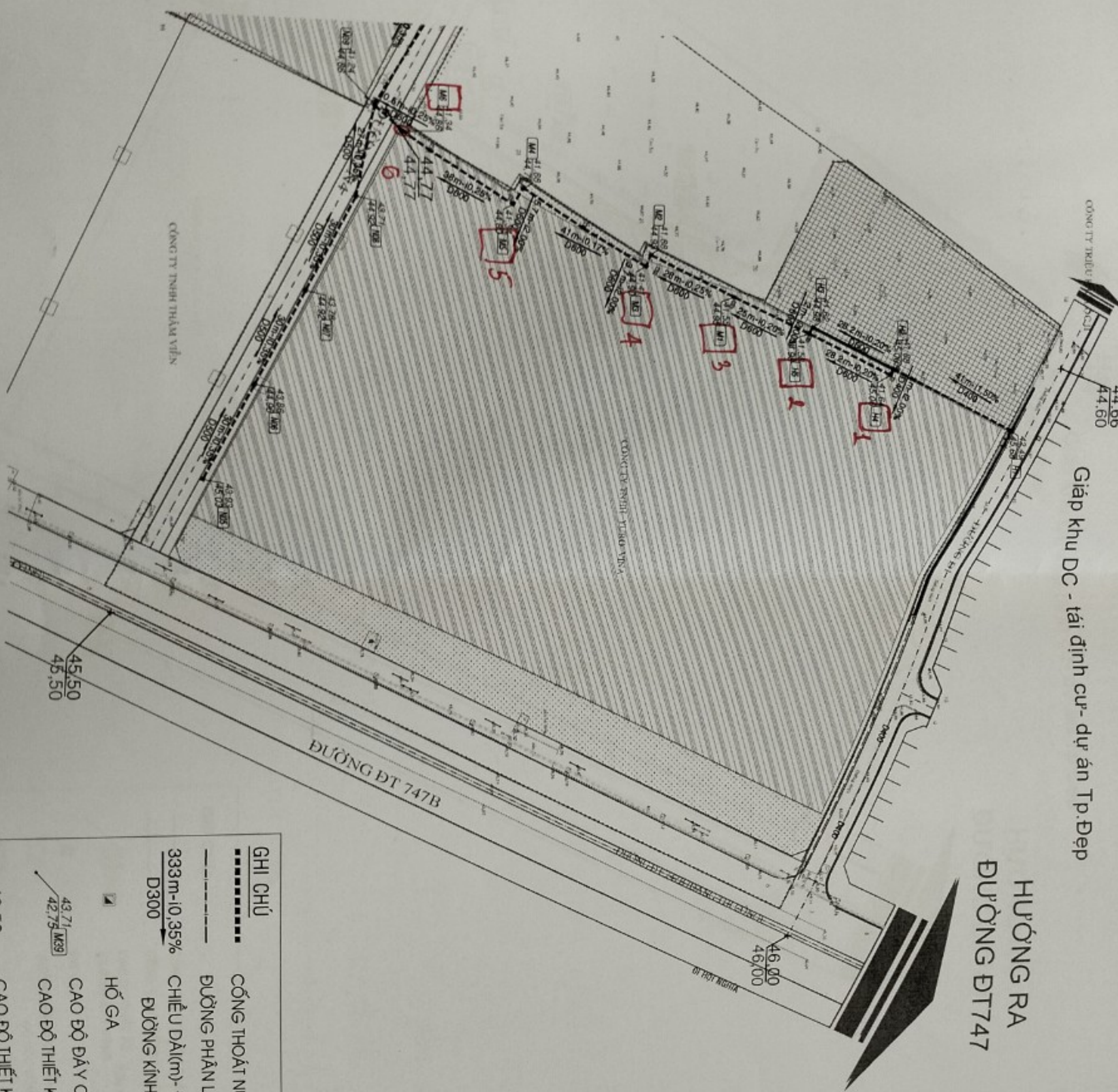
A1
13.50
(m³/ngày)

B.Ư.	1	2	3	4
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ

CÔNG TY TRIỀU

Giáp khu DC - tái định cư- dự án Tp.Đẹp

HƯỚNG RA
ĐƯỜNG ĐT 747



GHI CHÚ

- CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- ĐƯỜNG PHÂN LƯU VỰC
- 333m-i0.35% CHIỀU DÀI(m)- ĐỘ DỐC
- D300 ĐƯỜNG KINH (mm)

☑ HỒ GA

CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG TÊN HỒ GA
CAO ĐỘ THIẾT KẾ
43.71
42.75 M39

CAO ĐỘ THIẾT KẾ
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN
43.50
43.73

CỬA XÃ

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2006 tại Phòng Công Chứng số 1 tỉnh Bình Dương, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CP THÀNH PHỐ ĐẸP

Địa chỉ : ấp Ông Đông – xã Tân Hiệp - huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0650.858 364

Tài khoản : (VND) 106-20142543-016

(USD) 106-20142543-024

tại Ngân hàng TECHCOMBANK, Chi nhánh Tân Bình

Đại diện : Bà NGUYỄN NGỌC CẨM CHÂU – Giám đốc

là chủ sử dụng lô đất số 01 tại Cụm công nghiệp công ty Thành Phố Đẹp - Huyện Tân Uyên - tỉnh Bình Dương

Bên B: CÔNG TY TNHH YURO VINA

Địa chỉ : ấp Ông Đông – xã Tân Hiệp - huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Tài khoản : USD 240 – 67 – 006743

VND 240 – 07 – 006736

Tại Ngân hàng Shinhan Vina – Bình Dương

Đại diện : Ông KWON WANG KEUN – Tổng Giám đốc

XÉT RẰNG Bên A là Bên có quyền sử dụng đất tại khu vực ấp Ông Đông – xã Tân Hiệp - Huyện Tân Uyên - tỉnh Bình Dương, trong đó Bên A được quyền khai thác hạ tầng của Khu đất, bao gồm phát triển xây dựng Cụm công nghiệp theo quy hoạch đã phê duyệt cho Khu đất (“Quy hoạch”).

CĂN CỨ vào Bộ Luật Dân Sự, Luật Đất đai, Luật doanh nghiệp và các quy định Pháp luật khác có hiệu lực (“Pháp luật”) được ban hành bởi các cơ quan nhà nước thẩm quyền của Việt Nam.

CĂN CỨ vào ngành nghề kinh doanh ghi trong Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4 6 0 3 0 0 0 1 1 9 của Bên A được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương.

Do vậy, các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất này ("Hợp đồng") với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1.1 Bằng văn bản này, Bên A đồng ý cho thuê lại và Bên B đồng ý thuê lại quyền sử dụng đất của một phần đất trong Cụm công nghiệp Công ty Thành Phố Đẹp như sau ("Lô đất"):

Lô số : 01

Tổng diện tích : 29.332,20 m² (Trong đó bao gồm diện tích sử dụng công cộng là 3.164,085m²).

Đối với phần diện tích 3.075,75m² nằm trong chỉ giới xây dựng, nếu được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bên B sẽ thanh toán cho bên A với đơn giá nêu tại Điều 2.

1.2 Vị trí của Lô đất được định ranh và mô tả tại Phụ lục 1

1.3 Thời hạn thuê bắt đầu từ ngày ký Hợp đồng thuê và kết thúc ngày 31/8/2055 và bên B được sử dụng lô đất đến ngày 31/8/2055.

ĐIỀU 2: GIÁ THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Giá thuê lại quyền sử dụng đất ("Giá thuê") là 26.95 USD/m².

Tổng giá thuê là 790.502,80 USD

Thuế giá trị gia tăng (10%) 79.050,28USD

Tổng giá trị Hợp đồng: 869.553,08USD

ĐIỀU 3: CÁC KHOẢN THANH TOÁN KHÁC NGOÀI GIÁ THUÊ

Ngoài Giá thuê quy định tại Điều 2 trên đây, Bên B có trách nhiệm thanh toán các khoản sau đây:

1. Bên B đồng ý chịu trách nhiệm đối với các khoản thuế, lệ phí, các khoản phải nộp cho các cơ quan nhà nước liên quan đến Hợp đồng này ("Lệ phí"):

- Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
- Lệ phí trước bạ (nếu có)
- Các khoản Lệ phí khác được qui định trong mục 2 dưới đây.

Ghi chú: các khoản Lệ phí này có thể thay đổi theo qui định của Pháp luật mà không có thông báo trước.

2. Bên B cũng đồng ý có trách nhiệm thanh toán các khoản sau đây: *Bên B đồng ý chịu thuế: 50%
↓
⇒ 0,04USD/1m²*

- Phí quản lý hàng tháng trả cho Bên A với mức tương đương 0,04USD cho mỗi mét vuông Lô đất ("Phí quản lý") nhằm duy trì chất lượng và tiêu chuẩn của Lô đất cho phù hợp là một bộ phận của Cụm công nghiệp, bao gồm không giới hạn việc bảo trì, cung cấp dịch vụ, bổ sung, nâng cấp và cải thiện các

Handwritten signature

Công trình tiện ích. Phí quản lý được thu trước mỗi quý. Bên A có thể tăng Phí quản lý theo từng thời điểm, miễn là mức tăng không vượt quá 15% mỗi năm, hoặc tăng theo chỉ số trượt giá được Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố hàng năm, mức nào thấp hơn thì áp dụng. Việc tăng phí quản lý sẽ được thông báo trước 30 ngày bằng văn bản.

- Phí xử lý nước thải: USD0.19/m³...
- Các khoản phí và chi phí cho các Dịch vụ điện, nước, viễn thông, ... căn cứ mức tiêu thụ thực tế và thanh toán cho đơn vị quản lý chuyên ngành.

Ghi chú: các khoản phí theo mục 2 trên đây chưa bao gồm thuế GTGT.

ĐIỀU 4: VIỆC THANH TOÁN

Bên B thanh toán Giá thuê và các khoản thanh toán khác theo lịch thanh toán như sau:

4.1 Thanh toán giá thuê:

Đợt 1: Thanh toán 30% Giá thuê và thuế GTGT ngay khi thỏa thuận Hợp đồng (bao gồm các khoản đặt cọc đã thanh toán trước đây);

Đợt 2: Thanh toán 30% Giá thuê và thuế GTGT khi nhận giấy phép đầu tư;

Đợt 3: Thanh toán 30% Giá thuê và thuế GTGT sau khi ký Hợp đồng tại Phòng công chứng – Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

Đợt 4: Thanh toán 10% Giá thuê và thuế GTGT khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bên B;

4.2 Trước khi việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tiến hành, Bên B phải thanh toán mọi khoản chi phí phát sinh liên quan đến các thủ tục thuê lại đất đối với Lô đất, gồm: phí lập bản đồ địa chính, phí hành chính cấp Giấy chứng nhận, các khoản thuế và lệ phí trước bạ. Các khoản này bên B nộp trực tiếp theo quy định của cơ quan có thẩm quyền tại từng thời điểm. Riêng chi phí pháp lý cấp giấy phép đầu tư, mã số thuế, xác nhận nhân sự sẽ do Bên A thực hiện không thu phí.

4.3 Bắt đầu từ Ngày Giao đất và trong vòng 5 ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý sau đó, Bên B phải thanh toán Phí Quản lý hàng tháng cho Bên A.

4.4 Phí xử lý nước thải được thanh toán vào ngày 10 hàng tháng cho Bên A.

4.5 Các khoản phí điện, nước, viễn thông thanh toán vào ngày do đơn vị quản lý chuyên ngành quy định.

Handwritten signature

Handwritten signature

- 4.6 Trừ khi được quy định khác trong Hợp đồng hoặc được Bên A đồng ý, tất cả các khoản do Bên B thanh toán theo Hợp đồng này không được trừ ra, gộp lại hoặc cản trừ cho bất kỳ khoản tiền nào; và sẽ không được hoàn trả lại Bên B vì bất cứ lý do gì.
- 4.7 Các khoản thanh toán theo Hợp đồng này được trả bằng đô la Mỹ hoặc đồng Việt Nam. Bên B thực hiện thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt tại văn phòng của Bên A hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên A được ghi tại phần trên. Tỷ giá theo giá chuyển khoản của Ngân hàng Ngoại thương Việt-Nam (Vietcombank) được quy định tại thời điểm thanh toán.
- 4.8 Các khoản do Bên A hoàn trả cho Bên B nếu có theo Hợp đồng này sẽ không được tính lãi. Bên A sẽ hoàn trả bằng đô la Mỹ hoặc bằng đồng Việt Nam và bằng với số tiền đô la Mỹ, đồng Việt Nam mà Bên A đã thực nhận của Bên B.

ĐIỀU 5: GIAO VÀ CHẤP NHẬN ĐẤT

Việc giao và chấp nhận đất được thực hiện như sau:

1. Khi Bên B đã thanh toán đủ 90% giá thuê, Bên A sẽ tiến hành bàn giao lô đất cho Bên B.
2. Bên B kiểm tra Lô đất, và trừ khi Bên B có văn bản phản đối gửi cho Bên A tại thời điểm đó, đại diện của Bên A và Bên B sẽ lập một Biên bản Bàn giao đất nhằm xác nhận việc chấp nhận Lô đất của Bên B. Bên A sẽ trao cho Bên B quyền chiếm hữu Lô đất và Bên B phải nhận Lô đất ("Giao đất"). Lô đất được xem là chấp nhận đủ điều kiện để giao nếu nó ở trong tình trạng mà Bên B có thể tiến hành Công tác Xây dựng theo Điều 10.2 của Hợp đồng.
3. Sau khi Bên B đã thực hiện đủ các nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, nếu Bên B từ chối thực hiện các thủ tục Bàn giao đất như qui định tại mục 2 trên đây hoặc không trả lời Thông báo của Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Thông báo, Bên B được xem như đã nhận Lô đất và việc Giao đất xem như đã hoàn tất.
4. Bên B đồng ý đảm nhận mọi rủi ro, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với Lô đất kể từ khi Giao đất (như qui định tại mục 2 và 3 trên đây), bao gồm không giới hạn các nghĩa vụ thanh toán các khoản phải trả theo Hợp đồng khi tới hạn, bất kể Bên B có sử dụng Lô đất thực tế hay chưa.
5. Nếu Bên B đã hội đủ các điều kiện để được giao đất và do lỗi của Bên A mà Lô đất không được giao vào ngày đã nêu trong mục 1 trên đây, thì Bên A phải trả cho Bên B một khoản phạt với mức 0,01% cho mỗi ngày trễ hạn, tính trên tổng số tiền Bên B đã thực thanh toán cho Bên A. Tuy khác với Điều 12 của Hợp đồng, Bên B đồng ý rằng khoản phạt này là chế tài duy nhất cho việc chậm trễ Giao đất.

ĐIỀU 6: GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

- 6.1 Khi Bên B đã đáp ứng các điều kiện sau đây, Bên A sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình theo Pháp luật để thúc đẩy xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ("Giấy chứng nhận") thuê đất lại đứng tên Bên B:
- a) Bên B đã thanh toán đầy đủ các khoản tiền quy định trong Điều 3 và Điều 4.2

- b) Bên B đã thực hiện đủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- 6.2 Bên B hiểu rằng do việc cấp Giấy chứng nhận hoàn toàn thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương, nên thủ tục và tiến độ xét duyệt hoàn toàn tùy thuộc vào các cơ quan chức năng. Tuy nhiên, Bên A sẽ hỗ trợ để thúc đẩy việc cấp Giấy chứng nhận đúng tên Bên B trong thời gian sớm nhất.

ĐIỀU 7: VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG LẠI CỦA BÊN B

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê lại của Bên B đối với Lô đất cho một Bên thứ ba được thực hiện theo Phụ lục 2 kèm theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: XÂY DỰNG

- 8.1 Các công trình hoặc cấu trúc xây dựng trên Lô đất (“Vật kiến trúc”) phải được xây dựng và/hoặc cải tạo tuân thủ theo Quy chế quản lý xây dựng của Bên A cũng như các văn bản hướng dẫn chính thức khác do Bên A cung cấp tùy từng thời điểm (“Quy chế quản lý Xây dựng”).
- 8.2 Bên B chỉ được phép khởi công xây dựng khi có giấy phép xây dựng do các cơ quan chức năng cấp.
- 8.3 Bên B phải đóng cho Bên A một khoản ký quỹ bảo đảm được tính là 10.000USD (“Khoản ký quỹ”) để bảo đảm trang trải cho các tổn hại đối với Công trình tiện ích trong suốt thời gian Bên B hoặc Bên khác nhân danh Bên B thực hiện các công tác xây dựng hoặc cải tạo xây dựng trên Lô đất (“Công tác Xây dựng”).
- 8.4 Nếu Công tác Xây dựng cần phải đào xới và có khả năng gây ảnh hưởng hoặc làm thiệt hại đến các Công trình tiện ích, Bên B phải nộp đơn xin phép để Bên A và Các Cơ quan chức năng phê duyệt trước. Trường hợp này, Bên A có quyền yêu cầu Bên B ký quỹ thêm để bảo đảm an toàn khi thực hiện Công việc Xây dựng (“Khoản ký quỹ bổ sung”). Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ khi nhận được văn bản Thông báo từ Bên A, nếu Bên B không sửa chữa và phục hồi hoàn chỉnh các Công trình tiện ích bị hỏng do Công tác Xây dựng, Bên A sẽ tự tiến hành sửa chữa và phục hồi các công trình này với mọi chi phí do Bên B chịu. Các chi phí này được Bên A trích từ Khoản ký quỹ và Khoản ký quỹ bổ sung (nếu có), và nếu chi phí vượt quá số tiền có trong Các Khoản ký quỹ, Bên B có trách nhiệm trả bù số chi phí vượt trội này.
- 8.5 Bên B không được chiếm dụng bất kỳ phần đất nào khác trong Cụm công nghiệp, ngoài Lô đất của mình, cho bất kỳ mục đích nào bao gồm việc để hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư, rác phế thải, v.v..., trừ khi được Bên A chấp thuận trước bằng văn bản. Bên B phải dựng rào che chắn bao quanh Lô đất khi tiến hành Công tác Xây dựng theo hướng dẫn cụ thể của Bên A.
- 8.6 Trong trường hợp các Công trình Tiện ích bị tổn hại hoặc bị ảnh hưởng từ Công tác Xây dựng, Bên B phải ngưng tất cả mọi hoạt động xây dựng ngay khi Bên A có văn bản yêu cầu và chỉ được tiếp tục thi công khi có sự đồng ý của Bên A.
- 8.7 Sau khi hoàn tất Công tác Xây dựng, Bên A sẽ kiểm tra Lô đất và sẽ hoàn trả lại Khoản ký quỹ hoặc Khoản ký quỹ bổ sung (nếu có) cho Bên B nếu các Công trình tiện ích không có hư hại.

Handwritten signature

Handwritten signature

- 8.8 Bên B phải đảm bảo rằng các nhà thầu xây dựng cho Bên B được cấp giấy phép hợp lệ và đã mua bảo hiểm đầy đủ. Bên B phải cung cấp các chứng từ về việc này cho Bên A khi được yêu cầu.
- 8.9 Việc không tuân thủ Điều này sẽ là vi phạm Hợp đồng và có thể khiến cho Bên B bị các Cơ quan Chức năng từ chối cấp hoặc rút giấy phép xây dựng và/hoặc phạt tiền.
- 8.10 Vì những mục đích của Điều này, Bên B cũng có nghĩa là bất cứ nhân viên, người đại diện, nhà thầu hoặc bên khác được Bên B ủy quyền, sao cho Bên A buộc Bên B phải chịu trách nhiệm liên đới đối với các vi phạm Quy chế quản lý Xây dựng hoặc quy định của Điều này bởi các bên nói trên.

ĐIỀU 9: CÔNG TRÌNH TIỆN ÍCH VÀ DỊCH VỤ

- 9.1 Công trình tiện ích được đề cập trong Hợp đồng này có nghĩa là các công trình tiện ích hạ tầng được xây dựng và lắp đặt bởi Bên A hoặc bằng chi phí của Bên A, bao gồm như đường sá, hệ thống cấp thoát nước, các đường dây và thiết bị truyền tải điện, dây cáp, tổng đài, các trạm đầu cuối, và đường ống dẫn.
- 9.2 Để đảm bảo việc lắp đặt, bảo trì và nâng cấp cải tạo các Công trình Tiện ích vì lợi ích chung và vì các mục đích an toàn khác, Bên B cam kết:
- a) cho phép xây dựng Công trình Tiện ích và cung cấp đủ khoảng trống để lắp đặt xây dựng Công trình Tiện ích theo đúng như quy cách thông số kỹ thuật do Bên A quy định;
 - b) không xây dựng hoặc lắp đặt thiết bị hoặc vật kiến trúc nào trong khuôn viên Lô đất mà có thể gây ảnh hưởng cho Công trình Tiện ích nếu không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A;
 - c) không gây trở ngại hoặc bằng cách nào đó gây trở ngại cho Bên A, người do Bên A chỉ định, hoặc một bên được phép theo Pháp luật khi họ thực hiện các công tác đối với Công trình Tiện ích bên ngoài và bên trong Lô đất (bao gồm không giới hạn việc bảo trì, sửa chữa, hoặc thay thế); và
 - d) cho phép Bên A và Các Cơ quan chức năng ra vào Lô đất để kiểm tra và giám sát các công tác thay đổi, sửa chữa hoặc nâng cấp trên Lô đất bởi Bên B hoặc bên nhân danh Bên B, hoặc để kiểm tra và chỉnh sửa các tình trạng trên Lô đất mà có ảnh hưởng bất lợi cho tài sản, sức khỏe, hoặc sự an toàn của Bên A hoặc bên thứ ba khác. Trong trường hợp khẩn cấp, yêu cầu về thông báo trước sẽ được miễn, với điều kiện Bên A phải tường trình lại sự việc cho Bên B trong thời gian sớm nhất.
- 9.3 Bên A sẽ sửa chữa hoặc bồi thường các thiệt hại gây ra cho tài sản của Bên B phát sinh từ các công tác của Bên A theo điều khoản 9.2 miễn sao những thiệt hại đó xảy ra không do sự chèn ép, các hành vi hoặc sơ sót của Bên B gây ra.

ĐIỀU 10: NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 10.1 Giao Lô đất cho Bên B theo quy định trong Điều 6 của Hợp đồng.
- 10.2 Tạo lối ra vào Lô đất và kết nối điện đủ cho các mục đích xây dựng trong suốt quá trình xây dựng Vật kiến trúc.

- 10.3 Khi Bên B hoàn tất việc xây dựng trên Lô đất, Bên A phải cung cấp hoặc thu xếp cung cấp các Công trình Tiềm ích tới Lô đất.
- 10.4 Hoàn tất các thủ tục theo quy định Pháp luật để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bên B khi Bên B đã hoàn tất các nghĩa vụ thanh toán các khoản tại Điều 4.1 và 4.2 của Hợp đồng.

ĐIỀU 11: NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

11.1 Bên B phải:

- a) Tôn trọng địa dịch để đi lại, để xây dựng các công trình vì lợi ích chung, hoặc cho các mục đích hợp pháp khác;
- b) Tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật, Hợp đồng này, Quy chế Quản lý Xây dựng, và các quy định và quy tắc khác được Bên A và các cơ quan chức năng quy định trong từng thời điểm.
- c) Lắp đặt trạm hạ thế để đưa điện vào nhà máy sản xuất.
- d) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt loại B và đầu nối vào trạm xử lý chung của Cụm công nghiệp. Việc xây dựng và đầu nối là bắt buộc.

11.2 Bên B phải thanh toán đầy đủ Giá thuê và các khoản thanh toán khác khi đến hạn theo đúng các điều kiện và điều khoản và lịch thanh toán quy định trong Hợp đồng.

ĐIỀU 12: BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

12.1 Trường hợp Bên B có bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp đồng này, Bên A sẽ gửi Thông báo vi phạm có thời hạn 30 (ba mươi) ngày cho Bên B. Nếu Bên B không thể khắc phục vi phạm này sau thời hạn Thông báo đã nói, Bên A có quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hợp pháp, kể cả các biện pháp sau đây:

- a) Đình chỉ thực hiện nghĩa vụ của Bên A theo Hợp đồng bao gồm không giới hạn ngưng cung cấp các Dịch vụ.
- b) Buộc Bên B phải trả khoản phạt vi phạm Hợp đồng tương đương với 5% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm.
- c) Đòi Bên B khoản bồi thường thiệt hại về các tổn hại hoặc thiệt hại phát sinh từ lỗi của Bên B.
- d) Tiến hành các biện pháp quy định trong Phụ lục 3 trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng này.
- e) Trường hợp Bên B có bất kỳ vi phạm nào đối với mục d điều 11.1, bên B tự chịu trách nhiệm đối với cơ quan Nhà nước đồng thời phải chịu khoản phạt gấp 3 lần tính trên đơn giá một mét khối nước thải quy định tại Điều 3.2.

12.2 Trong trường hợp Bên A vi phạm nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này, Bên B sẽ gửi cho Bên A thông báo yêu cầu khắc phục có thời hạn 30 (ba mươi) ngày. Nếu Bên A không khắc phục được vi phạm sau thời hạn của thông báo đã nói, Bên B có quyền:

- f) Buộc Bên A phải nộp khoản phạt vi phạm tương đương 5% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.
- g) Yêu cầu Bên A bồi thường cho các tổn hại thực tế trực tiếp gây ra từ vi phạm của Bên A.

ĐIỀU 13: BẤT KHẢ KHÁNG

- Bất khả kháng là các sự kiện xảy ra ngoài tầm kiểm soát của Bên bị tác động bao gồm hành vi của cơ quan nhà nước, thiên tai, chiến tranh, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại, các quy định, quy tắc, mệnh lệnh hoặc chỉ thị của các cơ quan hành chính nhà nước hoặc các cơ quan tư pháp.
- Việc thực hiện Hợp đồng của các Bên sẽ được tạm ngưng trong thời gian xảy ra sự kiện Bất khả kháng. Tuy nhiên, bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng phải: (i) nhanh chóng gửi thông báo ngay cho bên kia khi nhận thấy rằng mình không thể thực hiện được nghĩa vụ của họ theo Hợp đồng này (bao gồm nghĩa vụ thanh toán) trong phạm vi có thể.
- Hợp đồng này có thể được chấm dứt trong trường hợp sự kiện bất khả kháng làm ngăn trở các Bên thực hiện Hợp đồng này trong thời gian 03 (ba) tháng liên tục hoặc lâu hơn. Trong trường hợp chấm dứt như vậy, nghĩa vụ và quyền lợi của các Bên sẽ được giải quyết theo Điều 3 và 4 của Phụ lục 3 trừ khi các Bên thỏa thuận khác hoặc Pháp luật quy định khác.

ĐIỀU 14: BỒI HOÀN VÀ MIỄN TRÁCH NHIỆM

- 14.1 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm giải quyết mọi tranh chấp, khiếu nại do người lao động/ người đại diện/ khách của Bên B hoặc bất kỳ bên thứ ba nào thực hiện đối với Bên A có nguyên do từ các hành vi của Bên B, các sự việc Bên B cho phép làm liên quan đến Lô đất (ví dụ: các tổn hại cho vật hoặc cho người phát sinh từ các công tác xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo trên Lô đất do Bên B hoặc bên nhân danh Bên B thực hiện).
- 14.2 Bên A hoàn toàn không chịu trách nhiệm với Bên B đối với các vụ việc và hành vi trái Pháp luật của những người làm việc và người sử dụng đất khác trong Lô đất đã cho bên B thuê lại.

ĐIỀU 15: THÔNG BÁO

Các Thông báo giữa Các Bên theo Hợp đồng này phải làm thành văn bản ("Thông báo"). Bên nhận được xem là đã nhận Thông báo khi Thông báo đó được gửi bằng thư bảo đảm fax, hay được giao tay theo các địa chỉ ở trên. Mọi thay đổi địa chỉ phải được thông báo ngay cho Bên kia bằng văn bản.

ĐIỀU 16: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

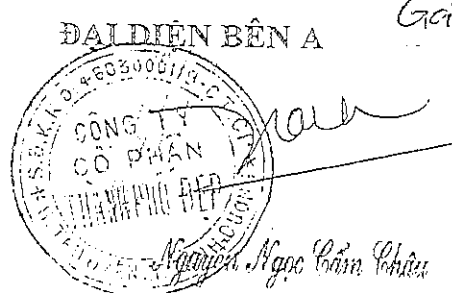
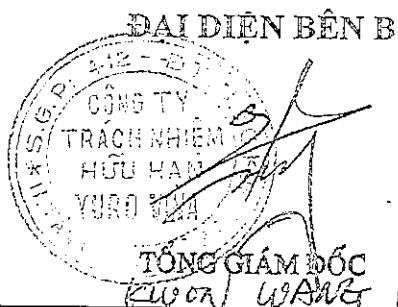
- 16.1 Hợp đồng này được diễn giải và điều chỉnh theo luật pháp Việt Nam.
- 16.2 Các Bên phải sử dụng mọi nỗ lực của mình để giải quyết trên tinh thần hữu nghị thông qua thương lượng các sự việc bất đồng ý kiến, tranh chấp, mâu thuẫn, bất hòa hoặc

khieu nại nào phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này hoặc phát sinh từ việc vi phạm, chấm dứt hoặc tính hiệu lực của Hợp đồng ("Tranh chấp").

- 16.3 Nếu sau mọi nỗ lực như vậy mà một Bên nhận thấy tranh chấp không thể giải quyết hữu nghị thông qua thương lượng được, thì Bên ấy có quyền gửi một thông báo Tranh chấp ("Thông báo về tranh chấp") cho Bên kia, có dẫn chiếu cụ thể Điều khoản này và nêu tóm tắt các nội dung chính của vấn đề Tranh chấp.
- 16.4 Nếu Tranh chấp vẫn không thể giải quyết được qua thương lượng trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày gửi Thông báo về tranh chấp, thì một trong hai Bên có thể đưa Tranh chấp ra Tòa án thẩm quyền tại TP Hồ Chí Minh để giải quyết.

ĐIỀU 17: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 17.1 Không có điều khoản nào trong Hợp đồng cho phép Bên B có quyền buộc thi hành bất cứ giao kết, thỏa thuận nào giữa Bên A và các bên khác nếu không có sự đồng ý của Bên A, hoặc hạn chế, gây ảnh hưởng đến quyền của Bên A đối với các phần còn lại của Khu đất.
- 17.2 Nếu có phần, khoản mục hoặc điều khoản nào của Hợp đồng này bị tuyên bố theo Pháp luật là bất hợp lệ, vô hiệu thì được xem là vô hiệu đối với các Bên, nhưng sẽ không làm mất hiệu lực các điều kiện, điều khoản khác còn lại của Hợp đồng. Các điều kiện và điều khoản còn lại của Hợp đồng này vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực pháp lý.
- 17.3 Tất cả các Phụ lục được đính kèm, các bản bổ sung, bản sửa đổi được ký kết hợp lệ đều các phần không tách rời của Hợp đồng, có hiệu lực pháp lý và giá trị thực hiện như Hợp đồng này.
- 17.4 Hợp đồng này thể hiện toàn bộ các hiểu biết và thỏa thuận giữa các Bên, thay thế các thỏa thuận, ghi nhớ, dàn xếp, bản bạc, thông tin hoặc thể hiện ý chí trước đây đối với các vấn đề nêu tại Hợp đồng. Mọi sửa đổi, điều chỉnh Hợp đồng sẽ không có hiệu quả nếu không được lập bằng văn bản và không được ký kết bởi các đại diện theo Pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền của các Bên và không được Phòng Công chứng chứng nhận.
- 17.4.1 Hợp đồng này được lập gồm bằng tiếng Việt và tiếng Anh gồm ba (03) bản chính. Mỗi bên giữ một (01) bản chính của mỗi thứ tiếng. Phòng Công Chứng lưu một (01) bản chính của mỗi thứ tiếng.
- 17.5 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được ký kết bởi các đại diện theo Pháp luật hoặc đại diện được ủy quyền của các Bên.



Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất

Phản dịch

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày 10 tháng 10 năm 2006 (mười tháng mười năm hai nghìn linh sáu), tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Dương, Đại lộ Bình Dương, phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, tôi **NGUYỄN THỊ GÁI**, công chứng viên, Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Dương

CÔNG CHỨNG

- Hợp đồng thuê lại đất tọa lạc tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được giao kết giữa:

Bên A:

Công Ty Cổ Phần Thành Phố Đẹp

Đại diện pháp nhân

: bà **Nguyễn Ngọc Cẩm Châu**, chức vụ:
Giám Đốc.

Đại diện theo biên bản họp HĐQT ngày 10/10/2006.

Bên B:

Công Ty TNHH Yuro Vina

Đại diện pháp nhân

: ông **Kwon Wang Keun**, chức vụ: Tổng
Giám Đốc.

Đại diện theo giấy ủy quyền ngày 04/10/2006.

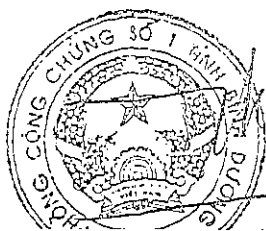
- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng.
- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên đã đọc lại hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào hợp đồng này trước sự có mặt của tôi.
- Tham gia phiên dịch trong hợp đồng này còn có bà Cao Thị Vũ Thư, sinh năm 1983, CMND số 023577179 do công an TPHCM cấp ngày 22/05/1998 do Công Ty TNHH Yuro Vina cử ra.
- Hợp đồng này được làm thành 3 bản chính (mỗi bản chính gồm 10 tờ 10 trang), giao cho:
 - + Bên A: 01 bản chính.
 - + Bên B: 01 bản chính.

Lưu một bản chính tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Dương

Số công chứng **1760**. Quyển số 04TP/CC - SCC/HĐGD.

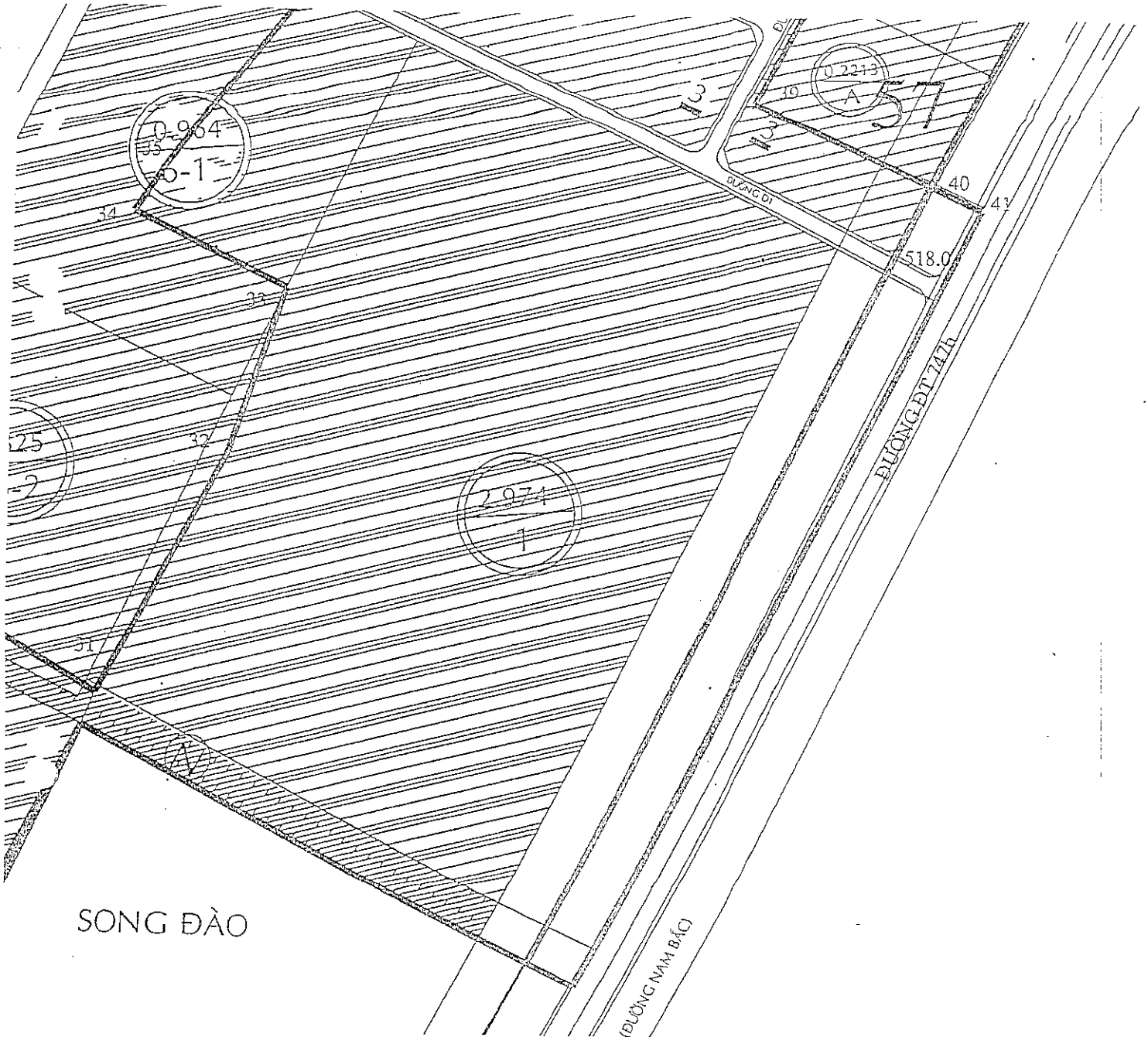
Lệ phí công chứng: 2.000.000 đ

CÔNG CHỨNG VIÊN



PHU LỤC 1

VỊ TRÍ LÔ ĐẤT



5/

tranh

PHỤ LỤC 2

CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THUÊ LẠI ĐẤT VÀ TÀI SẢN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA MÌNH GẮN LIỀN VỚI ĐẤT THUÊ CHO BÊN THỨ BA

1. Trong thời gian Bên B chưa được cấp Giấy chứng nhận, Bên B được chuyển nhượng quyền thuê lại đất và tài sản thuộc quyền sở hữu của mình gắn liền với đất thuê cho một bên thứ ba ("Chuyển nhượng") nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - + Bên B đã thanh toán đầy đủ Giá thuê và các khoản thanh toán khác ngoài Giá thuê (như qui định tại Điều 3 của Hợp đồng), và Lô đất không đang bị tranh chấp, thế chấp, cầm cố;
 - + Việc chuyển nhượng không bị ngăn cấm bởi qui định Pháp luật;
 - + Bên nhận chuyển nhượng, ("Bên nhận chuyển nhượng của Bên B") bằng văn bản đồng ý tuân thủ Hợp đồng này, các Phụ lục đính kèm, và Thỏa thuận bổ sung (nếu có); các qui định khác đang áp dụng đối với Bên chuyển nhượng.
 - + Bên A sẽ không chịu trách nhiệm đối với mọi khoản phí, thuế và chi phí khác liên quan đến việc Chuyển nhượng;
 - + Bên A bảo lưu quyền phê duyệt hình thức và nội dung của các chứng từ về Chuyển nhượng, ngoại trừ nội dung về giá cả và phương thức thanh toán, miễn là Bên A không từ chối hoặc trì hoãn bất hợp lý. Bên B phải thanh toán cho Bên A một khoản chi phí hành chính để thực hiện các thủ tục Chuyển nhượng (mức qui định hiện hành là 1% của Giá chuyển nhượng nhưng tối đa không quá 10,000,000VNĐ);
2. Trong trường hợp Bên B chết, mất tích hoặc mất năng lực pháp lý sau khi Bên B đã hoàn tất các nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng này mà chưa được nhận quyền sử dụng đất đầy đủ đối với Lô đất căn cứ theo Điều 6, quyền lợi còn lại của Bên B đối với Lô đất theo Hợp đồng này, bao gồm cả quyền sẽ được nhận quyền sử dụng đất ("Quyền lợi còn lại"), căn cứ vào qui định Pháp luật, sẽ được xử lý như sau:
 - a) Nếu Bên B đã lập văn bản chỉ định thụ hưởng có hiệu lực pháp lý (tức là, một bản kê khai đã ký kèm theo Hợp đồng này) cho một thể nhân hoặc một pháp nhân thụ hưởng Quyền lợi còn lại, Bên A sẽ nỗ lực để thực hiện theo sự chỉ định đó, tùy theo điều kiện nêu tại Khoản (c) dưới đây. Nếu có nhiều văn bản chỉ định thụ hưởng thì văn bản sau cùng sẽ có giá trị thực hiện.
 - b) Trong trường hợp không có chỉ định thụ hưởng có hiệu lực pháp lý hoặc xảy ra tranh chấp phát sinh từ việc chuyển nhượng Quyền lợi còn lại, Bên A sẽ nỗ lực để chuyển giao Quyền lợi còn lại sang cho (những) người thừa kế, giám hộ, đại diện hợp pháp của Bên B, hoặc (những) người được quyền thụ hưởng hợp pháp khác tùy theo điều kiện nêu tại Khoản (c) dưới đây.



- c) Người muốn nhận Quyền lợi còn lại phải xuất trình một giấy quyết định, phán quyết, chỉ thị, lệnh của tòa án, hoặc một văn bản có giá trị pháp lý tương đương xác nhận quyền thụ hưởng của người đó đối với Quyền lợi còn lại thì Bên A mới phải có nghĩa vụ thực hiện việc Chuyển nhượng.
 - d) Trong trường hợp không có đề nghị thụ hưởng Quyền lợi còn lại có giá trị pháp lý rõ ràng hay xảy ra tranh chấp không thể giải quyết về quyền thụ hưởng Quyền lợi còn lại, Bên A bảo lưu quyền đơn phương chấm dứt mọi nghĩa vụ của Bên A theo Hợp đồng, và chuyển Quyền lợi còn lại cho một cơ quan thẩm quyền để tiến hành giải quyết tùy theo quyết định của Bên A hoặc Pháp luật có qui định.
- 3. Miễn là phù hợp với Pháp luật, Bên A có thể tự ý bỏ qua hoặc sửa đổi một hoặc nhiều các điều kiện quy định tại Phụ lục này nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc Chuyển nhượng. Nhưng phải thông báo trước cho Bên B bằng văn bản.
 - 4. Bên B đồng ý rằng Bên B hoặc người đại diện, người quản lý tài sản, người thực hiện di chúc hoặc bất kỳ người nào thực hiện vì quyền lợi hoặc theo ủy quyền của Bên B sẽ không có khiếu kiện gì Bên A và phải bồi thường cho Bên A đối với mọi tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh từ việc Chuyển nhượng theo Hợp đồng này (bao gồm những việc Chuyển nhượng theo mục 2 trên đây).
 - 5. Khi các qui định của Phụ lục này được tuân thủ đầy đủ, Bên A và Bên B sẽ được giải trừ các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp đồng này sau khi việc Chuyển nhượng đã được thực hiện.

PHỤ LỤC 3

THANH TOÁN TRỄ HẠN

Việc Bên B thực hiện chậm trễ nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng này được giải quyết như sau:

1. Bên A sẽ gửi một thông báo có thời hạn 30 (ba mươi) ngày cho Bên B thông báo về bất kỳ khoản thanh toán trễ hạn nào.
2. Nếu Bên B không thanh toán khoản tiền trễ hạn trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Thông báo và không có thỏa thuận khác, Bên B phải trả lãi chậm trả trên số tiền quá hạn tính từ ngày trễ hạn theo mức 150% của lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương TP. HCM.
3. Nếu Giá chuyển nhượng chưa được thanh toán hết, Bên A có quyền, nhưng không bắt buộc, đơn phương chấm dứt Hợp đồng và tùy ý chuyển nhượng Lô đất cho bên khác.
4. Trình tự thực hiện Khoản 3 trên đây như sau:
 - i) Bên A sẽ gửi một Thông báo có thời hạn ba mươi (30) ngày cho Bên B trong đó nêu ý định của Bên A chấm dứt Hợp đồng này.
 - ii) Nếu Bên B không thể thanh toán công nợ trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày hết hạn của Thông báo, Hợp đồng xem như chấm dứt. Nếu Lô đất đã được giao cho Bên B, Bên B phải giao trả lại Lô đất cho Bên A.
 - iii) Với điều kiện là Bên B đã giao trả lại Lô đất cho Bên A trong thiện chí (trong trường hợp Lô đất đã được giao cho Bên B), Bên A sẽ hoàn lại cho Bên B các khoản thanh toán cho Giá thuê lại quyền sử dụng đất mà Bên A đã thực nhận của Bên B sau khi đã trừ ra:
 - Chi phí hành chính 10,000,000 VNĐ (mười triệu đồng);
 - Chi phí để phục hồi Lô đất theo tình trạng tương tự lúc Giao Đất (nếu cần thiết);
 - Giá trị đã sử dụng Lô đất từ lúc Giao Đất đến khi Lô đất được giao lại cho Bên A tính theo mức giá thuê thị trường hoặc bằng 1% Giá thuê lại quyền sử dụng đất cho mỗi tháng (trong trường hợp hai Bên không thống nhất mức giá thuê thị trường).
 - Phạt vi phạm Hợp đồng bằng với 5% Giá chuyển nhượng.
 - Lãi chậm trả căn cứ theo Khoản 2 trên đây.
 - Thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các thuế khác phải trả theo qui định của Pháp luật.
 - iv) Nếu Bên B từ chối nhận các khoản tiền được hoàn lại như qui định tại Khoản 4(iii) hoặc không phản hồi trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên A gửi Thông báo về việc hoàn trả, Bên B xem như đã từ bỏ các quyền đối với khoản tiền hoàn trả và Bên A được bảo lưu quyền tùy ý xử lý (các) khoản tiền lẽ ra được hoàn trả.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Tp. HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2017

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 2908YRVN/2017/PLHD

(V/v Thay đổi thông tin)

Căn cứ Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng số 01/BCD-CCN và phụ lục ký ngày 08/02/2007 giữa Công ty CP Thành Phố Đẹp và Công ty TNHH Yuro Vina.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302769539 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 23/10/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 18/08/2017.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302769539-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 24/08/2017.

Hôm nay, ngày 29 tháng 08 năm 2017, đại diện các bên gồm:

1. Bên A

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN B.B ĐẠI MINH

- Đại diện : Bà Cao Thị Vũ Thư Chức vụ: Trưởng chi nhánh
- Địa chỉ : thửa 26,27,28,32,54,55,56; tổ 1, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại : 0854115000 Fax: 0854160106.
- Mã số thuế : 0302769539-001

Bên B

CÔNG TY TNHH YURO VINA

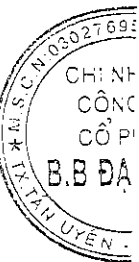
- Đại diện : Ông You Young Rock
- Địa chỉ : kp.Ông Đông, p. Tân Hiệp, tx. Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Các bên thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng về việc thay đổi thông tin như sau:

Điều 1: Điều chỉnh thông tin Bên A

Thông tin trước khi điều chỉnh:

- Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH PHỐ ĐẸP
- Địa chỉ : ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Người đại diện : Nguyễn Ngọc Cẩm Châu Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 54115000 Fax: 54160106
- Mã số thuế : 3700581813



Thông tin sau khi điều chỉnh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN B.B ĐẠI MINH

- Đại diện: Bà Cao Thị Vũ Thư Chức vụ: Trưởng chi nhánh
- Địa chỉ: thửa 26,27,28,32,54,55,56; tổ 1, khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Điện thoại: (028) 54115000 Fax: (028) 54160106.
- Mã số thuế: 0302769539-001

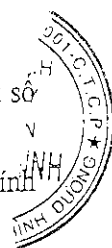
Điều 2: Điều khoản chung:

Các Điều khoản khác không thay đổi, được giữ nguyên theo Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng số 01/BCD-CCN và phụ lục ký ngày 08/02/2007 giữa Công ty CP Thành Phố Đẹp và Công ty TNHH Yuro Vina.

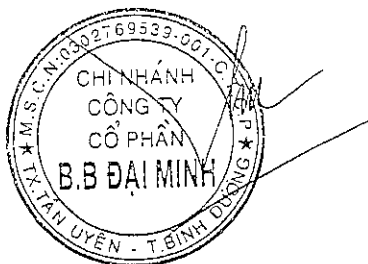
Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong phụ lục hợp đồng này.

Phụ lục này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 01/BCD-CCN giữa Công ty CP Thành Phố Đẹp và Công ty TNHH Yuro Vina.

Phụ lục này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản được đính kèm vào Hợp đồng chính và có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký.

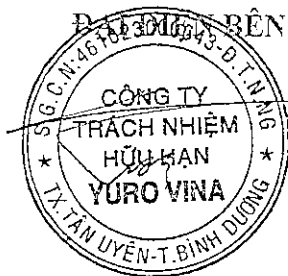


ĐẠI DIỆN BÊN A



Cao Thị Vũ Thư

ĐẠI DIỆN BÊN B



YOU YOUNG ROCK



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ NGHIỆM THU
CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: Xưởng sản xuất các loại phụ tùng động cơ các loại xe.

Địa điểm xây dựng: Cụm công nghiệp công ty cổ phần Thành phố đẹp, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên.

Thời gian kiểm tra hiện trường: Bắt đầu : 08 giờ 30 ngày 17/09/2007

Kết thúc : 11 giờ 00 ngày 17/09/2007.

Các bên tham gia:

- Chủ đầu tư : Công ty TNHH Yuro Vina.

+ Kwon Wang Keun, chức vụ : Tổng giám đốc.

- Nhà thầu xây dựng: Chi nhánh công ty cổ phần đầu tư xây lắp Thương mại I.

+ Vũ Tiến Hùng, chức vụ : Giám đốc.

- Nhà thầu Quản lý dự án: Công ty BB Đại Minh.

+ Nguyễn Ngọc Cẩm Châu, chức vụ : Giám đốc.

- Đ/d sở xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu :

+ Hà Anh Tuấn, chức vụ: cán bộ phòng Quản lý KTKT.

+ Nguyễn Văn Hữu, chức vụ: chuyên viên phòng Quản lý KTKT.

A. Đã tiến hành những công việc sau:

- Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đã lập giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng.
- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình với quy mô như sau:

1. Nhà xưởng:

- Nhà 1 tầng. Diện tích 4.048,96m². Chiều cao đỉnh mái 12m.
- Móng, dầm, cột bê tông cốt thép (BTCT). Khung thép.
- Mái tôn. Nền BTCT sơn epoxy. Tường gạch, phía trên vách tôn. Cửa sắt, cửa kính khung nhôm.

2. Nhà nghỉ trưa:

- Nhà 2 tầng. Diện tích tầng một $377m^2$, diện tích tầng hai $363m^2$, tổng diện tích $740m^2$. Chiều cao đỉnh mái 10m.
- Móng, khung, sàn, mái BTCT.
- Nền, sàn gạch ceramic. Tường gạch. Cửa panô kính.

3. Nhà ăn, vệ sinh công nhân:

- Nhà 1 tầng. Diện tích $262m^2$. Chiều cao đỉnh mái 7,4m.
- Móng, dầm, cột BTCT. Kèo thép.
- Mái tôn. Nền gạch ceramic. Tường gạch.

4. Nhà bảo vệ:

- Nhà 1 tầng. Diện tích $21m^2$.
- Móng, khung, mái BTCT.
- Nền gạch ceramic. Tường gạch. Cửa kính khung nhôm.

5. Nhà xe:

- Nhà 1 tầng. Diện tích $75m^2$.
- Móng, đà kiềng BTCT. Khung thép.
- Nền bê tông. Không vách.

6. Nhà bơm, bể nước ngầm:

- Bể nước BTCT $6 \times 12 \times 3m$.
- Nhà bơm $24m^2$. Khung, mái BTCT. Tường gạch. Cửa nhôm kính.

7. Cổng, rào:

Cổng 15m.

- Rào loại I: dài 335m, cao 2,25m, nhịp 4m. Móng, trụ, giằng BTCT. Chân gạch, song sắt sơn dầu.
- Rào loại II: dài 350m, cao 2,25m, nhịp 4m. Móng, trụ, giằng BTCT, tường rào gạch sơn nước.

8. Hạ tầng: công trình có trạm biến áp, hệ thống điện, hệ thống thu lồi chống sét, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy.

B. Sau khi kiểm tra, xem xét và trao đổi các bên tham gia đã có kết luận:

1. Hồ sơ trình để nghiệm thu công trình của Công ty TNHH Yuro Vina đã lập theo danh mục nêu tại phụ lục 3 của Thông tư số 12/2005/TT-BXD ngày 15/7/2005.
2. Hồ sơ nghiệm thu công trình hoàn thành có đầy đủ pháp lý theo quy định.
3. Các ý kiến khác:

- Công trình đã thi công theo quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2006 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng công trình Xưởng sản xuất các loại phụ tùng động cơ các loại xe của Công ty TNHH Yuro Vina.
 - Công trình khởi công ngày 20/03/2006 và hoàn thành ngày 21/11/2006.
4. Hồ sơ nghiệm thu có trong danh mục kèm theo biên bản này đảm bảo đủ căn cứ để Chủ đầu tư tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình.

Nhà thầu xây dựng



Vũ Tiến Hùng
GIÁM ĐỐC
Đại diện
Sở Xây dựng.

Nhà thầu Quản lý dự án



Nguyễn Ngọc Cẩm Châu

GENERAL DIRECTOR
TỔNG CHỈ ĐẠO



KWON WANG KEUN

Xác nhận Sở Xây dựng.
Số: 1456 SXD/KTKT
Ngày 26/11/2007

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng



Chau Phu
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH YURO VINA.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình theo nội dung sau:

- Tên công trình: Nhà xưởng, nhà vệ sinh.
- Bản vẽ thiết kế có ký hiệu: TT (01-04); KT (01-06); KC (01-11).

- Do Công ty TNHH Xây dựng Nhật Hưng Thịnh lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng BA.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng công trình: Thửa đất số Lô 01; Tờ bản đồ số 9, 9A, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 30%, hệ số sử dụng đất: 0,30.

+ Chỉ giới đường đỏ: 21m tính từ tim ĐT 747B.

+ Chỉ giới xây dựng được cấp: 55m tính từ tim ĐT 747B đến chân công trình nhà xưởng. Định vị các công trình theo mặt bằng tổng thể.

- Tổng số công trình: 02 công trình.

a) Công trình số 1 - Nhà xưởng:

+ Loại công trình: Công trình công nghiệp.

+ Cấp công trình: Cấp III.

+ Diện tích xây dựng: 2.800m².

+ Cốt nền công trình (so với cốt sân): ±0,00m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 12,0m; Số tầng: 1 tầng.

+ Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; Khung cột, vì kèo bằng thép; Mái lợp tôn; Tường xây gạch, phía trên ốp tôn; Nền bê tông; Cửa sắt.

b) Công trình số 2 - Nhà vệ sinh:

+ Loại công trình: Công trình dân dụng.

+ Cấp công trình: Cấp IV.

+ Diện tích xây dựng: 58,88m².

+ Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): ±0,00m.

+ Chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 3,8m; Số tầng: 1 tầng.

GENERAL DIRECTOR

TỔNG GIÁM ĐỐC



KWON WANG KEUN



+ Cấu trúc: Móng, đà kiềng, cột bằng bê tông cốt thép; Mái lợp tôn, xà gồ bằng thép; Tường xây gạch; Nền lát gạch ceramic; Cửa sắt kính.

b) Các hạng mục khác: Công trình có thiết kế sơ đồ đầu nối hệ thống điện, cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy.

3. Giấy tờ về đất đai:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 540165 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T00007/CN/2007) ngày 07/3/2007 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Yuro Vina, diện tích đất cụm công nghiệp (SKK) 26.031,8m², thời hạn sử dụng đến ngày 09/5/2055.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, M.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lộc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 41/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 6 tháng 01 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chấp thuận thiết kế kỹ thuật và xây dựng
Công trình xưởng sản xuất các loại phụ tùng động cơ các loại xe của
công ty trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003.

- Căn cứ luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Căn cứ Nghị Định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/07/2000 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông Tư số 16/BXD-CSXD ngày 11/12/2000 của Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng " Hướng dẫn về quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư nước ngoài và nhà thầu nước ngoài nhận thầu xây dựng tại Việt Nam

- Xét hồ sơ thẩm định thiết kế công trình Xưởng sản xuất các loại phụ tùng động cơ các loại xe của Chủ đầu tư là Công ty trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chấp thuận thiết kế kỹ thuật công trình Xưởng sản xuất các loại phụ tùng động cơ các loại xe do Công ty có phần tư nhân đầu tư thiết kế xây dựng C.D.C.O – thành phố Hồ Chí Minh thiết lập, gồm các hạng mục sau:

1/ Nhà xưởng:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp III.

- Diện tích: $40\text{m} \times 100\text{m} + 6,8\text{m} \times 7,2\text{m} = 4.048,96\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột tường, đà kiềng, giằng tường bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch cao 4m, phía trên ốp tole. Cửa cuốn và cửa kính khung nhôm. Cột khung, vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp tole, không có trần. Nền đổ bê tông cốt thép sơn Epoxy, nền sảnh lát gạch Granite.

2/ Nhà nghỉ trưa:

- Qui mô: Nhà 2 tầng, cấp III.
- Diện tích: Diện tích nền = $13\text{m} \times 24,4\text{m} - 1,7\text{m} \times 4,4\text{m} + 3,1\text{m} \times 4,4\text{m} = 323,26\text{m}^2$. Diện tích sàn tầng 2 = $309,72\text{m}^2$. Diện tích sàn và nền khu Baliony = $107,2\text{m}^2$. Tổng diện tích = $740,18\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, đà và sàn các tầng, đà và sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Nền và sàn lát gạch ceramic.

3/ Nhà ăn và nhà vệ sinh công nhân:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp 4.
- Diện tích: $10\text{m} \times 26,2\text{m} = 262\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, giằng tường bằng bê tông cốt thép. Tường khu bếp và khu vệ sinh xây gạch. Cửa kính khung nhôm, khu nhà ăn bỏ trống không xây tường, dùng lan can bao quanh. Vì kèo, đòn tay, giằng mái bằng thép. Mái lợp ngói, trần thạch cao khung nhôm. Nền lát gạch ceramic.

4/ Nhà bảo vệ:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp 4.
- Diện tích: $3,5\text{m} \times 6\text{m} = 21\text{m}^2$.
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, đà và sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa kính khung nhôm. Nền lát gạch ceramic.

5/ Nhà xe:

- Qui mô: Nhà tạm.
- Diện tích: $5\text{m} \times 15\text{m} = 75\text{m}^2$
- Cấu trúc: Móng bê tông cốt thép. Cột khung, vì kèo, đòn tay bằng thép. Mái lợp tole, không có trần, không xây tường bao. Nền đổ bê tông xoa phẳng.

6/ Trạm biến thế:

- Qui mô: Nhà 1 tầng, cấp 4.
- Diện tích: $5\text{m} \times 4\text{m} = 20\text{m}^2$
- Cấu trúc: Móng, cột, đà kiềng, đà và sàn mái bằng bê tông cốt thép. Tường xây gạch. Cửa khung sắt panel tole. Nền đổ bê tông xoa phẳng.

7/ Bể nước ngầm và nhà bơm:

- Bể nước: Bể nước có diện tích đáy $= 6\text{m} \times 12\text{m} = 72\text{m}^2$, chiều cao thông thủy $H = 3\text{m}$. Toàn bộ đáy + thành + nắp bể bằng bê tông cốt thép đổ toàn khối.
- Nhà bơm: Nhà đặt phía trên bể nước ngầm. Diện tích nhà $= 4\text{m} \times 6\text{m} = 24\text{m}^2$. Tường xây gạch, cửa sắt, cột, đà và sàn mái bằng bê tông cốt thép. Nền đổ bê tông xoa nhẵn.

8/ Cổng và hàng rào:

- Cổng sắt đẩy ngang rộng 12m.
- Hàng rào xây gạch cao 2,25m và hàng rào xây gạch kết hợp song sắt cao 2,1m. Khoảng cách 4m rào có 1 trụ. Móng trụ, trụ, đà kiềng, giằng tường bằng bê tông cốt thép. Tổng chiều dài hàng rào kể cả cổng (theo ranh đất) là 700m.

9/ Ha tầng:

Công trình có thiết kế hệ thống cấp thoát nước, điện chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy và thu lồi chống sét.

Công trình xây dựng trên khu đất có diện tích 30.000m^2 , tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Giấy hợp đồng chuyển nhượng cơ sở hạ tầng số 01/HĐ-BCD ngày 20/10/2004 giữa Công ty cổ phần thành phố Đẹp và Công ty trách nhiệm hữu hạn C.S.TECH.

Chủ đầu tư là: Công ty trách nhiệm hữu hạn Yuro Vina.

Có địa chỉ tại: Xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương Được phép đầu tư xây dựng theo Giấy phép đầu tư số 412/GP-BD ngày 09/05/2005 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp đã được thiết kế phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

Về an toàn công trình đã được cơ quan Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng CC – thành phố Hồ Chí Minh thẩm tra thiết kế theo văn bản số 14/CC-05 ngày 20/11/2005 và kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn thẩm định thiết kế : Sở Xây Dựng tỉnh Bình Dương tại văn bản số01...../BC-XD ngày03...../.....01...../2006.

Điều 2: Công trình được tiến hành xây dựng theo thiết kế đã được thẩm định và theo văn bản này kể từ ngày tháng 01 năm 2006. Quyết định này thay thế giấy phép xây dựng. Với các điều kiện sau:

1/ Mặt bằng công trình đã được đền bù, giải phóng và có văn bản bàn giao của địa phương.

2/ Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo mục 3 nêu trong báo cáo thẩm định số 01 /BC-XD ngày 03 tháng 01 năm 2005 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương.

3/ Đã chuẩn bị điều kiện an toàn xây dựng để khởi công xây dựng công trình.

4/ Đã có thông báo ngày giờ khởi công cho Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh và Huyện sở tại trước khi khởi công xây dựng công trình.

Điều 3: Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu xâm phạm các quyền lợi hợp pháp của người có liên quan khi tiến hành xây dựng công trình và phải thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan.

Điều 4: Các ông Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc sở Xây Dựng, Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, sau 1 năm công trình chưa được tiến hành xây dựng hoặc đã khởi công xây dựng nhưng để ngắt quãng trên 1 năm thì chủ đầu tư phải báo cáo lý do và xin gia hạn.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Sở Xây Dựng.
- UBND huyện Tân Uyên.
- Văn phòng (để Lưu).

KT. CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thị Kim Vân

Số: 189 /PCCC

Thủ Dầu Một, ngày 21 tháng 11 năm 2007.

Về việc: nghiệm thu hệ thống
Phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: CÔNG TY TNHH YURO VINA

Theo công văn số 01/CV ngày 10 tháng 5 năm 2007 về việc nghiệm thu hệ thống Phòng cháy chữa cháy (PCCC) của CÔNG TY TNHH YURO VINA.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy lập ngày 18 tháng 5 năm 2007

Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy – Công an Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Công trình: NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH YURO VINA

Chủ đầu tư là: CÔNG TY TNHH YURO VINA

Xây dựng tại: Ông Đông Tân Hiệp Tân Uyên Bình Dương

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống chữa cháy vách tường.
- Hệ thống báo cháy tự động.

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC lập ngày 18 tháng 5 năm 2007.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng./.

Nơi nhận:

- Cục CSPCCC BCA / Báo cáo.
- Công ty TNHH Yuro Vina.
- Lưu CS. PCCC.

TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
TRƯỞNG PHÒNG CS PCCC



Lê Anh Việt

**BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 42 /CSPC&CC-S5

Bình Dương, ngày 28 tháng 11 năm 2016

Về việc xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Yuro Vina

Xét công văn ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Yuro Vina về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Nhà xưởng, công trình phụ trợ - Giai đoạn 2; Địa chỉ: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 483/TD-PCCC-P2 ngày 21 tháng 7 năm 2015; hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 21 tháng 01 năm 2016;

Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động được lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt;
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng 2(1);
- Lưu: Phòng CSPCCC-S5(2).



Đại tá Lê Anh Việt

Số: 483/TD-PCCC-P2.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 02/CV
ngày 25/6/2015 của: CÔNG TY TNHH YURO VINA

Người đại diện là ông/bà: Kwon Wang Keun Chức danh: Tổng Giám đốc

CẢNH SÁT PC&CC TỈNH BÌNH DƯƠNG
CHỨNG NHẬN:

Công trình: NHÀ XƯỞNG, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ GIAI ĐOẠN 2
Địa điểm xây dựng: Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Yuro Vina
Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty xây dựng Nhật Hưng Thịnh; Cty PCCC Nam Thăng Long

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy;
- Khoảng cách PCCC; Điều kiện thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống báo cháy tự động;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 27

Bình Dương, ngày 21 tháng 7 năm 2015

Nơi nhận:
CÔNG TY TNHH YURO VINA

Lưu: Phòng CS PCCC số 5; P2(2).



Đại tá Lê Anh Việt

BỘ CÔNG AN
C. A. TỈNH B. DƯƠNG...
Số: 490 / TD-PCCC(.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

Nguyễn Văn Đức

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 03/CV ngày 20 / 9 / 2005

của CÔNG TY TNHH YUPO VINA
Người đại diện là ông / bà: JEONG BONG CHEOL Chức danh: Tổng Giám đốc
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an Tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

- (2) Văn phòng, xưởng (40-x 86m) nhà ăn, ký túc xá, công trình phụ (GĐI)
Địa điểm: Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương.
Chủ đầu tư / chủ phương tiện: CÔNG TY TNHH YUPO VINA
Đơn vị lập dự án / thiết kế: Công ty CP TVDT và TKXD CDCO
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
Kết cấu, kiến trúc, điện, cấp thoát nước, chữa cháy.

- Các yêu cầu kèm theo: (3) theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Cửa thoát nạn cánh phải mở ra phía ngoài.
Thiết kế lắp đặt 04 trụ nước chữa cháy bên ngoài, 01 hàng tiếp nước của xe chữa cháy.
Trang bị phương tiện PCCC gồm 40 bình các loại, 20 bộ nội quy tiêu lệnh PCCC.
Kiểm tra nghiệm thu PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 09 năm 2005

Số chứng thực: 5766/TT GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH

Quyền 030 A-TP/CC-SCT/SGT

Ngày 08 tháng 11 năm 2005. TRƯỞNG PHÒNG CS.PCCC.

T. H. O. CHỦ TỊCH UBND QUẬN 1

T. H. O. CHỦ TỊCH PHÒNG TỰ PHÁP

Nơi nhận

- G. Ty YUPO VINA
- Lưu: CS.PCCC.

- (1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy;
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới;
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp;
(4) Chức danh người ký giấy

Nguyễn Văn Đức

TRƯỞNG TÁ: *Đo Anh Việt*

BỘ CÔNG AN
C. A TỈNH B. DƯƠNG
Số: 490/PTD-PCCC(.....)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 03/CV ngày 20/9/2005
của CÔNG TY TNHH YUPO VINA

Người đại diện là ông / bà: JEONG BONG CHEOL Chức danh: Tổng Giám đốc
(1) Phòng Cảnh sát PCCC Công an Tỉnh Bình Dương

CHỨNG NHẬN:

(2) Văn phòng, xưởng (40 x 86m) nhà ăn, ký túc xá, công trình phụ (GĐI)
Địa điểm: Thị trấn Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
Chủ đầu tư / chủ phương tiện: CÔNG TY TNHH YUPO VINA
Đơn vị lập dự án / thiết kế: Công ty CP TVDT và TKXD CDCO
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
Kết cấu, kiến trúc, điện, cấp thoát nước, chữa cháy.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
Các yêu cầu kèm theo: (3) Cửa thoát nạn cánh phải mở ra phía ngoài.
Thiết kế lắp đặt 04 trụ nước chữa cháy bên ngoài, 01 họng tiếp nước
của xe chữa cháy.
Trang bị phương tiện PCCC gồm 40 bình các loại, 20 bộ nội quy
tiêu lệnh PCCC.
Kiểm tra nghiệm thu PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng.

Thủ đầu một..... ngày 29 tháng 09 năm 2005

Nơi nhận
- C. Ty. YUPO VINA
- LHM: CS.PCCC.

(4) TL. GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG CS.PCCC.



- (1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy.
(2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp.
(4) Chức danh người ký giấy

THƯỜNG TÁ: Lê Anh Việt

Số 1847/STNMT-MT

Thủ Dầu Một, ngày 08 tháng 10 năm 2009

SỞ ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số Quản lý chất thải nguy hại: 74.000.549.7

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Yuro Vina.

Địa chỉ: Ấp Ông Đông, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3648125;

Fax: 0650.3648450

Tài khoản số: 240-07-006736 tại Ngân hàng Shinhan Vina – Chi nhánh Bình Dương.

Giấy phép đầu tư số: 412/GP – BD do Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 05 năm 2005 và giấy chứng nhận điều chỉnh giấy phép đầu tư số: 412/GCNĐC1/46/1 cấp ngày 05 tháng 12 năm 2008.

Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất phụ tùng động cơ của các loại xe của Công ty TNHH Yuro Vina tại ấp 4B, xã Tân Đông Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương số: 2808/PXN - TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 13 tháng 09 năm 2005.

Loại hình cơ sở: Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

II. Nội dung đăng ký:

Công ty đã đăng ký với Sở Tài nguyên và Môi trường danh sách chất thải nguy hại và danh sách chất thải khác phát sinh tại Công ty như sau:

1. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng tại Công ty:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/ tháng)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	01	16 01 06
2	Dầu nhớt thải	Rắn	05	17 02 04
3	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, keo thải	Rắn	10	18 02 01
4	Thùng đựng dầu nhớt thải, bao bì đựng keo, nhựa phenolic, epoxy thải	Rắn	130	18 01 01
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	01	19 06 01

6	Hộp mực in thải	Rắn	01	08 02 04
7	Thiết bị điện, điện tử thải	Rắn	02	19 02 05
Tổng cộng:			150 kg	

2. Danh sách chất thải khác đã đăng ký phát sinh trung bình trong 01 tháng Công ty:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/tháng)
1	Rác sinh hoạt	Rắn	200
2	Bao carton, nilon thải	Rắn	50
Tổng cộng:			250 kg

3. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại:

- Bản sao Giấy phép đầu tư số: 412/GP – BD do Ủy ban nhân tỉnh Bình Dương chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 05 năm 2005 và giấy chứng nhận điều chỉnh giấy phép đầu tư số: 412/GCNĐC1/46/1 cấp ngày 05 tháng 12 năm 2008.

- Bản sao Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất phụ tùng động cơ của các loại xe của Công ty TNHH Yuro Vina tại ấp 4B, xã Tân Đông Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương số: 2808/PXN - TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 13 tháng 09 năm 2005.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải :

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường;
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;
3. Có trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại cho đến khi chúng được tiêu hủy;
4. Thực hiện đúng các trách nhiệm được quy định tại Mục 1, phần IV của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
5. Hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại để xử lý, đồng thời lưu giữ chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định;
6. Định kỳ 06 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo mẫu Phụ lục 4 (A) của Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT.
7. Khi chấm dứt hoạt động, phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường.
8. Phải điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi:
 - Thay đổi, bổ sung về chủng loại hoặc tăng từ 15% trở lên so với số lượng chất thải nguy hại đã đăng ký;

- Thay đổi địa điểm cơ sở nhưng không thay đổi chủ nguồn thải hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở.

IV. Thời hạn hiệu lực:

Sổ đăng ký này có hiệu lực cho đến khi cần điều chỉnh theo quy định hoặc khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận: *Mr*

- Như trên;
- Lưu VP, CCBVMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Thị Ngọc Hạnh

Chứng thực bản sao đúng với
nguyên bản trong hồ sơ lưu trữ

Tài liệu được sao từ

Phòng: *Số 01 & MT*

Mục lục số: Hồ sơ số: *839(7)*

Số chứng thư: *51*

Ngày *08* tháng *03* năm *2017*
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Kim Dung



Số: 822 -RNH/HĐ – KT/22

HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Yuro Vina

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 16 ngày 28/10/2021) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại Mã Số QLCT nguy hại: 74.000.549.T do chi cục bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Yuro Vina ngày 08 tháng 10 năm 2009.
- Căn cứ theo nhu cầu của Công ty TNHH Yuro Vina theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 461023000643 cấp ngày 01/06/2010 (Doanh nghiệp đăng ký lại từ giấy phép đầu tư số 412/GP-BD ngày 09/05/2005 của UBND tỉnh Bình Dương.

Hôm nay, ngày 21 tháng 04 năm 2022 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH YURO VINA

Địa chỉ: Khu Phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.648.125

Fax: 02743.648.450

Tài khoản số : 2400-700-6736

Tại : Ngân hàng Shinhan Việt Nam – Chi nhánh BD.

MST: 3700635882

Do Ông/Bà: **YOU YOUNG ROCK**

Chức vụ: Giám Đốc Làm Đại Diện.

Mã khách hàng: 3700635882TU00

Ngành sản xuất: sản xuất phụ tùng động cơ của các loại xe.

BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.543528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam-CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó giám đốc CN Lâm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 09/UQ-XLCT.NSQT ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

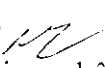
1.2. Điều kiện lưu chứa:

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

1.3. Phương thức xác định khối lượng

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận

- Thời gian thu gom: 01 lần/ tháng vào ngày thứ 04 tuần thứ 03 hàng tháng (trừ ngày lễ và ngày tết) 
- Địa điểm giao nhận: tại Công ty TNHH Yuro Vina, (Địa chỉ: Khu Phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương) 

ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Stt	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Phương pháp xử lý	Đơn giá xử lý (đồng/kg)	Đơn giá vận chuyển (đồng/lần)
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Hóa rắn/ Chôn	20.000	500.000
02	Dầu nhớt thải	Rắn	17 02 04	Thiêu đốt	4.000	
03	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt, keo thải	Rắn	18 02 01	Thiêu đốt	6.000	
04	Thùng đựng dầu nhớt thải, bao bì đựng keo, nhựa phenolic, epoxy thải	Rắn	18 01 01	Thiêu đốt	3.000	
05	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	Phá dỡ - Tẩy rửa	10.000	
06	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	Thiêu đốt	10.000	
07	Thiết bị điện, điện tử thải	Rắn	19 02 05	Thiêu đốt	7.000	

Ghi chú: - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: www.biwase.com.vn (định kỳ bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử	Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử	Số điện thoại liên hệ
Lê Thị Hồng Nhung	Hongnhung181096@gmail.com	0792.090.010

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A

3.1.1. Quyền của bên A

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

3.1.2. Trách nhiệm của bên A

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B

3.2.1. Quyền của bên B

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2. *✓*

- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.2.2. Trách nhiệm của bên B

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện Chứng từ CTNH theo quy định hiện hành.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1** Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2** Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.
- 4.3.** Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày 20 tháng 04 năm 2024 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2** Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3** Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.

5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau. *N*

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B *N*



Ngô Chi Thờng
Phó Giám Đốc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp

Số: 0102/P.../2024/HĐ - TĐX

- Căn cứ các quy định liên quan của Pháp luật Nhà nước Việt Nam;
- Căn cứ năng lực, chức năng của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại tỉnh Long An chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH YURO VINA

Địa chỉ : Khu Phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0274 3648 125

Mã số thuế : 3700635882

Đại diện : Ông/bà **You Young Rock**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Điện thoại : 0272.3758858

Fax: 0272.3758828

Mã số thuế : 1101404258

Số tài khoản : 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM.

Đại diện là : Ông **Đỗ Huy Lực**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng xử lý rác thải công nghiệp theo những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý cho Bên B làm đối tác trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp phát sinh trong quá trình hoạt động của Bên A. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải công nghiệp cụ thể như sau:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị tính (ĐVT)	Đơn giá (VNĐ/ĐVT)
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	Rắn	Kg	2.200

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%;
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải. Không bao gồm chi phí đóng gói và bao đựng;
- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam;
- Tổng khối lượng chất thải bàn giao là ≥ 6.000 KG/ 01 chuyến thì không tính chi phí vận chuyển, nếu < 6.000 KG thì tính thêm chi phí vận chuyển là 1.500.000 VNĐ/chuyến (Chưa bao gồm 10% VAT).

Điều 2: Địa điểm thu gom và phương thức thanh toán

2.1 Địa điểm thu gom

Bên B thu gom rác thải công nghiệp của Bên A tại CÔNG TY TNHH YURO VINA tại địa chỉ: Khu Phố Ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2.2. Số lượng, giá cả và phương thức thanh toán.

2.2.1. Giá cả và phương thức thanh toán do hai bên thảo luận và quyết định theo điều 1 của hợp đồng này, nếu có chất thải khác hai bên sẽ bàn bạc và làm phụ lục bổ sung hợp đồng này.

2.2.2. Số lượng được xác định bằng biên bản giao nhận theo khối lượng thực tế tại đầu cân bên A có sự xác nhận của hai Bên và sẽ là cơ sở để hai bên đối chiếu số lượng xuất hóa đơn. Bên A có trách nhiệm thanh toán tiền xử lý rác thải công nghiệp cho bên B sau khi nhận hóa đơn.

2.2.3. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn tài chính hợp lệ của Bên B.

2.2.4. Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT hai bên được quyền điều chỉnh theo quy định.

2.2.5. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải nộp phạt cho Bên B theo lãi suất Liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (tính theo thời điểm Bên A nhận được Hóa đơn GTGT do bên B gửi) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.

2.2.6. Hình thức thanh toán : chuyển khoản.

Điều 3: Trách nhiệm giữa hai bên

3.1 Trách nhiệm của Bên A

Bên A có trách nhiệm thu gom tập trung các loại rác thải công nghiệp vào kho riêng biệt của Bên A, để thuận tiện cho Bên B thu nhận mà không ảnh hưởng tới việc hoạt động của Bên A. Đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên B trong quá trình nhận rác thải công nghiệp theo hợp đồng này.

Thông báo cho Bên B thời gian thu gom chất thải trước tối thiểu 02 ngày làm việc.

3.2 Trách nhiệm của Bên B

3.2.1. Bên B có trách nhiệm thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, đảm bảo chất thải được xử lý theo đúng quy định hiện hành của luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

3.2.2. Phải đảm bảo lúc nào cũng có xe lấy hàng đáp ứng theo yêu cầu của bên B và phải đảm bảo có trên 02 nhân viên theo xe vào thu gom và sắp xếp chất thải.

3.2.3. Sau khi đã thu gom rác thải công nghiệp, bên B có trách nhiệm dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ tại kho chứa chất thải rắn thông thường của bên A, đảm bảo các yếu tố mỹ quan môi trường như hiện trạng ban đầu.

3.2.3. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất thải khi xe của bên B ra khỏi khuôn viên bên A.

3.2.4. Khi thực hiện thu gom, Cán bộ nhân viên của B phải tuân thủ đúng các quy định về ra vào và các quy định liên quan trong khuôn viên của bên A.

3.2.5 Bên B phải cung cấp đầy đủ biên bản giao nhận cho bên A sau khi kết thúc 01 đợt thu gom.

Điều 4: Thời hạn và điều kiện chấm dứt hợp đồng

4.1 Thời hạn hợp đồng

4.1.1. Hợp đồng có thời hạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến hết ngày 01 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký.



4.2. Điều kiện chấm dứt hợp đồng

4.2.1. Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

4.2.1.1. Một trong hai bên không thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình nêu tại điều 3 của hợp đồng này.

4.2.1.2. Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

4.2.1.3. Hợp đồng hết thời hạn hiệu lực nêu tại điều 4.1 mà không được hai bên gia hạn tiếp.

Điều 5: Cam kết chung

5.1. Bên A, bên B cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc phát sinh, các bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần thương lượng, hợp tác. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án để giải quyết theo quy định về Tố tụng.

5.2. Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng thì các bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng.

5.3. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản với đầy đủ các chữ ký và con dấu của các Bên. Bên A giữ 02 (hai) bản; bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
(CHỦ NGUỒN THẢI)**



**ĐẠI DIỆN BÊN B
(ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN XỬ LÝ)**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
Về việc thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt
Số 01 / 01 / 2024-THĐ

Căn cứ Bộ luật Dân sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2005;

Theo thỏa thuận của hai bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024, đại diện hai bên gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN THU GOM CHẤT THẢI: (Gọi tắt là bên A)

- Đơn vị: **HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG THANH DIỆU**
- Người đại diện: (Bà) **TRẦN THỊ THANH DIỆU**
- Địa chỉ liên hệ: Thửa đất số 782 - Tờ bản đồ số 4 - Tổ 4 - KP 4, - Phường Hội Nghĩa - Thị xã Tân Uyên - Bình Dương.
- Điện thoại: 083.519.6354
- Mã số thuế: **3702919953**

II. ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ DỊCH VỤ: (Gọi tắt là bên B)

- Tên cơ sở: **CÔNG TY TNHH YURO VINA**
- Người đại diện: (Ông) **YOU YOUNG ROCK**
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ: Khu phố ông Đông, Phường Tân Hiệp, Thành phố Tân Uyên, Bình Dương.
- Điện thoại: **02743 648 125**
- Mã số thuế: **3700635882**

Hai bên cùng thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt với các điều khoản sau:

Điều 1: Bên A đồng ý thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt cho bên B tại địa điểm đã ký kết trong hợp đồng.

- Bên B phải có thùng chứa rác đầy đủ và tập trung rác đúng nơi quy định.
- Thời gian thu gom rác: Ba ngày / lần.

Điều 2: Giá trị hợp đồng – Hình thức thanh toán

- Đơn giá: Áp dụng theo Quyết định số 64/2016 QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016 của UBND Tỉnh Bình Dương.

- Tiền thanh toán hàng tháng: **1.000.000 đồng / tháng.**
- Số tiền ghi bằng chữ: **Một triệu đồng trên tháng.**
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt / *chuyển khoản*

Điều 3: Thời gian hợp đồng: Ngắn hạn

Hợp đồng có giá trị từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

Điều 4: Trách nhiệm hợp đồng:

- Trách nhiệm của bên B: tập kết rác đúng vị trí đã hợp đồng và thuận lợi cho bên A đưa xe vào lấy rác theo quy định.
- Rác phải được chứa trong thùng có nắp đậy theo mẫu mã của thùng rác công cộng. Rác sinh hoạt phải phân loại, không được trộn lẫn các loại rác công nghiệp, sản xuất và độc hại.
- Trách nhiệm của bên A: đưa xe lấy rác đúng thời gian không để rác ứ đọng, trong quá trình thu gom rác không để rác rơi vãi.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của hai bên:

- Hai bên cùng cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên cùng gặp mặt nhau bàn bạc để thống nhất cách giải quyết. Nếu bên nào tự ý làm sai hợp đồng sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho bên kia.
- Trong thời gian hợp đồng của bên B còn hiệu lực, nếu có biến động về khối lượng rác thì bên A sẽ điều chỉnh hợp đồng. Nếu có thay đổi về giá (theo Quyết định của UBND Tỉnh Bình Dương) hợp đồng sẽ được bên A điều chỉnh theo đơn giá mới.
- Trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng hoặc có yêu cầu thay đổi hợp đồng, phải báo cho bên kia ít nhất 10 ngày.
- Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày hai bên thống nhất ký kết và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Thị Thanh Diệu

ĐẠI DIỆN BÊN B



YOU YOUNG ROCK

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG
KHÔI VIỆT**

Đc: Số 57/33, Đường ĐX 31, Khu 7, P.
Phú Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN BÀN GIAO, NGHIỆM THU

*(Công trình: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Yuro Vina tại
Khu phố Ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương - công
suất 20m³/ngày.đêm)*

Hôm nay, ngày tháng 10 năm 2019.

Tại địa điểm: Văn phòng Công ty TNHH Yuro Vina

Chúng tôi gồm có:

Đại diện Bên A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT

Địa chỉ: Số 57/33, Đường ĐX 31, Khu 7, Phường Phú Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Điện thoại: 0985789515

Ông/bà: Nguyễn Phương Thảo

Chức vụ: Giám đốc

Ông/bà: Phạm Thanh Yên

Chức vụ: Nhân viên

Đại diện Bên B: CÔNG TY TNHH YURO VINA

Ông/bà: YOU YUONG ROCK

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ông/bà:

Chức vụ:

Hai bên cùng thống nhất ký biên bản bàn giao công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 20 m³/ngày của Công ty TNHH Yuro Vina gồm các nội dung sau:

I. VỀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

- Bên A đã hoàn thành tất cả các hạng mục xây dựng như thiết kế;
- Bên A đã lắp đặt đầy đủ các thiết bị máy móc đúng chất lượng, chủng loại, số lượng cho bên B như đã hợp đồng. Cụ thể như sau:

A. Hạng mục xây dựng:

Stt	Tên hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Hố thu gom	KT: LxBxH=1,5x3,0x5,0m	01

		Vật liệu: BTCT, mác 250	
2	Bể điều hòa	KT: LxBxH=2,5x1,5x2,0m Vật liệu: BTCT, mác 250	01
3	Bể chứa bùn	KT: LxBxH=1,2x1,5x2,0m Vật liệu: BTCT, mác 250	01
4	Bể sinh học SBR	DxH = 2,3 x 3,0 m Vật liệu: Thép phủ Composite	01
5	Bể khử trùng	DxH = 0,85 x 1,3 m Vật liệu: nhựa	01

B. Hạng mục máy móc thiết bị:

STT	Hạng mục	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
I	Hồ thu gom			
1	Thùng lược rác - Kích thước: 400x400x500 - Vật liệu: Inox SS304	Việt Nam	Cái	1
2	Bơm hồ thu gom và trung chuyển nước sinh hoạt - Q=3,0m ³ /h, H=10 m - 0,5HP/220V/2P/50Hz - Phụ kiện: Xích kéo SS304	Taiwan	Cái	2
3	Bơm hồ thu gom trung chuyển nước thải nhà ăn - Q=10 m ³ /h, H=10m - 2HP/220V/2P/50Hz - Phụ kiện: Xích kéo SS304	Taiwan	Cái	1
II	Bể sinh học theo mẻ SBR			
1	Module bể xử lý sinh học (Bể SBR) - Quy cách: Thép dày 4mm phủ Composite mặt trong, sơn chống sét mặt ngoài - Thể tích hữu dụng: 12 m ³	Việt Nam	Cụm	1
2	Máy thổi khí - Q=1,5m ³ /min, H=3,0m - N= 1,1 kW, 380 V/3phase-50Hz - Linh kiện đi kèm: Ống giảm thanh, van 1 chiều	Taiwan	Cái	1
3	Bơm điều hòa - Q=2,0m ³ /h, H=12 m - 0,5HP/380V/3P/50Hz - Phụ kiện: cánh khuấy Inox	Taiwan	Cái	2
4	Hệ thống thổi khí bể Aerotank - Đĩa thổi phân phối khí D270 - Ống dẫn khí dưới nước uPVC	USA	Bộ	1
III	Bồn lọc áp lực			
1	Bơm lọc áp lực: - Q=4 m ³ /h, H=20m - 2HP/1 Phase/50Hz	Taiwan	Cái	1
2	Bồn lọc áp lực	Việt Nam	Bộ	1

	- Vật liệu: Inox - Vật liệu đi kèm: Cát lọc, van điều khiển, sỏi đỡ...			
IV	Bể khử trùng			
1	Bồn khử trùng - V=750L - Quy cách: Bồn nhựa	Việt Nam	Cái	1
2	Bơm định lượng hóa chất: - Q=141/h, H=40m - 220V/1Phase/50Hz, N=130V	Rumani	Cái	1
3	Bồn đựng hóa chất, hóa chất trong thời gian vận hành - V=300L - Vật liệu: Nhựa cao cấp	Việt Nam	Bộ	1
V	Các hạng mục khác			
1	Hệ thống đường ống nội khu - Ống thổi khí trên cạn PPR, dưới nước uPVC - Ống dẫn nước thải uPVC - Ống dẫn hóa chất uPVC	Việt Nam	Hạng mục	1
2	Đường dây điện, linh kiện điện trong hệ thống - Dây dẫn, các phụ kiện đi kèm, đèn chiếu sáng hệ thống	Việt Nam	HT	1
3	Hệ thống điện điều khiển - Tủ điện sơn tĩnh điện - Linh kiện: cáp, đèn tín hiệu, rơ le nhiệt, khởi động từ...	Việt Nam	Bộ	1

II. VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG VIỆC

Bên A đã hoàn thành hệ thống xử lý nước thải cho bên B đúng tiến độ nêu trong hợp đồng.

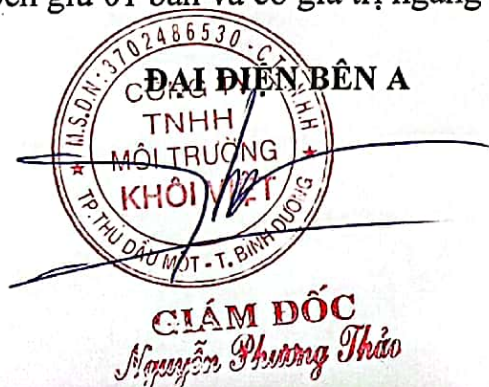
Chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống đạt tiêu chuẩn đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thành Phố Đẹp.

Bên A đã hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ cho Bên B đồng thời viết giấy bảo hành hệ thống (bao gồm cả phần xây dựng và thiết bị) với thời gian là 01 năm (12 tháng) kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hệ thống này.

III. HỒ SƠ BÀN GIAO:

1. Hồ sơ thiết kế, thuyết minh hệ thống xử lý nước thải.
2. Hướng dẫn vận hành.

Biên bản này là cơ sở cho việc thanh lý hợp đồng và được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị ngang nhau.



**BIÊN BẢN BÀN GIAO, NGHIỆM THU
CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
(Công suất 10 m³/ngày.đêm)**

Hôm nay, ngày tháng 11 năm 2016.

Tại địa điểm: Văn phòng Công ty TNHH Yuro Vina

Chúng tôi gồm có:

Đại diện Bên A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT

Địa chỉ: Số 57/33, Đường ĐX 31, Khu 7, Phường Phú Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

Điện thoại: 0985789515

Ông/bà: Nguyễn Phương Thảo

Chức vụ: Giám đốc

Ông/bà: Phạm Văn Khương

Chức vụ: Nhân viên

Đại diện Bên B: CÔNG TY TNHH YURO VINA

Ông/bà: YOU YUONG ROCK

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ông/bà:

Chức vụ:

Hai bên cùng thống nhất ký biên bản bàn giao công trình hệ thống xử lý nước sản xuất công suất 10 m³/ngày của Công ty TNHH Yuro Vina gồm các nội dung sau:

I. VỀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

- Bên A đã hoàn thành tất cả các hạng mục xây dựng như thiết kế;
- Bên A đã lắp đặt đầy đủ các thiết bị máy móc đúng chất lượng, chủng loại, số lượng cho bên B như đã hợp đồng. Cụ thể như sau:

A. Hạng mục xây dựng:

Stt	Tên hạng mục	Kích thước	Số lượng
1	Bể điều hòa	KT: LxBxH=1,5x1,3x1,8m	1

		Tường: gạch dày 200mm Đáy và nắp: BTCT 1 lớp thép Nắp hồ thăm được bao V5 xung quanh	
2	Thiết bị trộn hóa chất	KT: D=0,4m, H=0,9m Vật liệu: thép phủ nhựa composite	1
3	Bể phản ứng kết hợp lắng	KT: D=1m, H=2,2m Vật liệu: thép phủ nhựa composite	1
4	Sân phơi bùn (bể chứa bùn và nén bùn)	KT: LxBxH=1,4x0,8x0,8m Tường: gạch dày 100mm Đáy bê tông dày 100mm	2

B. Hạng mục máy móc thiết bị:

Stt	Tên máy móc thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bơm nước thải	- Q=5,0m ³ /h, H=12 m - 1,5HP/380V/3P/50Hz Phụ kiện: cánh khuấy Inox	01
2	Máy thổi khí (khuấy trộn hóa chất)	- Q=1,5m ³ /min, H=3,0m - 1,5HP/380V/3P/50Hz Phụ kiện: Ống giảm thanh, van 1 chiều	01
3	Bơm định lượng hóa chất	- Q=14l/h, H=40m - Công suất: 0,5Hp, 220V/1Phase/50Hz, N=130V	1 cái
4	Máy kích để cho hóa chất (NaOH, polymer, PAC) vào thiết bị khuấy trộn	Công suất 0,5Hp, 220V/1Phase/50Hz.	3 cái

II. VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG VIỆC

Bên A đã hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải cho bên B đúng tiến độ nêu trong hợp đồng.

Chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống đạt tiêu chuẩn đầu nối vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Thành Phố Đẹp.

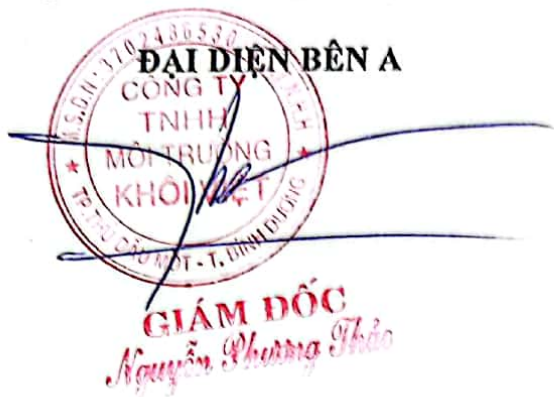
Bên A đã hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ cho Bên B đồng thời viết giấy bảo hành hệ thống (bao gồm cả phần xây dựng và thiết bị) với thời gian là 01 năm (12 tháng) kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hệ thống này.

III. HỒ SƠ BÀN GIAO:

1. Hồ sơ thiết kế, thuyết minh hệ thống xử lý nước thải.

2. Hướng dẫn vận hành.

Biên bản này là cơ sở cho việc thanh lý hợp đồng và được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



Số: 2303.58/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 21/03/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH YURO VINA
2. Địa chỉ : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu : 14/03/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Không khí
6. Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Tiếng ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	THC (mg/m ³)
Khu vực cổng bảo vệ	63,2	0,18	0,057	0,060	5,34	KPH
QCVN 26:2010/BTNMT	≤ 70	-	-	-	-	-
QCVN 05: 2013/BTNMT	-	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	NIOSH Method 1500
Khu vực đầu nhà xưởng	73,4	0,26	0,069	0,061	5,68	KPH
Khu vực cuối nhà xưởng	73,9	0,27	0,065	0,067	5,72	KPH
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT	-	≤ 8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	TCVN 4499-1998

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

CHẤM ĐÓC
CÔNG TY
THANH
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN LAO ĐỘNG
SAO VIỆT
TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG
NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 2303.58/KQTN **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 21/03/2023

- 1 **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH YURO VINA
- 2 **Địa chỉ** : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 3 **Ngày lấy mẫu** : 14/03/2023
- 4 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 **Loại mẫu** : Nước thải
- 6 **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 23.03.58NT1: Nước thải sinh hoạt sau HTXL
- 7 **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			23.03.58 NT1		
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾	mg/L	27	100	TCVN 6625:2000
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ⁽¹⁾	mg/L	26	150	SMEWW 5220C:2017
3.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ⁽¹⁾	mg/L	1,15	10	TCVN 6179 – 1 : 1996
4.	Tổng phosphor (tính theo P) ⁽¹⁾	mg/L	1,65	-	SMEWW 4500-P.D:2017
5.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	12,4	40	TCVN 6638:2000

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 2303.58/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

21/03/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH YURO VINA
- 2 Địa chỉ : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu : 14/03/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu mẫu và mô tả mẫu : 23.03.58NT2: Nước thải tại hồ ga đầu nối KCN
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT02		
1	pH ⁽¹⁾	-	7,65	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾	mg/L	28	100	TCVN 6625:2000
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ⁽¹⁾	mg/L	31	150	SMEWW 5220C:2017
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽¹⁾	mg/L	17	50	TCVN 6001-1: 2008
5	Tổng phosphor (tính theo P) ⁽¹⁾	mg/L	1,73	-	SMEWW 4500-P.D:2017
6	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	14,6	40	TCVN 6638:2000
7	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	24×10 ²	5.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN LAO ĐỘNG
SAO VIỆT
NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 230519/KQTN-02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 26/05/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH YURO VINA
2. Địa chỉ : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu : 19/05/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Không khí
6. Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Tiếng ồn ⁽¹⁾ (dBA)	Bụi ⁽¹⁾ (mg/m ³)	NO ₂ ⁽¹⁾ (mg/m ³)	SO ₂ ⁽¹⁾ (mg/m ³)	CO ⁽¹⁾ (mg/m ³)	THC ⁽²⁾ (mg/m ³)
Khu vực cổng bảo vệ	64,8	0,17	0,056	0,061	5,55	KPH MDL=0,03
QCVN 26:2010/BTNMT	≤ 70	-	-	-	-	-
QCVN 05: 2013/BTNMT	-	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	NIOSH Method 1500

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 026;
- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 230519/KQTN-02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 26/05/2023

- 1 **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH YURO VINA
- 2 **Địa chỉ** : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 3 **Ngày lấy mẫu** : 19/05/2023
- 4 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 **Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
- 6 **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Vị trí đo	Tiếng ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	THC (mg/m ³)
Khu vực đầu nhà xưởng	78,4	0,25	0,066	0,068	5,55	KPH
Khu vực cuối nhà xưởng	82,4	0,28	0,068	0,069	5,61	KPH
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT	-	≤ 8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	TCVN 4499-1998

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- KPH: Không phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 230519/KQTN-02 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 26/05/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH YURO VINA
- 2 Địa chỉ : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu : 19/05/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 230519.02NT1: Nước thải sinh hoạt sau HTXL
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			230519.02NT1		
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾	mg/L	24	100	TCVN 6625:2000
2.	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ⁽¹⁾	mg/L	62	150	SMEWW 5220C:2017
3.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ⁽¹⁾	mg/L	2,4	10	TCVN 6179 – 1 : 1996
4.	Tổng phosphor (tính theo P) ⁽¹⁾	mg/L	2,6	-	SMEWW 4500-P.D:2017
5.	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	19,3	40	TCVN 6638:2000

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo:

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 230519/KQTN-02 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 26/05/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH YURO VINA
- 2 Địa chỉ : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu : 19/05/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu mẫu và mô tả mẫu : 230519.02NT2: Nước thải tại hố ga đầu nối KCN
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			230519.02NT2		
1	pH ⁽¹⁾	-	6,45	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾	mg/L	26	100	TCVN 6625:2000
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD) ⁽¹⁾	mg/L	58	150	SMEWW 5220C:2017
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ⁽¹⁾	mg/L	22	50	TCVN 6001-1: 2008
5	Tổng phosphor (tính theo P) ⁽¹⁾	mg/L	1,18	-	SMEWW 4500-P.D:2017
6	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	17,7	40	TCVN 6638:2000
7	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	21×10 ²	5.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 2309.13/KQTN-03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 20/09/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH YURO VINA
2. Địa chỉ : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu : 13/09/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Không khí xung quanh
6. Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Tiếng ồn ⁽¹⁾ (dBA)	Bụi ⁽¹⁾ (mg/m ³)	NO ₂ ⁽¹⁾ (mg/m ³)	SO ₂ ⁽¹⁾ (mg/m ³)	CO ⁽¹⁾ (mg/m ³)	THC (n-heptan) ⁽²⁾ (mg/m ³)
Khu vực cổng bảo vệ (X: 11°08'81"; Y: 106°77'01")	65,1	0,19	0,051	0,057	5,32	KPH MDL=0,0005
QCVN 26:2010/BTNMT	≤ 70	-	-	-	-	-
QCVN 05: 2023/BTNMT	-	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30	-
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	US EPA Method TO-17

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 2309.13/KQTN-03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 20/09/2023

- 1 **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH YURO VINA
- 2 **Địa chỉ** : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 3 **Ngày lấy mẫu** : 13/09/2023
- 4 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 **Loại mẫu** : Không khí môi trường lao động
- 6 **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Vị trí đo	Tiếng ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	THC (mg/m ³)
Khu vực đầu nhà xưởng (X: 11°08'82"; Y: 106°77'02")	78,2	0,27	0,057	0,067	5,68	KPH
Khu vực cuối nhà xưởng (X: 11°08'81"; Y: 106°77'04")	79,9	0,29	0,062	0,064	5,73	KPH
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT	-	≤ 8	-	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT	-	-	≤ 10	≤ 10	≤ 40	≤ 25
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03	TCVN 4499-1998

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
- KPH: Không phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 2309.13/KQTN-03 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 20/09/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu :** CÔNG TY TNHH YURO VINA
- 2 Địa chỉ :** Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 3 Ngày lấy mẫu :** 13/09/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu :** Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu :** Nước thải
- 6 Ký hiệu mẫu và mô tả mẫu :** 2309.13NT3b: Nước thải tại hố ga đầu nối KCN
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu :**

TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			2309.13 NT3b		
1	pH ⁽¹⁾	-	6,38	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS ⁽¹⁾	mg/L	21	100	TCVN 6625:2000
3	COD ⁽¹⁾	mg/L	68	150	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	23	50	TCVN 6001-1: 2008
5	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	1,41	6	SMEWW 4500-P.D:2017
6	Tổng Nito ⁽¹⁾	mg/L	19,5	40	TCVN 6638:2000
7	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,9×10 ³	5.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN

GIAM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
TP. THUẬN AN - BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 2309.13/KQTN-03 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 20/09/2023

- 1 **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH YURO VINA
- 2 **Địa chỉ** : Khu phố ông Đông, phường Tân Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- 3 **Ngày lấy mẫu** : 13/09/2023
- 4 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 **Loại mẫu** : Nước thải
- 6 **Ký hiệu và mô tả mẫu** : 2309.13NT3a: Nước thải sinh hoạt sau HTXL
- 7 **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			2309.13 NT3a		
1.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	26	100	TCVN 6625:2000
2.	COD ⁽¹⁾	mg/L	73	150	SMEWW 5220C:2017
3.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ⁽¹⁾	mg/L	3,48	10	TCVN 6179 – 1 : 1996
4.	Tổng phosphor ⁽¹⁾	mg/L	1,36	6	SMEWW 4500-P.D:2017
5.	Tổng Nitơ ⁽¹⁾	mg/L	21,5	40	TCVN 6638:2000

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

TỈNH / THÀNH PHỐ
BÌNH DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 538-535 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 02743. 542. 906
ĐT: 02743. 543. 644
ĐT: 02743. 542. 907

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Cty TNHH YURO VINA Mã số QLCTNH: 740005497
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: KP Ông Dờng 1 Tân Hiệp H. TLI BN ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang	✓			160106	03	HR
2	Bụi lau	✓			180201	05	TD
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 04860

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Tiến Vinh Ký: Ngày: 11.01.23

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
BD ngày 11.01 năm 2023

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
BC ngày 13 tháng 1 năm 2023

M.S.D.N: 3700635882-CTNH
CÔNG TY TNHH YURO VINA
THUYỀN T. BÌNH DƯƠNG

YOU YOUNG ROCK

M.S.C.N: 3700145639-CTNH
CHÍNH HÀNH XỬ LÝ CHẤT THẢI
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC-MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
TX. BẾN CÁT-T. BÌNH DƯƠNG

Bồ Thành Phi
Phó Giám Đốc

Liên số
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Màu hồng (Chủ Nguồn Thải Có Mực)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 380 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

3. Chủ nguồn thải: GA TA 44 VU TA VI NA Mã số QLCTNH: 76-000.349.1

Địa chỉ văn Phòng:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Ấm Đông - Tân Hiệp - TH - BPĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SG (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 675490

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Võ Văn Chiến Ký: [Signature] Ngày 12/12/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

ngày tháng năm



8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 17 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Hoàng Lân

@ Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

Số: 5932 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: KP. Đa Hòa, P. Tân Hiệp, H. Thủ Đức, TP. HCM

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảnh:..... Cửa khẩu xuất:.....

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 6104860

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

ngày 08 tháng 11 năm 2022



Nguyễn Hoàng Lân

@ Liên số 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ **PHÓ GIÁM ĐỐC**
 Ghi chú:..... (ghi rõ trong trường hợp là CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CTNH)

Số: 1052 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 0273. 542. 907

3. Chủ nguồn thải: Cty TNHH YURO VINA Mã số QLCTNH: 74000549.T
 Địa chỉ văn Phòng: _____ ĐT: _____
 Địa chỉ cơ sở: KP Song-Dong 1 Tân-Hiệp TX TH BQ ĐT: _____

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 610480

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Tiến Vinh Ký: [Signature] Ngày: 24/5/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: _____ Ký: _____ Ngày: _____

6. Chủ nguồn tài xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày..... tháng..... năm.....



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC 4 ☒

@ Liên số

1 ☐2 ☐3 ☐4 ☒

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

Ghi chú:.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CTH)

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 11467 /2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI**
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Địa chỉ cơ sở đại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến cát, Tỉnh Bình Dương

DT: 0273. 542. 906

DT: 0273. 542. 644

ĐT: 0273. 542. 907

2. Chủ xử lý CTNH 2:Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn Phòng:ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở:ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Young Young Mã số QLCTNH: 70100598
Địa chỉ văn Phòng: DT:
Địa chỉ cơ sở: 164/40 Cao Bồ, Tân Phú, Tân Uyên, B.D. DT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 61C 32190

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyen Anh Tuan Ký: Tuan Ngày: 09/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: _____ Ký: _____ Ngày: _____

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

..... ngày..... tháng..... năm.....

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

..... ngày..... tháng..... năm.....



Nguyễn Hoàng Lân

PHÓ GIÁM ĐỐC 4 ☒

@ Liên số 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ **PHÓ GIÁM ĐỐC**
 Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTT)

TỈNH / THÀNH PHỐ BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
		Số: 1539 /2023 /1-2-3-4-5-6. 028.VX					
1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX					
Địa chỉ văn phòng: Số 11, Ngõ Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương		ĐT: 0273. 542. 906					
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Số 39, Khu phố 1B, P. Chánh Phú Hòa, TX. Bến Cát, Tỉnh Bình Dương		ĐT: 0273. 542. 644					
		ĐT: 0273. 542. 907					
2. Chủ xử lý CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn Phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH YURO VINA		Mã số QLCTNH: 74 000 5495					
Địa chỉ văn Phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở: Kp Ông Ấp Xã Tân Hiệp H. Tân Uyên Bp		ĐT:					
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)							
Số TT	Tên CNTH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
	giấy lau bao tải dính dầu	✓			12022	10	TD
	phế liệu nhôm						
	Phòng tên người không biết	✓			160106	1	SC-HR-CIAT
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: Bp 22102							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Anh Tuấn Ký: Tuấn Ngày: 16/8/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) ngày 08 tháng 08 năm 2023				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 ngày 08 tháng 08 năm 2023			
							
Xoa young Loc 10				Nguyễn Hoàng Lân			
@ Liên số 1 2 3 4							
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)							

Số: 16319 / 2023 / 1-2-3-4-5-6. 028.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX
ĐT: 02743.542.906
ĐT: 02743.543.644
Fax: 02743.542.907

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH MTV KĐVN Mã số QLCTNH: 200007997
Địa chỉ văn Phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: 190/300 Đường Trần Hưng Đạo, Quận 5 ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

[illegible]

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 184/187

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Anh Tuấn Ký: Tấn Ngày 18/10/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn tài xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

..... ngày..... tháng..... năm.....

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



Ngô Chi Hằng

@ Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ **GIÁM ĐỐC**
 Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Số:...../2023...../1-2-3-4-5-6. 028.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6. 028.VX

ĐT: 02743.542.906

ĐT: 02743.543.644

Fax: 02743.542.907

Địa chỉ cơ sở:ĐT:

Địa chỉ cơ sở: Liên phố ông Đổng Tân Hiệp Tân Uyên BV DT: _____

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không chi đủ)

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

....., ngày 30 tháng 9 năm 2013

ngày tháng 09 năm 2023.






Đ. CATT. BINH

AC 1000 Hoàng Liên

Nguyễn Hưng Sơn

3 ☐ 4 ☒

@ Liên số: 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)



Ký hiệu (Sign): 1C24TTD
Số (No): 00000237

Ký hiệu (Sign): 1C24TTD
Số (No): 00000237

Mã số thuế (Tax code): **1101404258**

Điện thoại (Tel): (0272) 3758858 Fax: (0272) 3758828

Số tài khoản (Bank account): 118492999 tại Ngân hàng Á Châu - CN Phú Lâm, TP.HCM

Tên đơn vị (*Company's name*): CÔNG TY TNHH YURO VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700635882

Hình thức thanh toán (*Payment method*): TM/CK Số tài khoản (*Bank account*):

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): **Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi đồng chẵn.**

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên

(Signature, full name

Ký ngày: 30/01/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhân hóa đơn

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150



Ký hiệu (Sign): 1C23TTD
Số (No): 00003665

Ký hiệu (Sign): 1C23TTD
Số (No): 00003665

Mã số thuế (Tax code): **1101404258**

Điện thoại (Tel): (0272) 3758858 Fax: (0272) 3758828

Số tài khoản (Bank account): 118492999 tại Ngân hàng Á Châu - CN Phú Lâm, TP.HCM

Tên đơn vị (*Company's name*): CÔNG TY TNHH YURO VINA

Mã số thuế (Tax code): 3700635882

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK Số tài khoản (Bank account):

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): **Mười bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm đồng chẵn.**

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name,

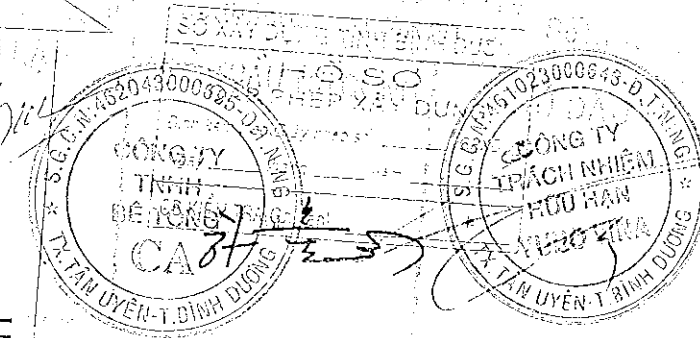
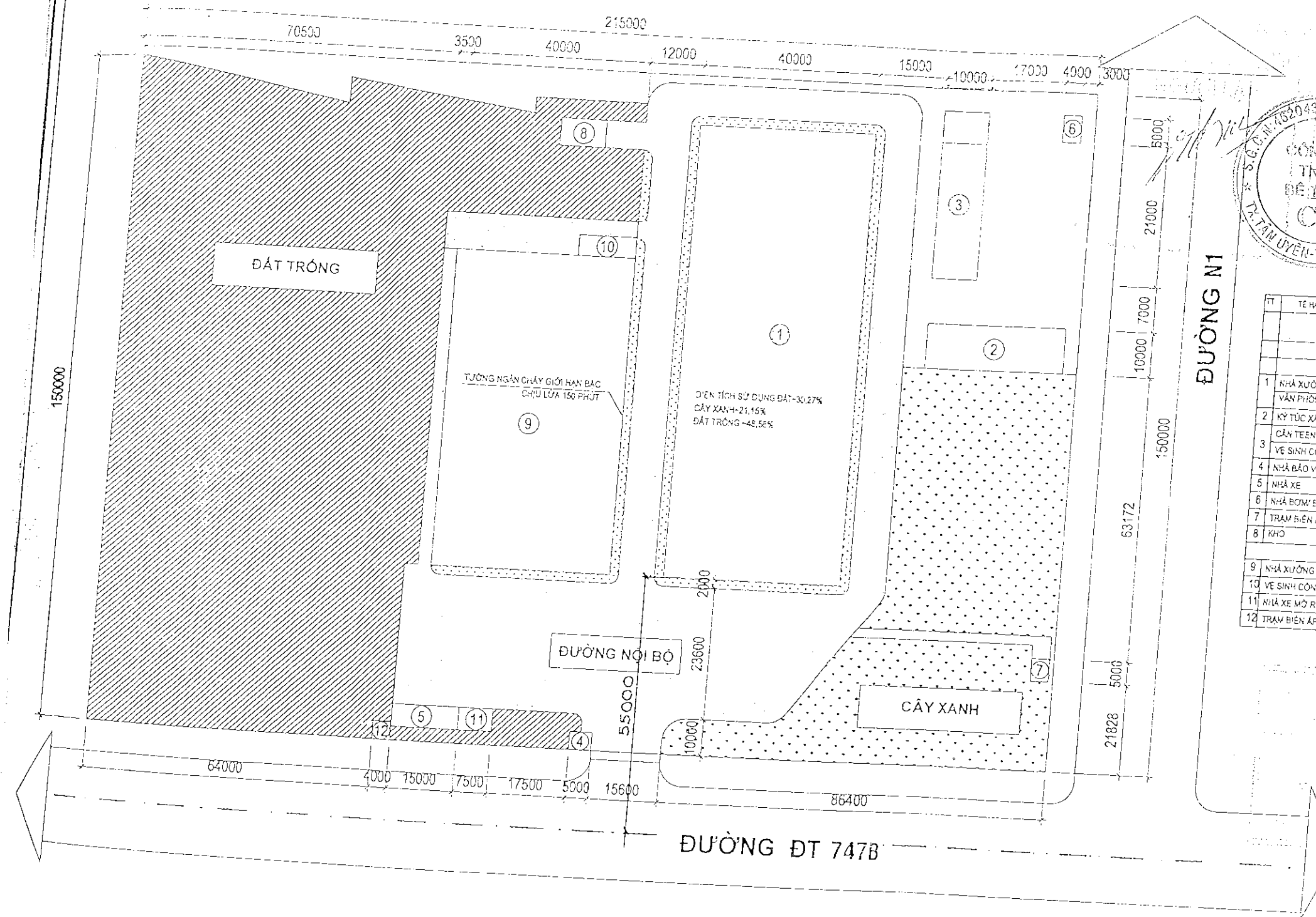
Ký ngày: 27/12/2023

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhân hóa đơn)

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

X 100g



ST	TÊN HÀNG MỤC	KÍCH THƯỚC	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH (M ²)
		DÀI	RỘNG	BUILDING AREA M ²
GIẢI ĐOẠN 1				
1	NHÀ XƯỞNG 1	86	40	3440
	VĂN PHÒNG			
2	KỶ TỤC XÁ	40	16	640
	CÁN TEEN	31	10	310
3	VỆ SINH CÔNG NHÂN	30	10	300
4	NHÀ BẢO VỆ	10	7	70
5	NHÀ XE	5	4	20
6	NHÀ BƠM BỂ NƯỚC (12x6x3)	15	5	75
7	TRẠM BIẾN ÁP	6	4	24
8	KHO	6	5	30
		10	6	60
GIẢI ĐOẠN 2				
9	NHÀ XƯỞNG 2	70	40	2800
10	VỆ SINH CÔNG NHÂN	12.8	4.6	59.8
11	NHÀ XE MỎ RỘNG	7.5	5	37.5
12	TRẠM BIẾN ÁP 750 KVA	4	4	16

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH YURO VINA
ĐC: Khu phố Ông Đồng, Ph. Tân Hiệp
Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0650... FAX: 0650...

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YURO VINA

NHẬT HÙNG THỊNH
ĐC: 34 Trịnh Hoài Đức, Ph. Phú Lợi
TX. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Tel: 0650.3829323
Fax: 0650.3828323
Email: nhathungthinh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG NHẬT HÙNG THỊNH

THIẾT KẾ

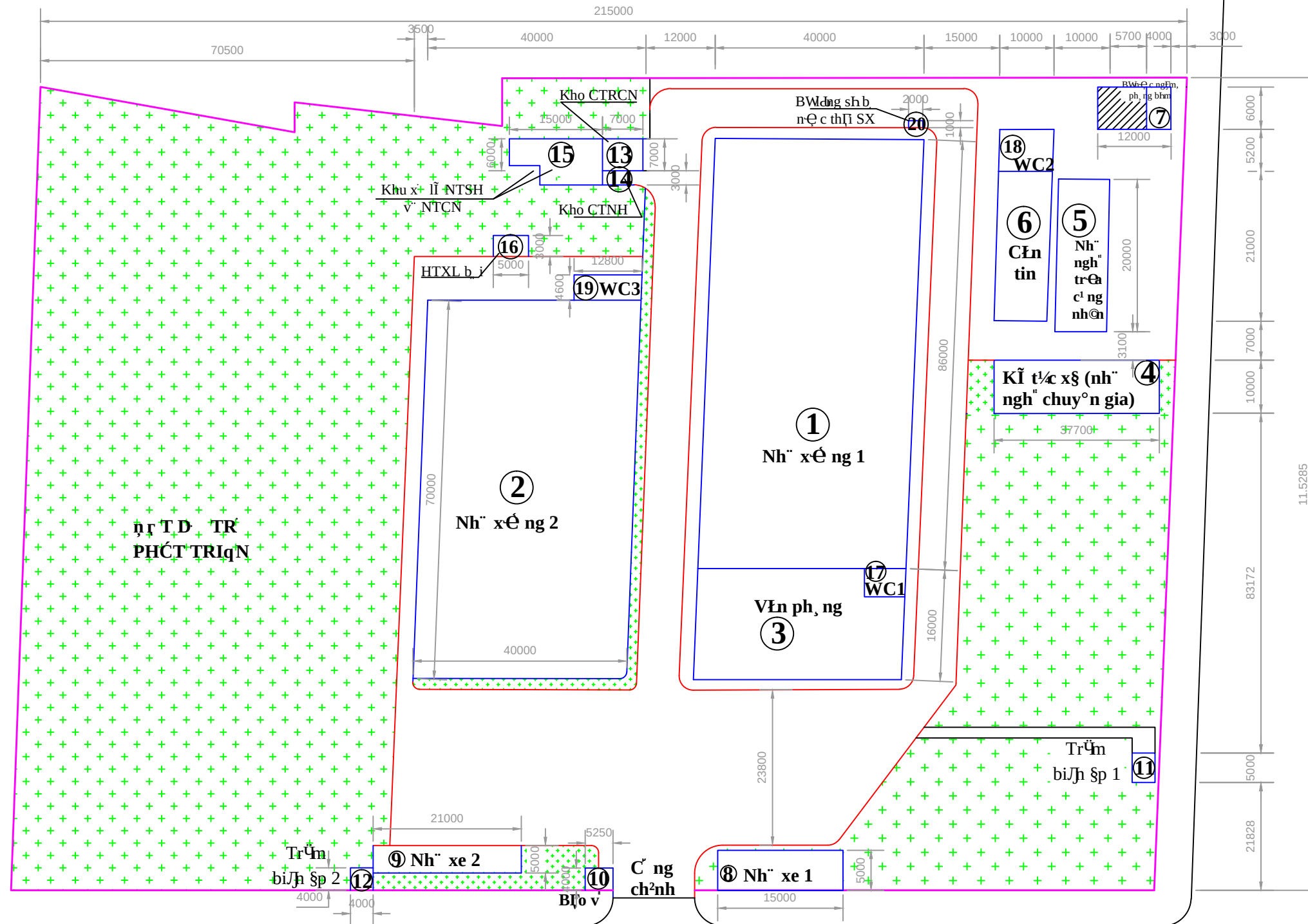
Ks. ĐỖ PHÚ HOÀNG NGUYÊN
KIỂM:

Ks. TRẦN PHÚ HUY

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
TL: 1/1000

TÊN CÔNG TRÌNH:
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH YURO VINA
ĐC: KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PH. TÂN HIỆP, TX. TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG
TÊN BẢN VẼ:
- MẶT BẰNG TỔNG THỂ
BẢN VẼ XIN PHÉP XÂY DỰNG
NGÀY: 17/01/15
TH. 01/04

CÔNG TY TNHH YURO VINA
BỘ N VẬT MẬT BẢNG TỶ NG THỊ



Ghi chú

Kí hiệu	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
①	Nhà xưởng 1	3440
②	Nhà xưởng 2	2800
③	Văn phòng	640
④	Kỹ thuật xưởng (nhân chuyên gia)	377
⑤	Nhà nghỉ trưa công nhân	200
⑥	Canteen	210

⑦	Bể chứa nước mưa (216 m ³) và phòng máy bơm	24
⑧	Nhà xe 1	75
⑨	Nhà xe 2	105
⑩	Nhà bể nước	21
⑪	Trạm biến áp 1	30
⑫	Trạm biến áp 2	16
⑬	Kho chứa	49

⑭	Kho chứa	21
⑮	Khu vực lắp đặt	90
⑯	Hệ thống xử lý nước thải	15
⑰	WC văn phòng	30
⑱	WC công nhân 1	52
⑲	WC công nhân 2	58,9
⑳	Bể chứa nước mưa, nước thải SX	2

CHỖ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH YURO VINA
 ĐC: Khu phố Ông Đồng, Ph. Tân Hiệp
 Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
 ĐT: 0650 FAX: 0650

GIÁM ĐỐC:
 TRÁCH NHIỆM
 HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN HỮU
 CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN HỮU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
NHẬT HƯNG THỊNH
 ĐC: 34 Trịnh Hoài Đức, Ph. Phú Lợi
 TX. Thủ Đức - Bình Dương
 Tel: 0650.3828323
 Fax: 0650.3828323
 Email: nhathungthinh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
 TRÁCH NHIỆM
 HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN HỮU
 CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN HỮU

THIẾT KẾ:
 KTS. ĐỖ PHÚ HOÀNG NGUYỄN

KIỂM:
 KTS. TRẦN PHÚ HUY

TÊN CÔNG TRÌNH:
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH YURO VINA
 ĐC: KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PH. TÂN HIỆP
 THỊ XÃ TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

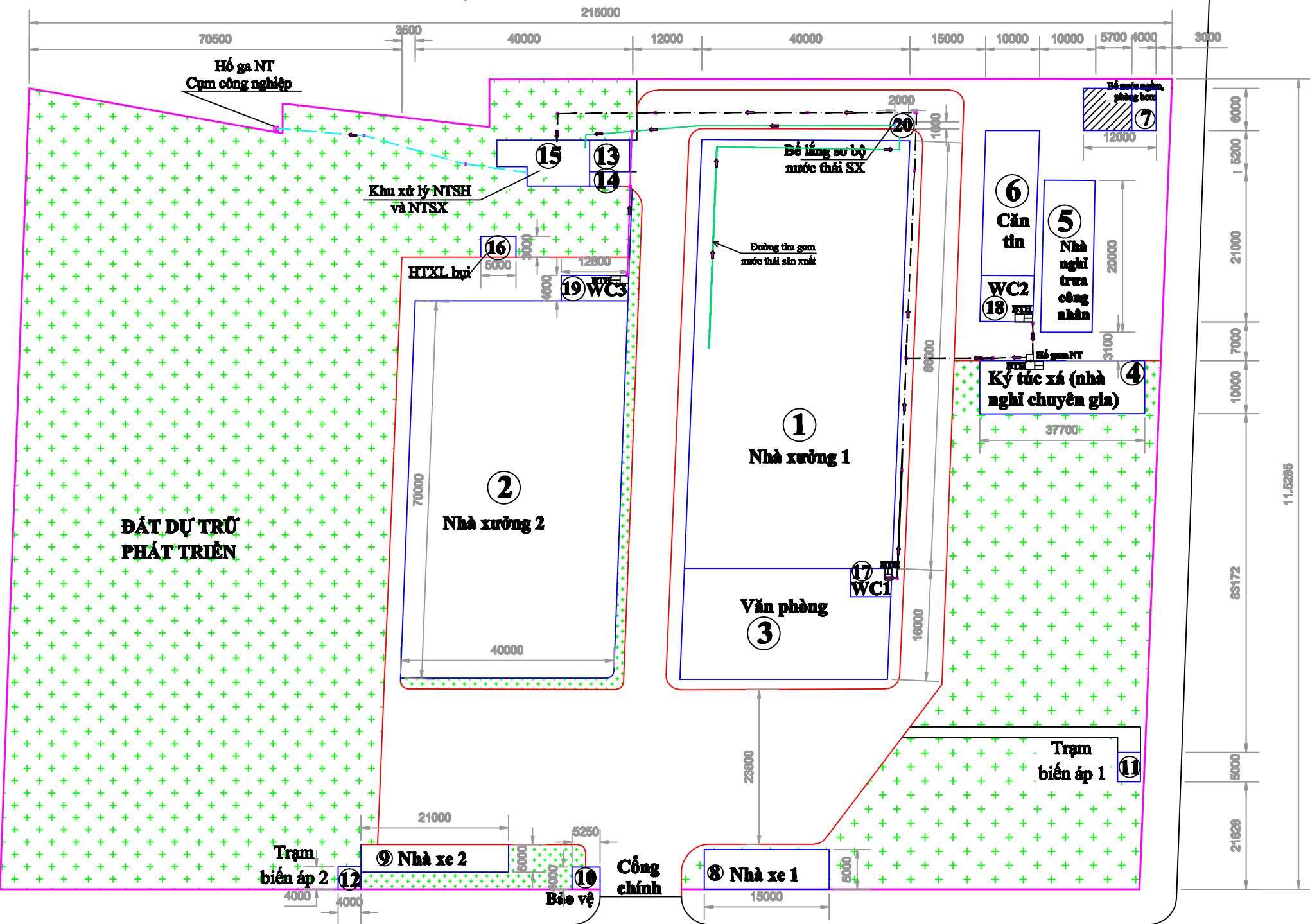
TÊN BẢN VẼ:
BỘ N VẬT MẬT BẢNG TỶ NG THỊ

NGÀY: 07/2015

TITLE: KT

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

CÔNG TY TNHH YURO VINA
BẢN VẼ MẶT BẰNG THU GOM NƯỚC THẢI



Ghi chú:

	Cống thu gom nước thải sinh hoạt
	Ống thu gom nước thải sản xuất
	Hướng thoát nước thải

Ký hiệu	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m²)
①	Nhà xưởng 1	3440
②	Nhà xưởng 2	2800
③	Văn phòng	640
④	Ký túc xá (nhà ở chuyên gia)	377
⑤	Nhà nghỉ trưa công nhân	200
⑥	Căn tin	210

⑦	Bể chứa nước ngầm (216 m³) và phòng máy bơm	24
⑧	Nhà xe 1	75
⑨	Nhà xe 2	105
⑩	Nhà bảo vệ	21
⑪	Trạm biến áp 1	30
⑫	Trạm biến áp 2	16
⑬	Kho CTRCN	49

⑭	Kho CTNH	21
⑮	Khu xử lý nước thải	90
⑯	Hệ thống xử lý bụi	15
⑰	WC văn phòng	30
⑱	WC công nhân 1	52
⑲	WC công nhân 2	58,9
⑳	Bể lắng sơ bộ nước thải SX	2

CHỈ DẪU TƯ:
CÔNG TY TNHH
YURO VINA

ĐC: Khu phố Ông Đồng, Ph. Tân Hiệp
Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0650. FAX: 0650.

GIÁM ĐỐC:
TRÁCH NHIỆM
KẾ TOÁN
HỌ TÊN
YURO VINA

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

NHẬT HƯNG THỊNH

ĐC: 34 Trịnh Hoài Đức, Ph. Phú Lợi
TX. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Tel: 0650.3828323
Fax: 0650.3828323
Email: nhathungthinh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
TRÁCH NHIỆM
KẾ TOÁN
HỌ TÊN
NHẬT HƯNG THỊNH

THIẾT KẾ:

Kis. ĐỖ PHÚ HOÀNG NGUYỄN

KIỂM:

Kis. TRẦN PHÚ HUY

TÊN CÔNG TRÌNH:
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY
TNHH YURO VINA

ĐƠN VỊ: KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PH. TÂN HIỆP
THỊ XÃ TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:

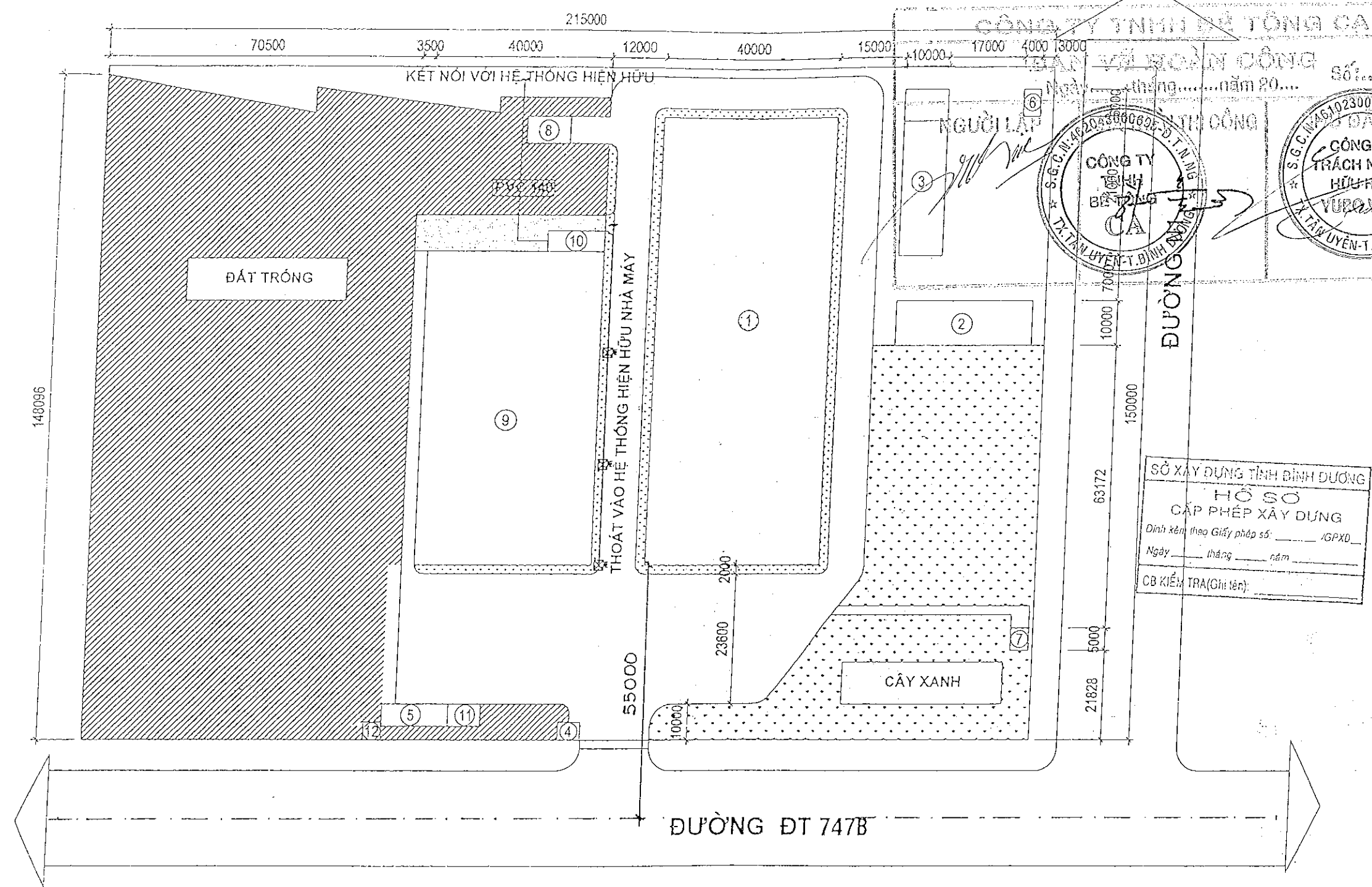
BẢN VẼ MẶT BẰNG
TỔNG THỂ

NGÀY: 07/2015

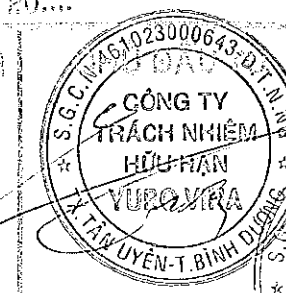
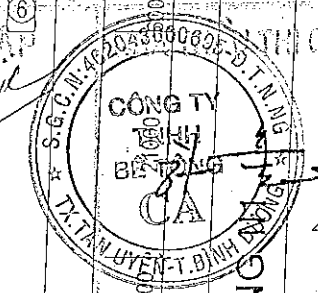
TỈ LỆ:

SỐ HIỆU BẢN VẼ:

KT 01/04



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ
TL:1/1000



CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH YUO VINA
ĐC: Khu phố Ông Đông, Ph. Tân Hiệp
Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0650.0000 FAX: 0650.

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
YUO VINA
TX. TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
NHẬT HƯNG THỊNH
ĐC: 34 Trịnh Hoài Đức, Ph. Phú Lợi
TX. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Tel: 0650.3828323
Fax: 0650.3928323
Email: nhathungthinh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
XÂY DỰNG
NHẬT HƯNG THỊNH
TX. TÂN UYÊN - T. BÌNH DƯƠNG

THIẾT KẾ:
[Signature]
Kts. ĐỖ PHÚ HOÀNG NGUYỄN

KIỂM:
[Signature]
Kts. TRẦN PHÚ HUY

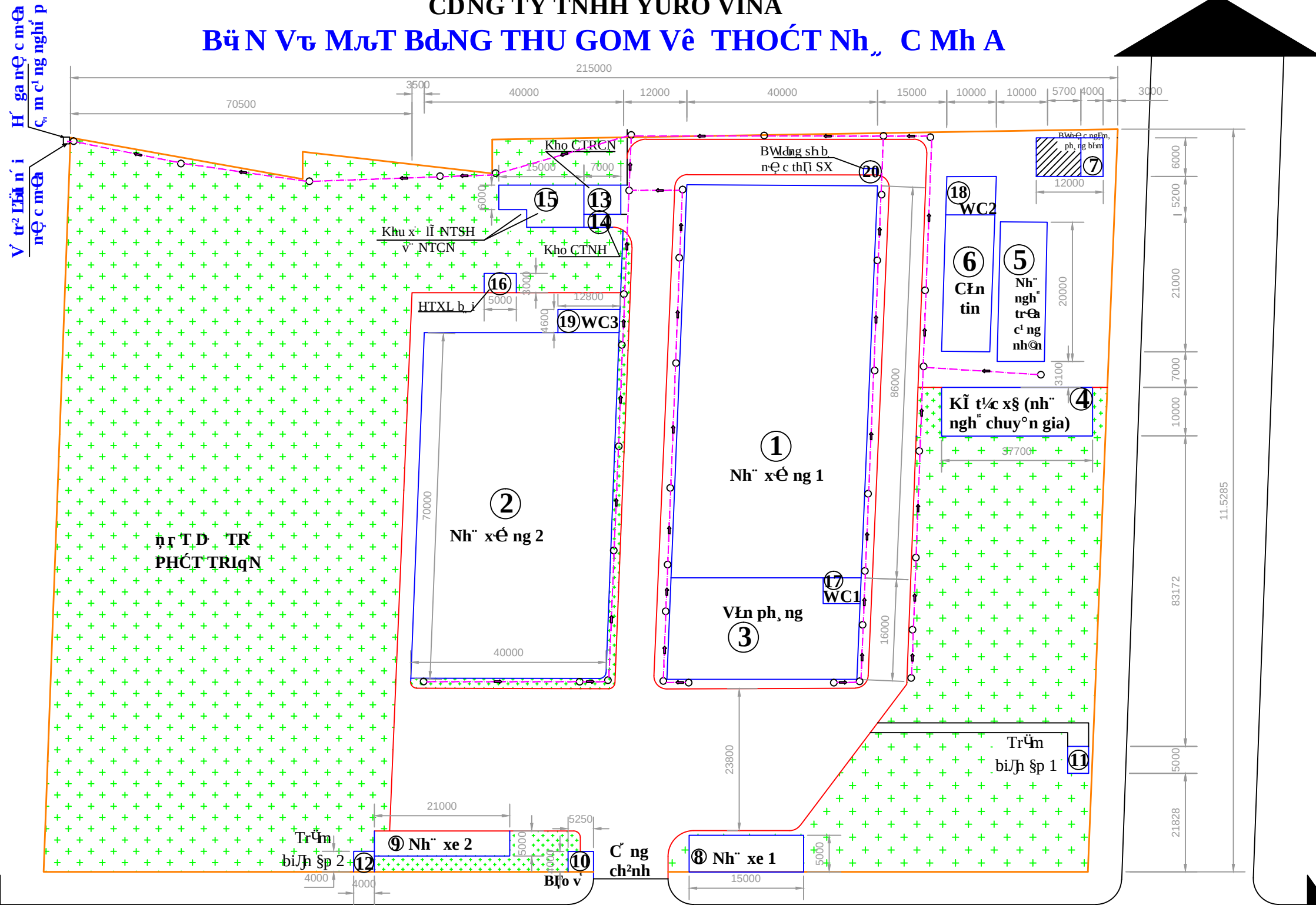
TÊN CÔNG TRÌNH:
**NHÀ XƯỞNG CÔNG TY
TNHH YUO VINA**
ĐD XD: KHU PHỐ ÔNG ĐÔNG, PH. TÂN HIỆP
THỊ XÃ TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:
- MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ

BẢN VẼ XIN PHÉP XÂY DỰNG

NGÀY: 07/2015
THẺ:
KT **03/04**
CỔ THẺ BẢN VẼ:

CÔNG TY TNHH YUROYA
BẢN VẼ MẶT BẰNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC NHÀ C M A



Ghi chú

	C'ng thoát nước
	H'ga thu gom nước
	Hệ thống thoát nước

Kí hiệu	Tên h'ng m, c'ng tr'nh	Diện tích (m ²)
①	Nh' xe 1	3440
②	Nh' xe 2	2800
③	V'ph, ng	640
④	K' t'c x' (nh' chuy'ng gia)	377
⑤	Nh' ng' tr' c' ng nh'	200
⑥	C'ln tin	210

⑦	BW'ha n' c' ng' m (216 m) v' ph, ng m'şy b'hm	24
⑧	Nh' xe 1	75
⑨	Nh' xe 2	105
⑩	Nh' b'v	21
⑪	Tr'bm b'v 1	30
⑫	Tr'bm b'v 2	16
⑬	Kho CTN	49

⑭	Kho CTN	21
⑮	Khu x' l' n' c' th'i	90
⑯	H' th' ng x' l' b' i	15
⑰	WC v'ln ph, ng	30
⑱	WC c' ng nh' 1	52
⑲	WC c' ng nh' 2	58,9
⑳	BW'ng sh b, n' c' th'i SX	2

CH' ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH YUROYA
ĐC: Khu phố Ông Đồng, Ph. Tân Hiệp
Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0650. FAX: 0650.

GIÁM ĐỐC:

TRẦN PHÚ HUY

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

NHẬT HƯNG THỊNH
ĐC: 34 Trịnh Hoài Đức, Ph. Phú Lợi
TX. Thủ Đức - Bình Dương
Tel: 0650.3828323
Fax: 0650.3828323
Email: nhathungthinh@gmail.com

GIÁM ĐỐC:

ĐỖ PHÚ HOÀNG NGUYỄN

KIỂM:

TRẦN PHÚ HUY

THIẾT KẾ:

TRẦN PHÚ HUY

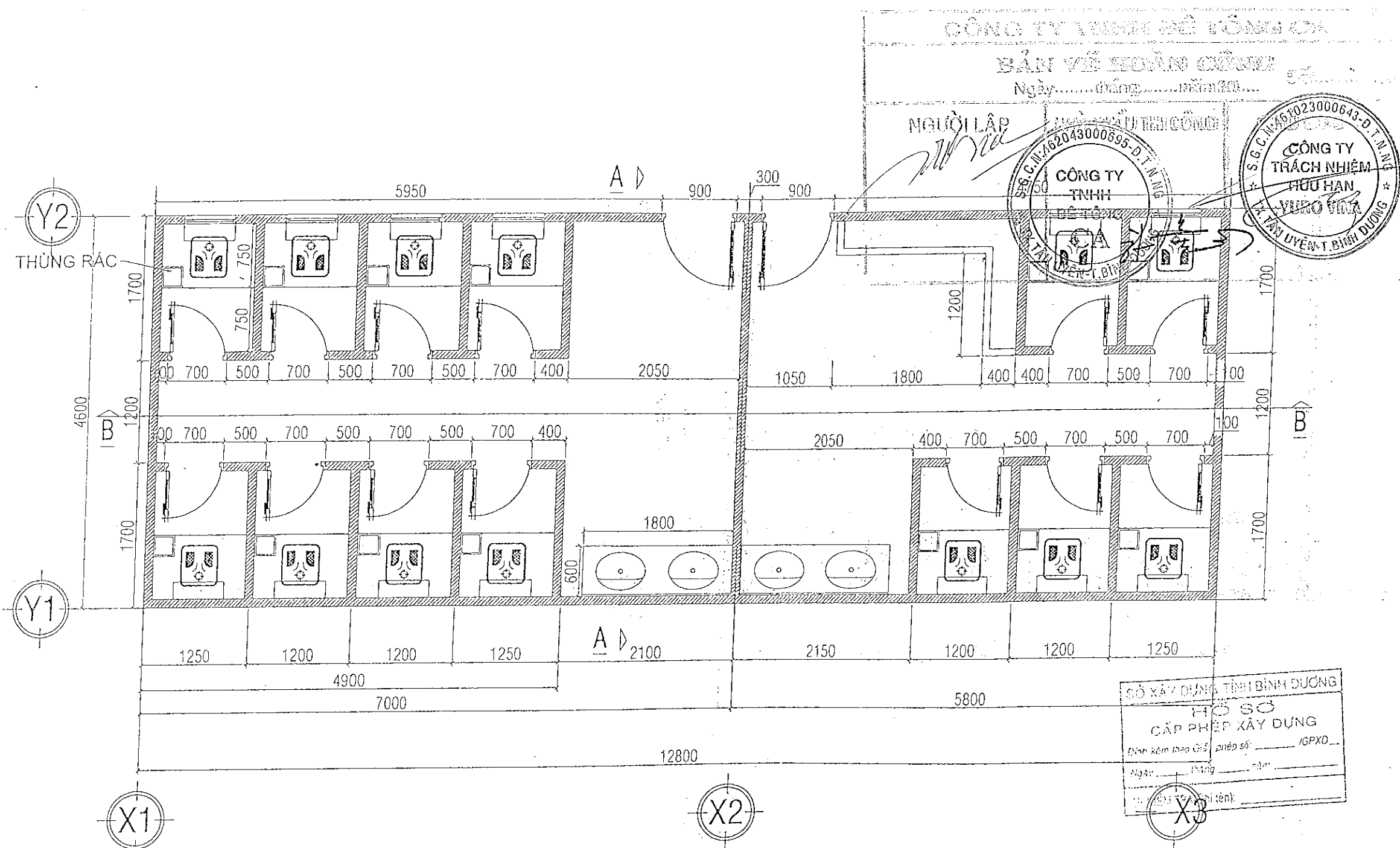
TÊN CÔNG TRÌNH:
NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH YUROYA
ĐC: KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PH. TÂN HIỆP
THỊ XÃ TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ MẶT BẰNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC NHÀ C M A

NGÀY: 07/2015

TỈ LỆ: KT 1/1

SỐ HIỆU BẢN VẼ:



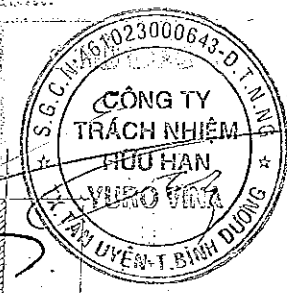
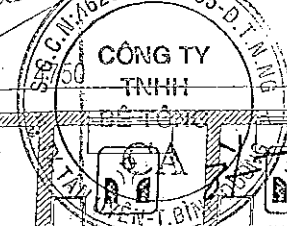
MẶT BẰNG NHÀ VỆ SINH

TL:1/50

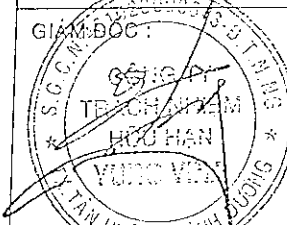
CÔNG TY TNHH KẾ TÍNH TOÁN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI THỰC CÔNG



CHỈ ĐÁU TƯ:
CÔNG TY TNHH
YURO VINA
ĐC: Khu phố Ông Đồng, Ph. Tân Hiệp
Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương
ĐT: 0650. FAX: 0650.



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



ĐC: 34 Trịnh Hoài Đức, Ph. Phú Lợi
TX. Thủ Dầu Một - Bình Dương
Tel: 0650.3828323
Fax: 0650.3828323
Email: nhathungthinh@gmail.com



THIẾT KẾ:
Kis. ĐỖ PHÚ HOÀNG NGUYỄN

KIỂM:
Kis. TRẦN PHÚ HUY

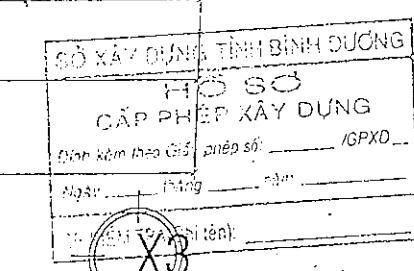
TÊN CÔNG TRÌNH:
NHÀ VỆ SINH

ĐẠO: KHU PHỐ ÔNG ĐỒNG, PH. TÂN HIỆP
THỊ XÃ TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG

TÊN BẢN VẼ:
- MẶT BẰNG NHÀ WC

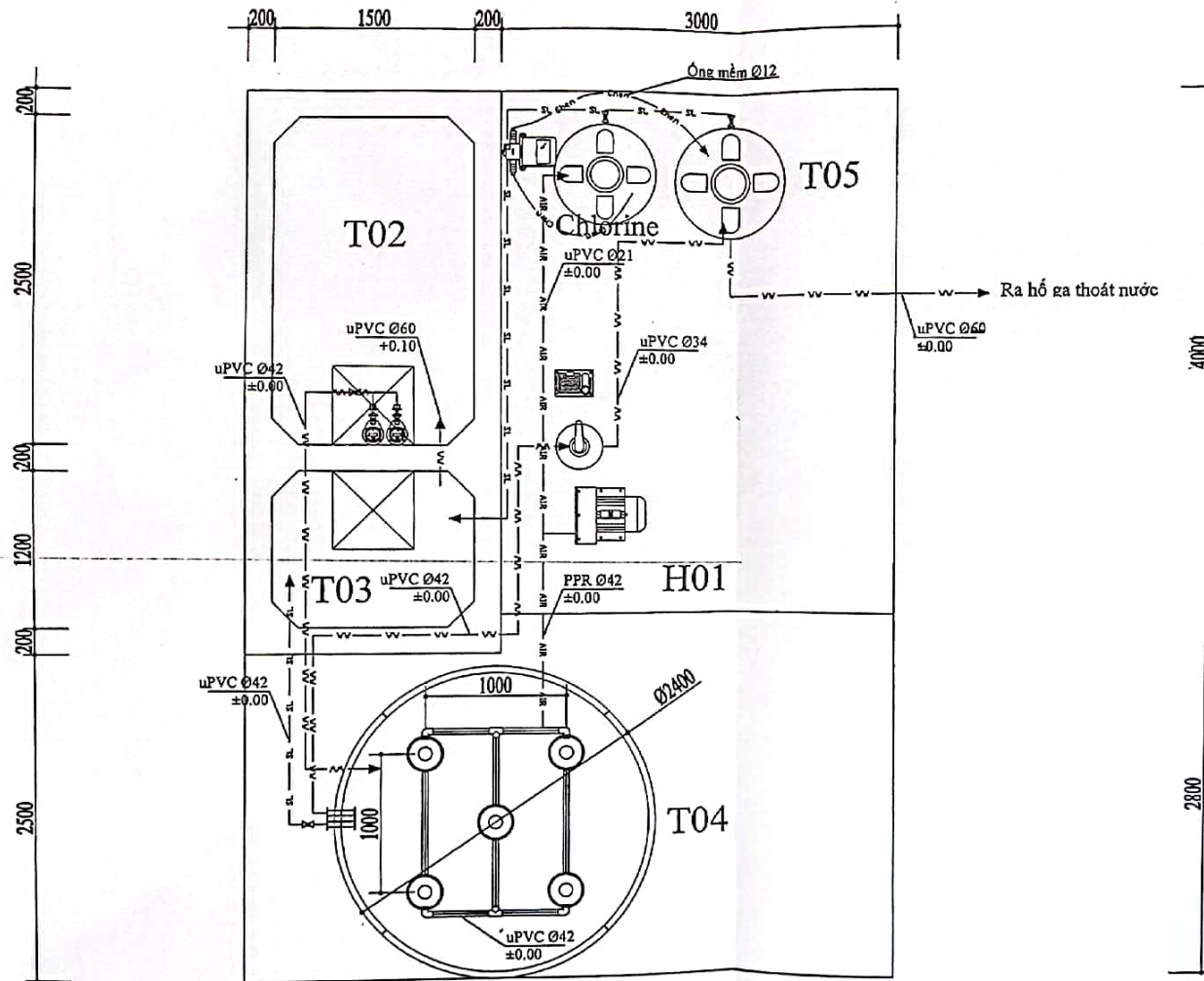
BẢN VẼ XIN PHÉP XÂY DỰNG

NGÀY: 07/2015
TỈ LỆ:
SỐ HIỆU BẢN VẼ:



Ngày hoàn thành:

**MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ VÀ ĐƯỜNG ỐNG THÔNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 20M3/NGÀY**



KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC	VẬT LIỆU	GHI CHÚ
T01	HỒ THU GOM	01		BET, MẮC 330 RC, M250	
T02	BỂ ĐIỀU HOÀ	01	LxBxH = 2.5x1.5x2.0m	BET, MẮC 330 RC, M250	
T03	BỂ CHỨA BÙN	01	LxBxH = 1.2x1.5x2.0m	BET, MẮC 330 RC, M250	
T04	BỂ SINH HỌC SBR	01	DxH = 2.3x3.0m	THÉP PHU COMPOSITE	
T05	BỂ KHỬ TRÙNG	01	DxH = 0.85x1.30m	TƯỜNG GẠCH MÀU TỎA	
H01	NHÀ DẸ THIẾT BỊ	01			

GHI CHÚ: COTE ±0.00 LÀ COTE SÀN NHÀ DÁT THIẾT BỊ

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
(Công suất 20 m3/ngày)

CHỦ ĐẦU

CÔNG TY TNHH YURO VINA



Khu phố Ông Đông, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình

ĐƠN VỊ THẦU

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔI VIỆT



Đc: 57/33, ĐX31, khu 7, Phú Mỹ Thủ Dầu Một, Bình Dương

TÊN BẢN VẼ

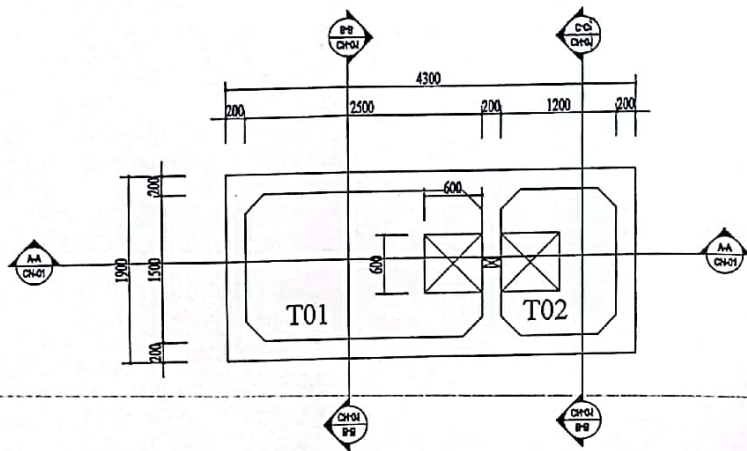
BẢN VẼ MẶT BẰNG

Tỷ lệ Scal:

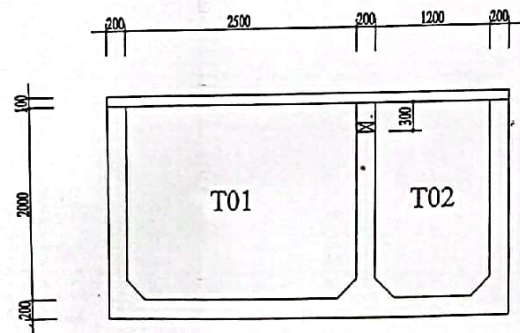
Số bản vẽ:

Ngày hoàn thành:

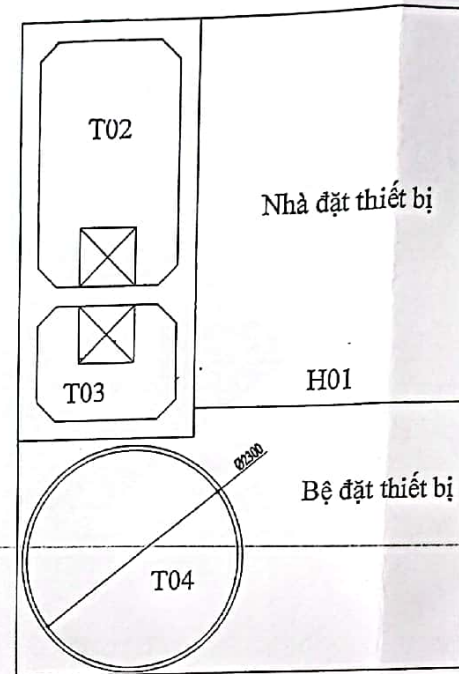
BỂ ĐIỀU HÒA, BỂ CHỨA Bùn THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 20M3/NGÀY



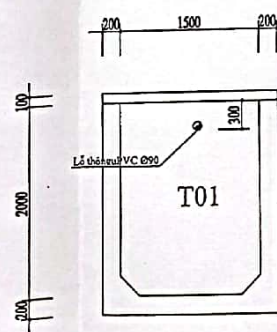
MẶT BẰNG HỒ THU GOM VÀ CHỨA Bùn



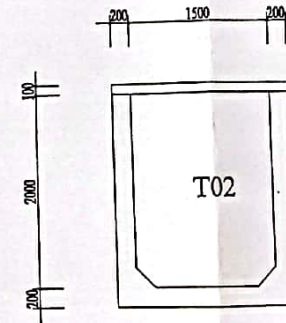
MẶT CẮT A-A



MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC
THẢI SINH HOẠT
(Công suất 20 m3/ngày)

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
YURO VINA



Khu phố Ông Đông, P. Tân
Hiệp, Tân Uyên, Bình

ĐƠN VỊ THẦU

CÔNG TY TNHH MÔI
TRƯỜNG KHÔI VIỆT



Đc: 57/33, ĐX31, khu 7, Phú Mỹ,
Thủ Dầu Một, Bình Dương

TÊN BẢN VẼ

BẢN VẼ CẤU TẠO BỂ
ĐIỀU HÒA, BỂ CHỨA

Tỷ lệ Scal:

Số bản vẽ:

Ngày hoàn thành:

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC
THẢI SINH HOẠT
(Công suất 20 m³/ngày)

**CÔNG TY TNHH
YURO VINA**



Khu phố Ông Đông, P. Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình

ĐƠN VỊ THẦU
CÔNG TY TNHH MÔI
TRƯỜNG KHÔ VIỆT

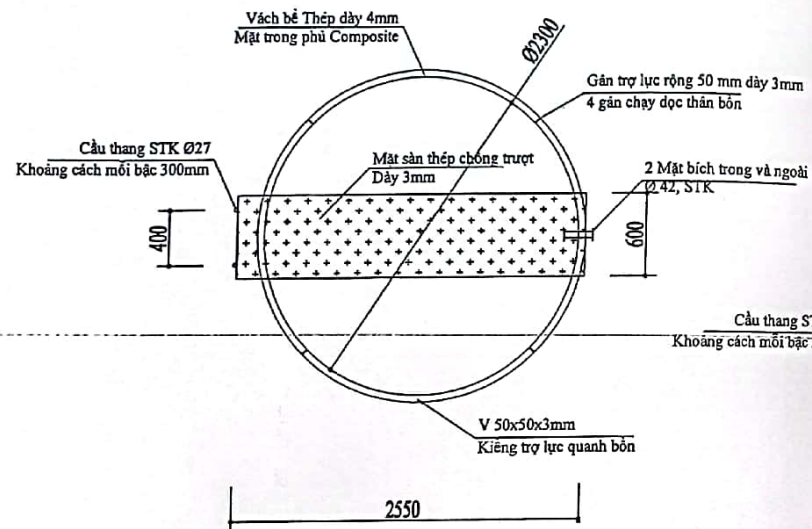


**Đc: 57/33, ĐX31, khu 7, Phú Mỹ,
Thủ Dầu Một, Bình Dương**

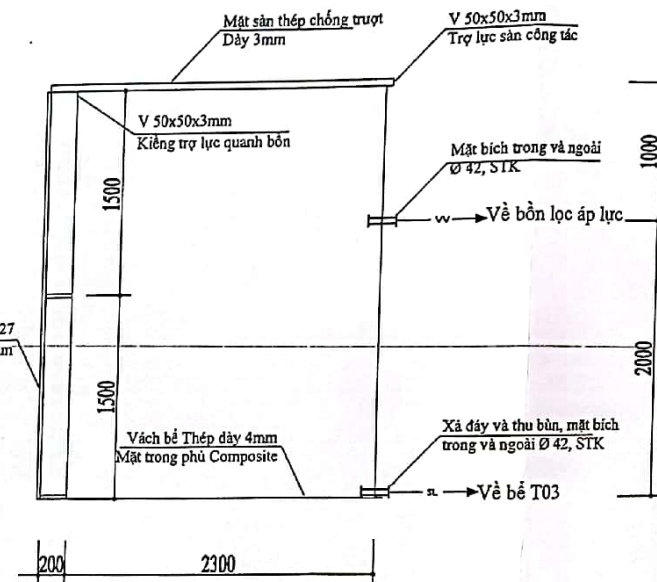
TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ CẤU TẠO BÊ
SBR

Số bản vẽ:

Ngày hoàn thành:

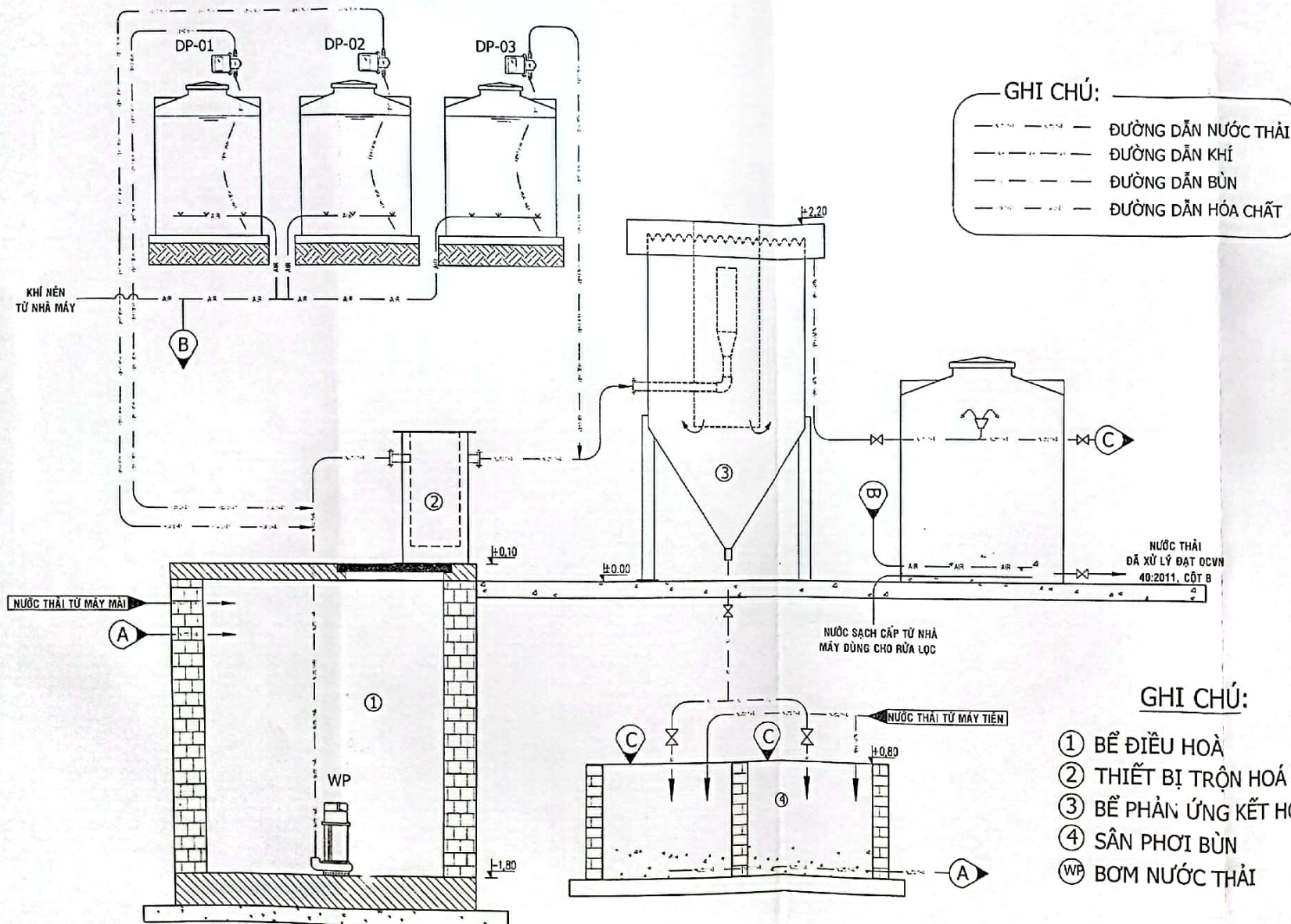


MẶT BẰNG BỂ SBR



MẶT CÁT BÊ SBR

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT CÔNG SUẤT 10 M³/NGÀY ĐÊM



HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
(Công suất: 10 m³/ngày.đêm)

CHỦ ĐẦU
CÔNG TY TNHH YURO VINA



ĐC: Khu phố Ông Đông, Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình Dương

ĐƠN VỊ THẦU
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG KHÔ VIỆT



ĐC: 57/33 ĐX 31, khu 7, Phú Mỹ, Thủ Dầu Một, Bình Dương

TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

Tỷ lệ Scal: Số bản vẽ:
 Ngày hoàn thành:

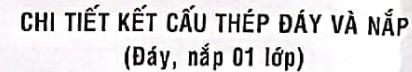
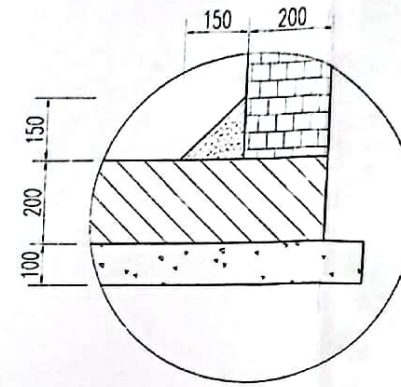
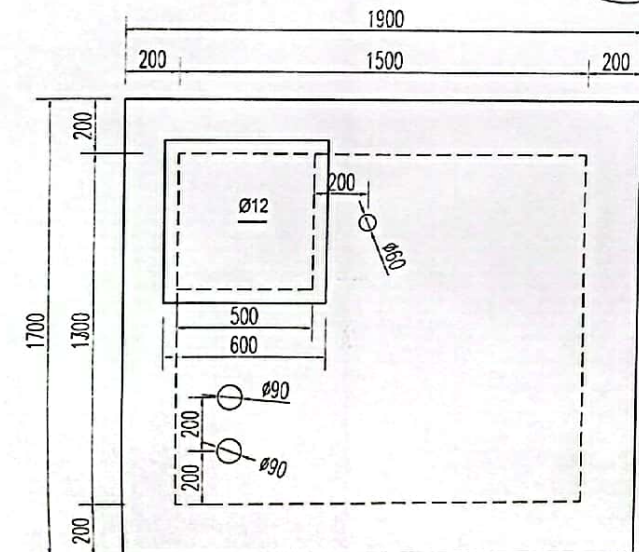
11



- ① BỂ ĐIỀU HOÀ
- ② THIẾT BỊ TRỘN HOÁ CHẤT
- ③ BỂ PHẢN ỨNG KẾT HỢP LẮNG
- ④ SÂN PHƠI BÙN
- ⑤ BƠM NƯỚC THẢI

Ngày hoàn thành:

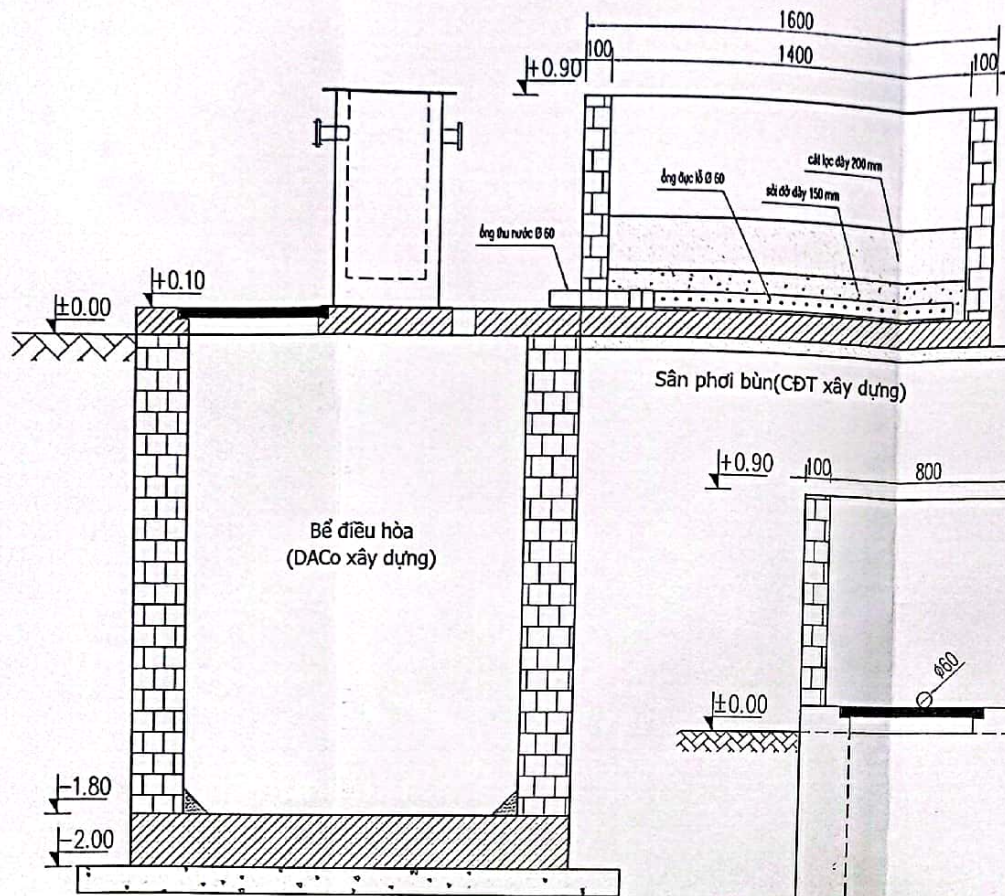
CHI TIẾT BỂ ĐIỀU HÒA



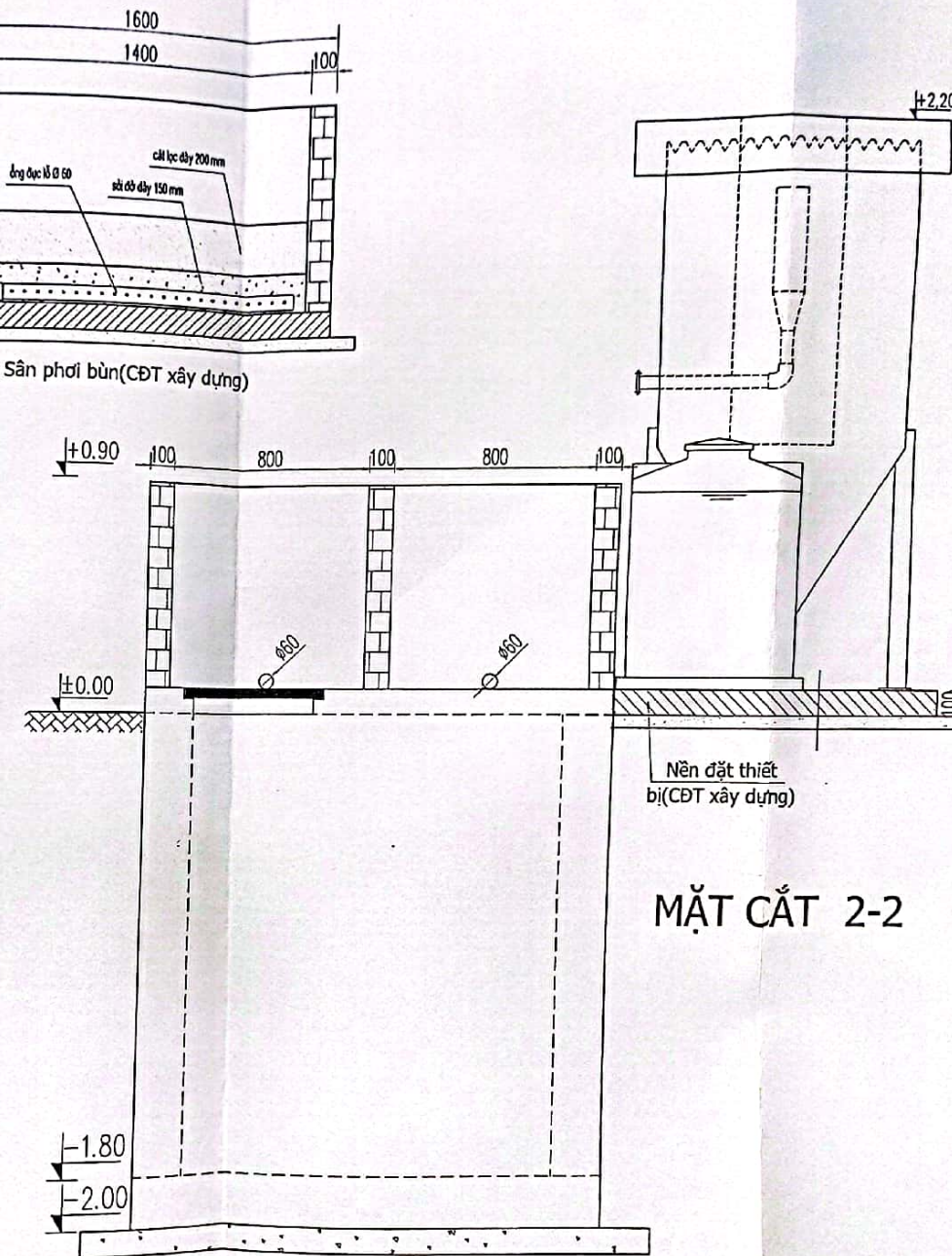
- + Tường gạch dày 200 mm;
- + Đáy và nắp BTCT một lớp thép;
- + Nắp hố thăm được bao V5 xung quanh;
- + Các chi tiết nhựa sử dụng uPVC Bình Minh

Ngày hoàn thành:

MẶT CẮT 1-1, 2-2



MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI SẢN
XUẤT
(Công suất: 10

CHỦ ĐẦU
CÔNG TY TNHH
YURO VINA



ĐC: Khu phố Ông
Đông, Tân Hiệp, Tân
Uyên, Bình Dương

ĐƠN VỊ THẦU
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG
KHÔI VIỆT



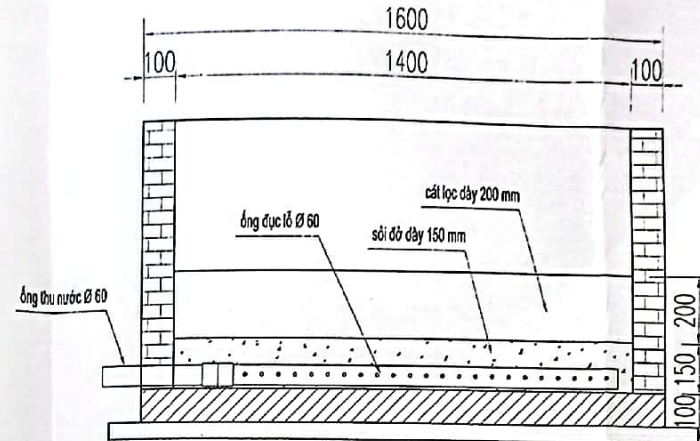
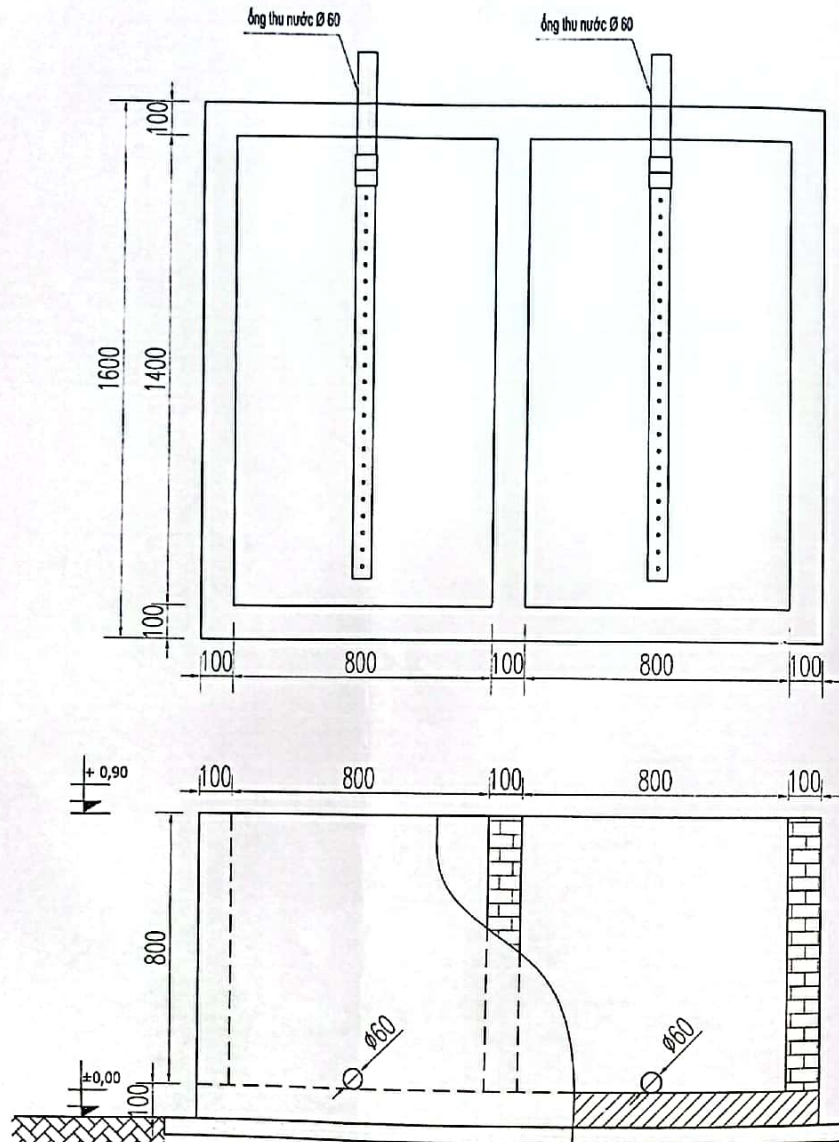
ĐC: 57/33 ĐX31, khu 7,
Phú Mỹ, Thủ Dầu Một,
Bình Dương

TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ MẶT

Tỷ lệ Scal: Số bản vẽ

Ngày hoàn

CHI TIẾT SÂN PHƠI BÙN



GHI CHÚ:

- + Tường gạch ống dày 100 mm;
- + Đáy bê tông dày 100mm;
- + Ống thu nước là ống nhựa đục lỗ;
- + Các chi tiết nhựa sử dụng uPVC Bình Minh

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
(Công suất: 10
m³/ngày.đêm)

CHỦ ĐẦU

CÔNG TY TNHH
YURO VINA



Đc: Khu phố Ông Đông,
Tân Hiệp, Tân Uyên, Bình
Dương

ĐƠN VỊ THẦU

CÔNG TY TNHH MÔI
TRƯỜNG KHÔI VIỆT



ĐC: 57/33 ĐX 31. khu 7,
Phú Mỹ, Thủ Dầu Một,
Bình Dương

TÊN BẢN VẼ

BẢN VẼ CẤU TẠO
SÂN PHƠI BÙN

Tỷ lệ Scal:

Số bản vẽ:

Ngày hoàn thành: